



Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Sài Gòn (SSI)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN **2013**

TÂM NHÌN

SSI hoạt động dựa trên tầm nhìn **Chúng ta cùng thành công**

Điều cốt lõi ở các sản phẩm và dịch vụ của SSI là nỗ lực đem lại thành công cho khách hàng, cộng sự và các đối tác. Chúng tôi phát hiện những cơ hội đầu tư mới trong thị trường tài chính và biến những cơ hội này thành lợi nhuận trong tầm tay.

Thành công của SSI chính là được tận tâm, tận lực đem lại hiệu quả tối ưu cho khách hàng, cộng sự, đối tác, cổ đông và cộng đồng.

SỨ MỆNH

Kết nối vốn & Cơ hội đầu tư

SSI được thành lập với mục đích gắn kết cơ hội đầu tư với các nguồn lực tài chính.

Sứ mệnh này luôn định hướng tất cả sản phẩm và dịch vụ của SSI tại thời điểm hiện thời cũng như trong tương lai.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Sẵn sàng giải pháp: Chúng tôi lắng nghe và chuyên tâm tìm kiếm giải pháp ưu việt nhất cho từng nhu cầu cụ thể của khách hàng.

Sâu sát chuyên môn: Là chuyên gia đầu ngành tài chính, chúng tôi vẫn không ngừng cập nhật, nâng cao kĩ năng chuyên môn để đáp ứng hoàn hảo mọi tiêu chuẩn khách hàng kì vọng ở SSI.

In dấu sáng tạo: Chúng tôi khuyến khích và tạo mọi điều kiện để các cộng sự được toàn quyền tư duy sáng tạo trong chuyên môn vì quyền lợi của SSI và khách hàng.

Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi	02
Thông điệp của Chủ tịch HĐQT	04
Lịch sử phát triển	08
Ngành nghề kinh doanh chính	10
Giải thưởng tiêu biểu	11
Một số chỉ tiêu tài chính 2013	12

14 - BỘ MÁY TỔ CHỨC

Cơ cấu tổ chức	16
Hội đồng Quản trị	18
Hoạt động của HĐQT	20
Ban Kiểm soát	23
Hoạt động của Ban Kiểm soát	24
Nhân sự chủ chốt	26

28 - KINH TẾ 2013 & TRIỂN VỌNG 2014

Tổng quan Kinh tế 2013	30
Triển vọng Kinh tế 2014	36

40 - LĨNH VỰC KINH DOANH

Dịch vụ Chứng khoán	42
Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư	48
Quản lý Quỹ	52
Nguồn vốn và Kinh doanh tài chính	58
Công ty liên kết	64

70 - QUẢN TRỊ RỦI RO

Tóm tắt hệ thống Quản trị rủi ro tại SSI	72
Rủi ro Thị trường	74
Rủi ro Tín dụng	74
Rủi ro Thanh khoản	76
Rủi ro Hệ thống và Bảo mật thông tin	77
Rủi ro Tuân thủ	78
Rủi ro Thương hiệu	78
Rủi ro Quản trị Nguồn nhân lực	80
Rủi ro Pháp lý	81
Kế hoạch hoạt động 2014	81

82 - YẾU TỐ THÚC ĐẨY THÀNH CÔNG

Công nghệ Thông tin	84
Quản trị Nguồn nhân lực	86
Quan hệ Nhà đầu tư	89
Văn hóa Doanh nghiệp	90

92 - BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Phát triển bền vững trong hoạt động Công ty	94
Trách nhiệm Cộng đồng và Xã hội	101

104 - BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2013

Thông tin chung	106
Báo cáo của ban Tổng Giám đốc	108
Báo cáo của Kiểm toán độc lập	109
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	112
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	116
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	117
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất	118
Thuyết minh các báo cáo tài chính hợp nhất	120

168 - THÔNG TIN KHÁC

MỤC LỤC



NGUYỄN DUY HƯNG
Chủ tịch HĐQT
Tổng Giám Đốc

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thưa các Quý vị,

Mặc dù vẫn còn nhiều khó khăn nhưng định hướng phát triển kinh tế vĩ mô bền vững được đề ra từ năm 2012 đã giúp cho kinh tế Việt Nam năm 2013 được cải thiện tạo tiền đề phát triển cho năm 2014. Năm 2013, lạm phát được kiểm chế, lãi suất giảm và tỷ giá ổn định tạo điều kiện cho các doanh nghiệp phát triển, đà suy giảm của nền kinh tế đã được ngăn chặn. Điều quan trọng là bản thân các doanh nghiệp cũng đã nhận thức rõ về việc không thể có lợi ích bền vững từ đầu tư tài sản tài chính mà phải tập trung nguồn lực cho hoạt động sản xuất kinh doanh chính của doanh nghiệp.

Điều kiện kinh tế vĩ mô thuận lợi hơn đã tạo niềm tin cho Nhà Đầu Tư, giúp cho thị trường chứng khoán Việt Nam hồi phục mạnh trong năm 2013. Chỉ số VN Index tăng 23% và HNX Index tăng 19% so với năm 2012. Vốn hóa thị trường đạt khoảng 964 nghìn tỷ VNĐ, tăng 199 nghìn tỷ VNĐ so với năm 2012, tương đương với 32% GDP. Thị trường chứng khoán Việt Nam được đánh giá là một trong 10 thị trường có mức độ phục hồi mạnh nhất trên thế giới.

Năm 2013, SSI đã hoàn thành kế hoạch kinh doanh. Doanh thu của SSI cuối năm 2013 đạt 805,7 tỷ VNĐ thấp hơn so với doanh thu 849,3 tỷ VNĐ của năm 2012 do doanh thu của Khối Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư giảm mạnh và doanh thu từ bộ phận Đầu tư cũng thấp hơn so với cùng kỳ. Lợi nhuận trước thuế không hợp nhất của SSI đạt 458 tỷ VNĐ. Tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 31/12/2013 của SSI đạt 405%. Năm 2013, SSI lại một lần nữa được lựa chọn là một trong 500 Doanh Nghiệp Tư Nhân Lớn Nhất Việt Nam và là Công ty Chứng khoán duy nhất được vinh danh trong danh sách này.

Sự hồi phục mạnh của thị trường chứng khoán cùng với việc nâng cao chất lượng dịch vụ và đa dạng hóa sản phẩm đã giúp các Khối Dịch vụ Chứng khoán, Nguồn vốn & Kinh doanh Tài chính, và Quản Lý Quỹ hoàn thành vượt mức kế hoạch kinh doanh đề ra cho năm 2013. Đối với Khối Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư, thị trường vốn vẫn còn tồn tại nhiều khó khăn trong năm 2013 đã ảnh hưởng không nhỏ tới doanh thu của Khối này.

Năm 2012, chúng tôi đã đánh giá thị trường sẽ gặp nhiều khó khăn và cũng đã dự báo trước được những khó khăn đó sẽ còn tiếp tục tồn tại trong năm 2013. Do vậy, với chiến lược thận trọng và cân bằng, chúng tôi chú trọng nhiều tới việc kiểm soát chi phí và đầu tư hiệu quả. Sự phát triển của Công ty có bền vững được hay không phụ thuộc vào chất lượng của đội ngũ nhân sự và văn hóa của Công ty. Trong năm 2013, SSI tiếp tục duy trì và xây dựng một đội ngũ nhân viên có nhiều kinh nghiệm, có kiến thức chuyên môn sâu và gắn bó với Công ty. Công ty cũng rất chú trọng chăm lo đến đời sống của nhân viên, xây dựng một văn hóa riêng mang màu sắc SSI, để từng nhân viên đều có thể dễ dàng hòa nhập và thấy mình luôn là một phần của văn hóa đó.

Không những chỉ chăm lo cho đời sống của nhân viên, từ nhiều năm nay chúng tôi còn chú trọng đến trách nhiệm của Công ty với cộng đồng và xã hội thông qua những việc làm thiết thực như tài trợ trang thiết bị cho một số bệnh viện tại Hà Nội hay tài trợ tiền và công cụ sản xuất cho tỉnh Quảng Trị và Quảng Ngãi, đồng hành cùng các doanh nghiệp liên kết giúp đồng bào Miền Trung khắc phục hậu quả của cơn bão Nari.

Là một định chế tài chính, chúng tôi hiểu rằng ở bất kỳ thời điểm nào của thị trường sự thành công hay thất bại của chúng tôi đều bắt nguồn từ khách hàng. Do vậy, chúng tôi dành nhiều thời gian trao đổi với doanh nghiệp và nhà đầu tư, cùng nhau nhìn nhận thị trường và chia sẻ thông tin. Qua những trao đổi như vậy, chúng tôi thấu hiểu được nhu cầu của khách hàng hơn để từ đó đưa ra được những phương án và chiến lược đầu tư vừa giúp khách hàng bảo tồn vốn nhưng vẫn không bỏ qua cơ hội gia tăng giá trị tài sản. Đây cũng là một sứ mệnh xuyên suốt mà chúng tôi đã và đang thực hiện – sứ mệnh “Kết nối vốn với cơ hội đầu tư”. Bên cạnh đó, việc lắng nghe và tiếp thu ý kiến, nhu cầu của khách hàng cũng giúp chúng tôi liên tục phát triển thành công nhiều sản phẩm mới, mang thêm nhiều cơ hội mới cho Quý khách hàng và nhà đầu tư.

Sang năm 2014, nền kinh tế sẽ tiếp nối đà phát triển của năm 2013, sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp cũng sẽ tốt hơn. Vấn đề nợ xấu và tồn kho bất động sản sẽ từng bước được giải quyết. Tuy nhiên, sự phát triển bền vững của nền kinh tế sẽ vẫn phụ thuộc rất nhiều vào việc nợ xấu và tồn kho bất động sản sẽ được giải quyết như thế nào.

Hiệp định Đối tác Kinh tế Chiến lược xuyên Thái Bình Dương (TPP) với phạm vi cam kết rộng và mức độ cam kết sâu nên được ký kết sẽ có ảnh hưởng tích cực đến Việt Nam. Nhất là khi TPP sẽ mở ra cơ hội cho các doanh nghiệp Việt Nam thâm nhập sâu hơn vào thị trường các nước Bắc Mỹ, là những nước mà Việt Nam hiện chưa có Hiệp định thương mại song phương. Chúng tôi tin rằng TPP sẽ đặt chúng ta vào vị trí phải nỗ lực trước những thách thức. Hơn nữa, một số vấn đề mà TPP đưa ra như vấn đề doanh nghiệp nhà nước sẽ đặt Việt Nam vào thế phải cải thiện về thể chế và hành chính hiệu quả hơn, tạo ra môi trường cạnh tranh công bằng và minh bạch hơn giữa khu vực nhà nước và khu vực tư nhân.

Chúng tôi cho rằng thị trường chứng khoán năm 2014 sẽ mang lại nhiều cơ hội hơn so với năm 2012 và 2013, đặc

biệt là những ngành được hưởng lợi khi Việt Nam gia nhập TPP bao gồm dệt may, da giày, sản xuất thực phẩm cũng như sản phẩm nông sản. Năm 2014 cũng sẽ tiếp tục là năm để thực hiện các thương vụ M&A khi mà việc tái cấu trúc nền kinh tế sẽ tạo ra các cơ hội có thể mua được nhiều tài sản giá rẻ.

SSI trong năm tới sẽ tiếp tục đồng hành cùng với doanh nghiệp liên kết giúp các doanh nghiệp liên kết phát huy các lợi thế sẵn có để phát triển nhanh và bền vững. SSI cũng sẽ tiếp tục đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao chất lượng dịch vụ, đưa ra nhiều giải pháp công nghệ để nâng thị phần môi giới cũng như để duy trì và phát triển các nghiệp vụ kinh doanh khác cốt lõi khác của Công ty. Con người vẫn là tài sản quý báu nhất của Công ty. Do đó, SSI sẽ tiếp tục đầu tư vào đội ngũ nhân viên và cơ sở hạ tầng để tiếp tục duy trì vị thế dẫn đầu của của SSI trên thị trường.

Thay mặt Hội đồng Quản trị, tôi xin gửi lời cảm ơn trân trọng tới Quý Cổ đông, Quý Khách hàng, Đối tác đã luôn ủng hộ, đồng hành cùng SSI; cảm ơn toàn thể cán bộ nhân viên Công ty vì những đóng góp, sáng tạo và nỗ lực mà các bạn đã làm để cùng SSI vượt qua khó khăn và xây dựng Công ty ngày một vững mạnh hơn nữa.

Xin trân trọng cảm ơn Quý vị,

TP. HCM, ngày 10/03/2014

Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc



NGUYỄN DUY HƯNG



1999 - 2000

30/12/1999: SSI được thành lập, đặt trụ sở chính tại TP. HCM và hoạt động với hai nghiệp vụ: Môi giới Chứng khoán và Tư vấn Đầu tư Chứng khoán. Vốn điều lệ ban đầu là 6.000.000.000 VNĐ

2001

02/2001: SSI tăng vốn điều lệ lên 9.000.000.000 VNĐ

07/2001: SSI tăng vốn điều lệ lên 20.000.000.000 VNĐ, và có 4 nghiệp vụ chính: Tư vấn Đầu tư Chứng khoán, Môi giới Chứng khoán, Tự doanh và Lưu ký Chứng khoán.

2002

07/2002: Thành lập chi nhánh tại Hà Nội, đánh dấu sự mở rộng hoạt động kinh doanh ra các tỉnh phía Bắc.

2004

04/2004: SSI tăng vốn điều lệ lên 23.000.000.000 VNĐ

2005

02/2005: SSI tăng vốn điều lệ lên 26.000.000.000 VNĐ, và mở rộng hoạt động với 5 nghiệp vụ chính: Tư vấn Đầu tư Chứng khoán, Môi giới Chứng khoán, Tự doanh, Lưu ký Chứng khoán và Quản lý danh mục Đầu tư Chứng khoán

06/2005: SSI tăng vốn điều lệ lên 52.000.000.000 VNĐ và hoạt động với 6 nghiệp vụ, trong đó nghiệp vụ Bảo lãnh phát hành Chứng khoán là nghiệp vụ được bổ sung.

2006

02/2006: SSI tăng vốn điều lệ lên 120.000.000.000 VNĐ

05/2006: SSI tăng vốn điều lệ lên 300.000.000.000 VNĐ

09/2006: SSI tăng vốn điều lệ lên 500.000.000.000 VNĐ

11/2006: Thực hiện thành công đợt phát hành trái phiếu chuyển đổi đầu tiên trên TTCKVN cho chính SSI, đi đầu trong việc mở ra một hình thức

phát hành mới cho các công ty đại chúng và công ty niêm yết ngoài phát hành cổ phần thông thường

12/2006: Cổ phiếu SSI đăng ký giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

2007

07/2007: ANZ trở thành cổ đông chiến lược của SSI

07/2007: SSI tăng vốn điều lệ lên 799.999.170.000 VNĐ

08/2007: Công ty Quản lý Quỹ SSI, công ty TNHH Một thành viên của SSI được thành lập

10/2007: SSI chính thức niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh)

11/2007: Thành lập Quỹ Tầm nhìn SSI là quỹ thành viên nội địa với quy mô 1.700.000.000.000 VNĐ – quỹ đầu tư nội địa có quy mô lớn nhất và thuộc top 10 quỹ đầu tư có giá trị lớn nhất trên thị trường

2008

03/2008: SSI tăng vốn điều lệ lên 1.199.998.710.000 VNĐ

04/2008: SSI tăng vốn điều lệ lên 1.366.666.710.000 VNĐ

06/2008: Daiwa trở thành cổ đông chiến lược của SSI

2009

01/2009: SSI tăng vốn điều lệ lên 1.533.334.710.000 VNĐ

07/2009: SSIAM là công ty đầu tiên được cấp giấy phép đầu tư ra nước ngoài

09/2009: SSI chính thức thay đổi hệ thống nhận diện thương hiệu với Tầm nhìn mới - Diện mạo mới

11/2009: Hội thảo “Gateway to Vietnam” lần đầu do SSI và Euromoney đồng tổ chức gây tiếng vang lớn thu hút hàng trăm nhà đầu tư trong nước và quốc tế tham dự

11/2009: Công ty Quản lý Quỹ SSI (SSIAM) và Daiwa SMBC Capital ký thỏa thuận thành lập và quản lý Quỹ Đầu tư DSCAP-SSIAM Vietnam Growth Investment Fund LLC – quỹ nước ngoài duy nhất tại VN đến thời điểm này

2010

03/2010: SSI tăng vốn điều lệ lên 1.755.558.710.000 VNĐ

05/2010: SSI tăng vốn điều lệ lên 3.511.117.420.000 VNĐ

11/2010: Hội thảo “Gateway to Vietnam” lần thứ 2 được tổ chức, thu hút sự tham gia của hơn 600 nhà đầu tư tổ chức trong nước và quốc tế, mang đến cái nhìn tổng thể về tiềm năng của Thị trường Việt Nam và Khối Doanh nghiệp Tư nhân

2011

05/2011: Cùng với Credit Suisse, SSI đã tư vấn phát hành thành công trái phiếu quốc tế lãi suất cao đầu tiên trên thị trường của HAG với tổng giá trị huy động là 90 triệu USD. Đây là lần đầu tiên một doanh nghiệp tư nhân VN tham gia huy động thành công vốn trên thị trường vốn quốc tế

2012

01/2012: SSI tăng vốn điều lệ lên 3.526.117.420.000 VNĐ

11/2012: Quỹ Tầm Nhìn SSI (SSIVF) hết thời hạn hoạt động sau 5 năm. SSIVF đã hoàn lại hơn 90% tiền mặt cho các nhà đầu tư (bao gồm cả cổ tức đã trả)

2013

3/2013: SSI tăng vốn điều lệ lên 3.537.949.420 VNĐ

11/2013: SSI và Tập đoàn LR Group đã ký kết hợp tác huy động quỹ 150 triệu USD chuyên đầu tư vào các công ty trong chuỗi giá trị nông nghiệp - thực phẩm ở Việt Nam và khu vực Đông Nam Á. Quỹ này sẽ được quản lý bởi SSIAM và LR Group

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI) là tổ chức tài chính hàng đầu, uy tín tại thị trường Việt Nam, và là công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch TP. HCM (HOSE). Với những định hướng đầu tư mang tính chiến lược rõ ràng và dài hạn, SSI đã đạt được nhiều thành tựu nổi bật trong suốt quá trình hoạt động. SSI là định chế tài chính đầu tiên trên thị trường Việt Nam cung cấp đa dạng các sản phẩm, dịch vụ tài chính theo tiêu chuẩn quốc tế, bao gồm Dịch vụ Chứng khoán, Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư; Quản lý Quỹ, Nguồn vốn & Kinh doanh Tài chính.

DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN

- ▶ Sản phẩm, dịch vụ cơ bản đối với chứng khoán niêm yết như Mở tài khoản giao dịch, Môi giới, Tư vấn giao dịch, Thực hiện lệnh, Thanh toán tiền, Lưu ký; Hỗ trợ chuyển nhượng đối với chứng khoán chưa niêm yết; và Bán chứng chỉ quỹ mở;
- ▶ Sản phẩm Dịch vụ Tài chính: Giao dịch ký quỹ (margin) và phối hợp với ngân hàng hỗ trợ khách hàng giao dịch chứng khoán;
- ▶ Sản phẩm Dịch vụ Giao dịch Điện tử: Smart Trading, Web Trading, Contact Center, SMS, Pro Trading, Home Mobile Trading;
- ▶ Sản phẩm Tư vấn Đầu tư: Báo cáo vĩ mô, Báo cáo khuyến nghị đầu tư, Báo cáo nhận định thị trường hàng ngày, Báo cáo phân tích ngành, Báo cáo phân tích cổ phiếu, Báo cáo tư vấn định giá cổ phiếu, Báo cáo phân tích thị trường tiền tệ, Báo cáo phân tích dòng lưu chuyển vốn, Báo cáo phân tích kỹ thuật;
- ▶ Các hoạt động tiếp cận & tìm hiểu doanh nghiệp: Tổ chức cho khách hàng đi thăm các công ty niêm yết, Tổ chức hội thảo giới thiệu cơ hội đầu tư cho khách hàng tại Việt Nam và nước ngoài.

DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ

- ▶ Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp: Tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp, Tư vấn tái cấu trúc tài chính doanh nghiệp, Chia tách giải thể doanh nghiệp, Tư vấn niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán, Tư vấn cổ phần hóa doanh nghiệp;
- ▶ Tư vấn Mua bán & Sáp nhập doanh nghiệp (M&A);
- ▶ Tư vấn huy động vốn trên thị trường vốn trong và ngoài nước: Tư vấn phát hành và bảo lãnh phát hành cổ phiếu, trái phiếu và các sản phẩm phái sinh (phát hành ra công chúng, phát hành riêng lẻ).

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ SSI (SSIAM)

- ▶ Quản lý Quỹ đầu tư bao gồm các hoạt động Huy động và Quản lý các quỹ đầu tư trong nước và nước ngoài;
- ▶ Quản lý danh mục đầu tư bao gồm Quản lý danh mục đầu tư toàn bộ hoặc theo chỉ định cho các khách hàng tổ chức trong và ngoài nước, quản lý tài sản cho các khách hàng cá nhân trong và ngoài nước có giá trị tài sản lớn;
- ▶ Tư vấn đầu tư cho các khách hàng tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;
- ▶ Tư vấn định hướng chiến lược đầu tư và phân bổ tài sản.

NGUỒN VỐN & KINH DOANH TÀI CHÍNH

- ▶ Kinh doanh nguồn vốn bao gồm các hoạt động giao dịch đầu tư vốn thông qua các Hợp đồng tiền gửi, Ủy thác, Mua bán lại (Repo) trái phiếu, Mua bán giấy tờ có giá lãi suất cố định và các loại giao dịch được cơ cấu đặc biệt khác;
- ▶ Dịch vụ liên quan đến trái phiếu bao gồm Môi giới, Hỗ trợ hiện thực hóa các nhu cầu mua bán của nhà đầu tư thông qua phương thức đấu thầu, bảo lãnh phát hành trái phiếu;
- ▶ Dịch vụ thiết kế, xây dựng các sản phẩm cấu trúc để đáp ứng các nhu cầu vay vốn cũng như đầu tư vốn của khách hàng với mức lãi suất và thời hạn phù hợp.

GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

Huân chương Lao động Hạng Ba cho những thành tích xuất sắc trong xây dựng & phát triển Thị trường Chứng Khoán giai đoạn năm 2000 – 2010

SSI là thành viên tiêu biểu tại HNX và Top 10 công ty chứng khoán có thị phần môi giới lớn nhất tại HOSE năm 2013

Top 500 Doanh nghiệp Tư nhân lớn nhất Việt Nam (VNR500) trong 6 năm liên tiếp 2008 – 2009 – 2010 – 2011 – 2012 - 2013

Top 1000 Doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (V1000) trong 3 năm 2010 – 2012 - 2013

Asiamoney Brokers Poll 2013: với 24 giải thưởng, trong đó có thể chia ra làm 4 nhóm giải thưởng chính: Giải thưởng cho SSI:

“Công ty Chứng khoán tốt nhất Việt Nam”

“Công ty Chứng khoán có sự tiến bộ vượt bậc tại Việt Nam trong 12 tháng qua”

Giải thưởng cho Bộ Phận Phân tích & Tư vấn đầu tư SSI:

“Công ty tốt nhất Việt Nam về Phân tích và Nghiên cứu thị trường”

“Chuyên gia phân tích hàng đầu Việt Nam” cho bà Hoàng Việt Phương – Giám đốc Phân tích Tư vấn & Đầu tư Khách hàng Tổ chức SSI

Giải thưởng cho Bộ phận Phát triển Khách hàng Tổ chức SSI:

“Công ty tốt nhất Việt Nam về Dịch vụ Môi giới”

“Công ty tốt nhất Việt Nam về Tổ chức hội thảo giới thiệu cơ hội đầu tư và Gặp gỡ doanh nghiệp”

“Môi giới tổ chức tốt nhất Việt Nam” cho ông Phạm Ngọc Bích – Giám đốc Phát triển Khách hàng Tổ chức SSI

Giải thưởng cho Bộ phận Môi giới Khách hàng Tổ chức SSI:

“Công ty tốt nhất Việt Nam về Thực hiện Giao dịch”

“Công ty tốt nhất Việt Nam về Môi giới Giao dịch”

Asia Asset Management:

“Công ty Quản lý Quỹ tốt nhất Việt Nam” trong 2 năm liên tiếp 2012 - 2013

“Tổng Giám Đốc của năm” cho bà Lê Lệ Hằng – Tổng Giám Đốc Công ty Quản lý Quỹ SSI trong 2 năm liên tiếp 2012 – 2013

“Giám đốc Đầu tư của năm 2013” cho ông Nguyễn Thanh Tùng – Phó Tổng Giám Đốc Công ty Quản lý Quỹ SSI

The Asset:

“Ngân hàng Đầu tư tốt nhất Việt Nam” trong 3 năm tiếp 2011 – 2012 - 2013

“Nhà Tư vấn tốt nhất Việt Nam” trong 3 năm liên tiếp 2011 – 2012 - 2013

“Công ty Quản lý Quỹ tốt nhất Việt Nam” năm 2012

FinanceAsia:

“Nhà Môi giới tốt nhất Việt Nam” trong bốn năm liên tiếp 2008 – 2009 – 2010 - 2011

“Nhà Tư vấn tốt nhất Việt Nam” trong bốn năm liên tiếp 2008 – 2009 - 2010 – 2012

“Ngân hàng Đầu tư tốt nhất Việt Nam” trong hai năm liên tiếp 2010 – 2011

Asian Investor:

“Công ty Quản lý Quỹ Nội địa hoạt động hiệu quả nhất tại Việt Nam năm 2010”

Alpha South East Asia:

“Ngân hàng Đầu tư tốt nhất Việt Nam” năm 2011

“Nhà Tư vấn phát hành trái phiếu tốt nhất Việt Nam” năm 2011

“Nhà Môi giới tổ chức tốt nhất Việt Nam” năm 2011

“Thương vụ Tư vấn phát hành trái phiếu tốt nhất Đông Nam Á” năm 2011



Asia Asset Management
THE JOURNAL OF INVESTMENTS & PENSIONS

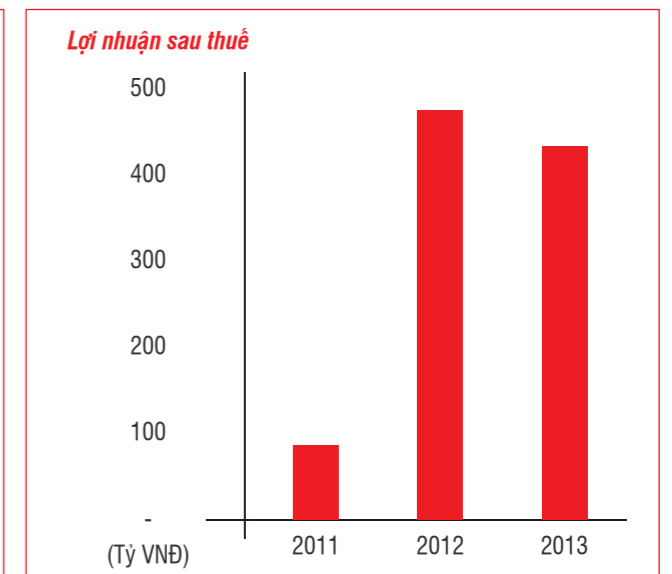
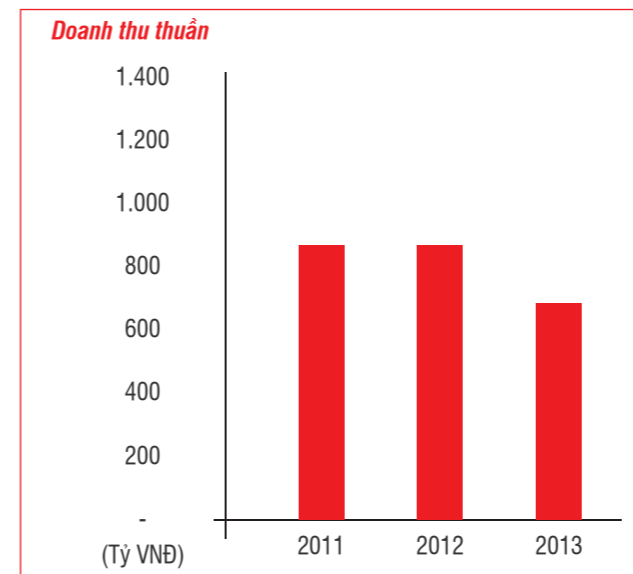
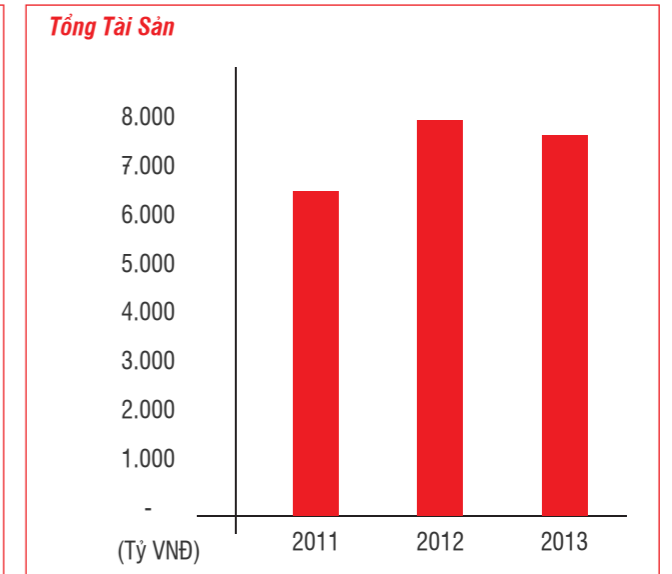
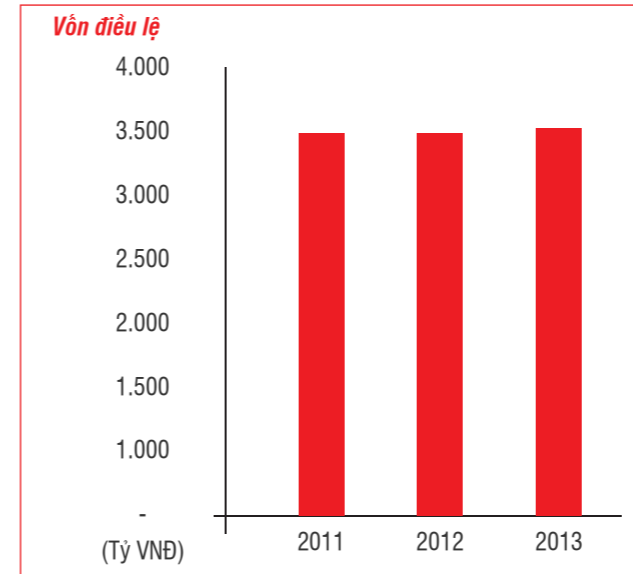


Kết quả kinh doanh	2011	2012	2013
Doanh thu thuần (VNĐ)	848.048.772.890	849.294.221.184	726.943.829.636
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (VNĐ)	163.330.324.796	376.778.240.068	328.444.936.244
Tổng lợi nhuận trước thuế (VNĐ)	126.604.379.877	487.258.631.205	505.834.184.178
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ (VNĐ)	79.129.012.745	464.299.378.161	418.044.800.068

Bảng cân đối tài sản	2011	2012	2013
Tổng tài sản (VNĐ)	6.507.513.198.854	7.980.875.901.875	7.705.073.825.594
Vốn điều lệ (VNĐ)	3.526.117.420.000	3.526.117.420.000	3.537.949.420.000
Tổng số lượng cp bình quân gia quyền	348.408.905	349.577.749	350.654.030
Nguồn vốn chủ sở hữu (VNĐ)	5.080.665.298.616	5.191.573.047.865	5.242.182.121.977

Các chỉ tiêu khác	2011	2012	2013
Cơ cấu tài sản			
TS ngắn hạn/ Tổng tài sản	49,5%	60,6%	58,0%
TS dài hạn/ Tổng tài sản	50,5%	39,4%	42,0%
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/ Tổng tài sản	20,8%	33,9%	30,9%
Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng tài sản	78,1%	65,1%	68,0%

Tỷ suất lợi nhuận	2011	2012	2013
Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROA)	1,2%	5,8%	5,4%
Lợi nhuận sau thuế/ Nguồn vốn chủ sở hữu (ROE)	1,6%	8,9%	8,0%
Lợi nhuận sau thuế/ Vốn điều lệ	2,2%	13,2%	11,8%
Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	9,3%	54,7%	57,5%
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu EPS (VNĐ)	227	1.328	1.192

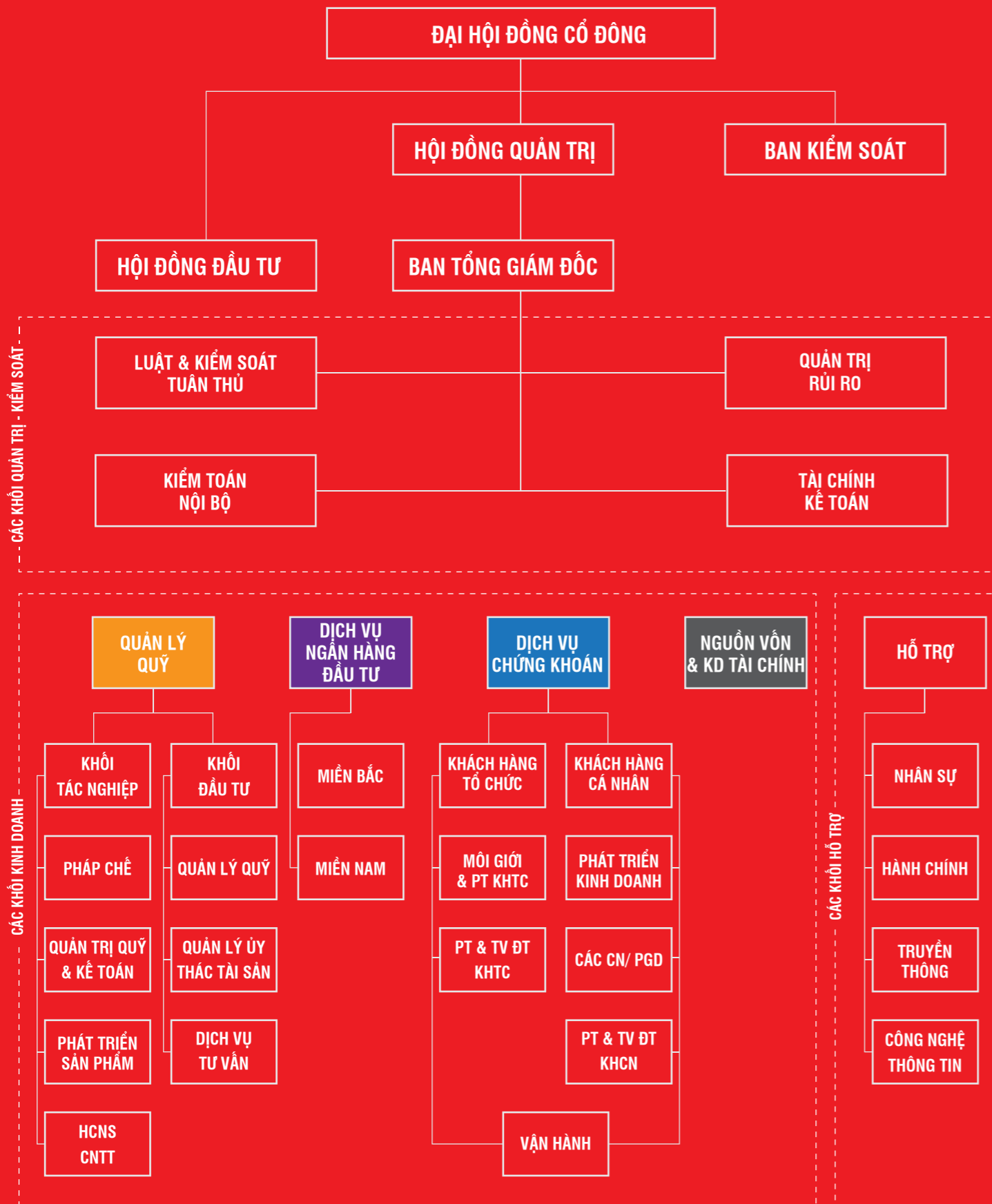




SSI

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

 **BỘ MÁY TỔ CHỨC**





Ông Nguyễn Duy Hưng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc SSI

Ông Hưng là người sáng lập SSI.

Năm 2013, ông được Đại Hội Đồng Cổ Đông (ĐHĐCĐ) Công ty Cổ phần Pan Pacific Việt Nam bầu vào Hội đồng Quản trị (HĐQT) và hiện cũng là Chủ tịch HĐQT Công ty này.



Ông Ngô Văn Điểm

Thành viên HĐQT

Ông Điểm có bề dày kinh nghiệm hơn 30 năm làm việc trong lĩnh vực đầu tư trong nước và nước ngoài, cải cách doanh nghiệp nhà nước, phát triển khu công nghiệp và hội nhập kinh tế ở các chức vụ trung, cao cấp trong các cơ quan của Chính phủ. Ông đã từng đảm nhiệm các vị trí như Chánh Văn phòng Ủy Ban Nhà nước về Hợp tác đầu tư, Vụ trưởng Hội đồng thẩm định nhà nước, Vụ trưởng Ban quản lý các khu công nghiệp Việt Nam và Phó trưởng ban Ban nghiên cứu của Thủ tướng đặt tại Văn phòng Chính phủ. Ông Điểm tốt nghiệp Đại học tổng hợp Leipzig và là tiến sĩ kinh tế Đại học Martin Luther University Halle tại Đức.



Ông Nguyễn Hồng Nam

Thành viên HĐQT

Ông Nam là nhà quản lý doanh nghiệp thành công trong nhiều lĩnh vực kinh doanh. Ông Nam có bằng Thạc sĩ Khoa học tại Trường Đại học Bách khoa Lugansk – Ukraina.



Ông Tetsuo Akuzawa

Thành viên HĐQT

Ông Tetsuo Akuzawa đã có kinh nghiệm hoạt động gần 30 năm trong ngành chứng khoán. Ông hiện là Chủ tịch Daiwa Capital Markets Hong Kong Limited và Giám đốc Điều hành Cấp cao, Giám đốc toàn cầu Kinh doanh Vốn Cổ phần và Nghiên cứu của Daiwa Securities Co. Ltd., Nhật Bản. Ông cũng giữ nhiều vị trí điều hành cao cấp tại các công ty khác trong hệ thống công ty Daiwa. Ông tốt nghiệp Đại học Waseda, Nhật Bản năm 1985 và là Đại diện Kinh doanh Chứng khoán Cấp 1 của Hiệp hội Kinh doanh Chứng khoán Nhật Bản.

Ông là thành viên HĐQT của SSI từ tháng 4/2013 và là đại diện của cổ đông lớn Daiwa Securities Group.



Ông Alistair Marshall Bulloch

Thành viên HĐQT

Ông Alistair hiện là Giám đốc điều hành và Cố vấn cao cấp khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, Châu Âu và Mỹ của Ngân hàng ANZ. Ông đã có hơn 30 năm kinh nghiệm trong ngành ngân hàng.



Bà Phan Thị Thanh Bình

Thành viên HĐQT

Bà Bình đã có 16 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng tại Việt Nam và hiện là Giám đốc Khối Thị trường Tài chính Việt Nam của Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ (Việt Nam). Bà tham gia HĐQT SSI từ tháng 04/2013 theo giới thiệu của cổ đông lớn Ngân hàng ANZ.



Ông Bùi Quang Nghiêm

Thành viên HĐQT

Ông Nghiêm hiện nay là Giám đốc Công ty Luật Hợp danh Nghiêm & Chính, Phó Chủ nhiệm Đoàn Luật sư TP. HCM. Ông Nghiêm tốt nghiệp trường Đại học Tổng hợp Halle - CHDC Đức

Họ và Tên	Chức danh	Mức độ độc lập (*)	Nhiệm kỳ
Ông Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch	Thành viên HĐQT kiêm chức danh điều hành, người có liên quan của cổ đông lớn Công ty TNHH NDH Việt Nam. Có sở hữu cổ phiếu SSI.	Được bầu ngày 01 tháng 11 năm 1999 Bầu lại ngày 27 tháng 09 năm 2003 Bầu lại ngày 28 tháng 04 năm 2010
Ông Ngô Văn Điểm	Thành viên	Thành viên HĐQT độc lập, không điều hành. Có sở hữu cổ phiếu SSI.	Được bầu ngày 21 tháng 04 năm 2007 Bầu lại ngày 20 tháng 04 năm 2012
Ông Nguyễn Hồng Nam		Thành viên HĐQT kiêm chức danh điều hành. Có sở hữu cổ phiếu SSI.	Được bầu ngày 01 tháng 11 năm 1999 Bầu lại ngày 24 tháng 04 năm 2009
Bà Phan Thị Thanh Bình	Thành viên	Thành viên HĐQT không điều hành, người có liên quan của cổ đông lớn - Ngân hàng ANZ (Australia and New Zealand Banking Group). Không sở hữu cổ phiếu SSI.	Được bầu ngày 25 tháng 04 năm 2013
Ông Bùi Quang Nghiêm	Thành viên	Thành viên HĐQT độc lập, không điều hành. Có sở hữu cổ phiếu SSI.	
Ông Tetsuo Akuzawa	Thành viên	Thành viên HĐQT không điều hành, người có liên quan của cổ đông lớn - Công ty Chứng khoán Daiwa (Daiwa Securities Group Inc) Không sở hữu cổ phiếu SSI	Được bầu ngày 25 tháng 04 năm 2013
Ông Alistair Marshall Bulloch	Thành viên	Thành viên HĐQT không điều hành, người có liên quan của cổ đông lớn - Ngân hàng ANZ (Australia and New Zealand Banking Group) Không sở hữu cổ phiếu SSI.	Được bổ nhiệm ngày 19 tháng 10 năm 2010 và chấp thuận bởi ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 04 năm 2011

(*) Ghi chú: Thành viên HĐQT độc lập được xác định căn cứ điểm 3 Điều 2 Thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26/7/2012 của Bộ Tài Chính quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thực hiện Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2013, HĐQT tiếp tục điều hành Công ty theo định hướng thận trọng nhằm đạt được kế hoạch kinh doanh đã đề ra, đồng thời thay đổi hoạt động quản trị công ty cho phù hợp với quy định về quản trị nội bộ công ty chứng khoán theo Thông tư số 210/2012/TT-BTC hướng dẫn về thành lập Công ty chứng khoán và Quy chế quản trị công ty đại chúng ban hành kèm theo Thông tư số 121/2012/TT-BTC của Bộ Tài Chính.

Thành phần của HĐQT hiện tại đáp ứng được yêu cầu về quản trị công ty đại chúng với năm trong số bảy thành viên HĐQT là thành viên không điều hành và hai thành viên độc lập (không điều hành và không phải là cổ đông lớn hoặc người có liên quan của cổ đông lớn). Tất cả thành viên HĐQT là những người có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực quản trị công ty, quản trị tài chính, nghiên cứu chính sách, tư vấn pháp luật.

HĐQT phân công ông Ngô Văn Điểm, thành viên HĐQT độc lập, là đầu mối theo dõi tình hình hoạt động của Ban Tổng Giám Đốc và lập báo cáo hoạt động hàng tháng của HĐQT gửi đến các thành viên về tiến độ, về kết quả kinh doanh của tháng, tiến độ triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Nghị quyết của HĐQT, kế hoạch hoạt động của HĐQT tháng tiếp theo.

HĐQT cũng đã có kế hoạch cử thành viên phụ trách hoạt động Kiểm toán nội bộ và Quản lý rủi ro.

Trong năm 2013, HĐQT đã tổ chức 4 cuộc họp trực tiếp, số lượng thành viên tham dự họp và các quyết định cụ thể đã được thông qua như sau:

#	Thành viên HĐQT	Chức danh	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do
1	Ông Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch	4/4	100%	
2	Bà Đàm Bích Thủy	Thành viên	0/4	0%	Miễn nhiệm ngày 25/04/2013
3	Ông Alistair Marshall Bulloch	Thành viên	4/4	100%	
4	Bà Phan Thị Thanh Bình	Thành viên	3/4	75%	Được bầu ngày 25/04/2013
5	Ông Ngô Văn Điểm	Thành viên	4/4	100%	
6	Ông Bùi Quang Nghiêm	Thành viên	4/4	100%	
7	Ông Nguyễn Hồng Nam	Thành viên	4/4	100%	
8	Ông Masami Tada	Thành viên	1/4	25%	Miễn nhiệm ngày 25/04/2013
9	Ông Tetsuo Akuzawa	Thành viên	3/4	75%	Miễn nhiệm ngày 25/04/2013

Các Nghị quyết/ Quyết định của Hội Đồng Quản Trị

#	Số Nghị quyết Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/2013/NQ-HĐQT	18/03/2013	Kế hoạch kinh doanh 2013 trình ĐHĐCĐ thường niên; Sửa đổi Điều lệ tương ứng với số cổ phần mới phát hành; Nội dung cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên 2013
2	17/2013/QĐ-CTHĐQT	10/07/2013	Ngày chốt danh sách cổ đông trả cổ tức năm 2012 bằng tiền mặt tỉ lệ 10% mệnh giá và ngày chi trả.
3	02/2013/NQ-HĐQT	18/12/2013	Chấp thuận đăng ký bổ sung ngành "Tư vấn đầu tư chứng khoán" cho Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI Thông qua Điều lệ Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI được sửa đổi theo mẫu điều lệ áp dụng cho các công ty quản lý quỹ ban hành kèm theo Thông tư số 212/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc

- Chỉ đạo và giám sát việc thực hiện phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho nhân viên tháng 01/2013 theo Nghị quyết (NQ) số 01/2012/NQ-ĐHĐCĐ của ĐHĐCĐ và NQ số 03/2012/NQ-HĐQT ngày 08/10/2012 của HĐQT. Công ty đã phát hành thành công 1.183.200 cổ phiếu theo chương trình trên;
- Triển khai các công việc liên quan đến tổ chức ĐHĐCĐ năm 2013 vào ngày 25/04/2013 tại Thành phố Hồ Chí Minh, trọng tâm là kế hoạch kinh doanh năm 2013;
- Tổ chức cuộc gặp mặt hàng năm toàn thể nhân viên SSI vào ngày 20/04/2013 tại Đà Nẵng nhằm tăng cường sự đoàn kết, hiểu biết lẫn nhau giữa các nhân viên SSI trên toàn hệ thống, tạo thêm động lực thực hiện kế hoạch kinh doanh 2013;
- Triển khai hệ thống hỗ trợ các sản phẩm tài chính hỗ trợ nhà đầu tư;
- Triển khai các biện pháp nhằm thực hiện kế hoạch kinh doanh 2013 đã được ĐHĐCĐ phê chuẩn song song với yêu cầu bảo đảm an toàn, hạn chế rủi ro cho Công ty và nhà đầu tư;
- Chỉ đạo TGD nghiên cứu, đề xuất HĐQT thành lập, hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro, kiểm toán nội bộ theo yêu cầu của pháp luật đối với công ty chứng khoán;
- Kiểm điểm việc thực hiện kế hoạch kinh doanh 2013;
- Lập kế hoạch kinh doanh 2014.

Đánh giá của HĐQT đối với hoạt động chung của Công Ty

- Bảo đảm Công ty hoạt động có hiệu quả, quản lý được rủi ro thông qua các công cụ như kiểm soát và kiểm toán nội bộ, công bố thông tin kịp thời, trung thực và minh bạch;
- Đề cao Công ty và các quy chế hoạt động nội bộ là nền tảng, phát huy được tính chủ động và sáng tạo của nhân viên;
- Tuân thủ pháp luật, bảo đảm hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, Doanh nghiệp, Đối tác, người lao động và Cổ đông;
- Thực hiện chiến lược phát triển phù hợp với bối cảnh thị trường chứng khoán suy thoái là đẩy mạnh hoạt động liên kết với những doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp và hàng tiêu dùng thiết yếu;
- Văn hóa Công ty ngày càng được định hình và có bước tiến mới, thực sự trở thành một trong những động lực phát triển;
- Thực hiện trách nhiệm xã hội, đặc biệt là các hoạt động từ thiện như tham gia tài trợ cho xã Vĩnh Thạch, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, một xã điểm của Chương trình xây dựng nông thôn mới và nhiều hoạt động khác.

Đánh giá của HĐQT đối với hoạt động của HĐQT (Ban Giám đốc)

- Phân định rõ chức năng, nhiệm vụ của HĐQT và Ban Điều hành.
 - HĐQT thực hiện: hoạch định định hướng, chiến lược phát triển của Công ty; đưa ra những quyết định quan trọng; làm điểm tựa, uy tín cho Công ty;
 - Ban Điều hành thực hiện: thực thi quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT; điều hành công việc hằng ngày và bảo đảm bộ máy hoạt động thông suốt.
- Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với HĐQT, tránh sự lạm quyền và chức vụ;
- Thực hiện tốt vai trò của thành viên HĐQT độc lập, bảo vệ quyền lợi của cổ đông thiểu số;
- Thực hiện tốt quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT theo Điều lệ Công ty: Quyết định chiến lược, kế hoạch kinh doanh; chào bán, mua lại cổ phần; tổ chức nhân sự, giám sát hoạt động của Ban điều hành;
- Các thành viên HĐQT tham gia đầy đủ các phiên họp và phát huy được sáng tạo và trách nhiệm trong việc đề xuất ý kiến cho thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT;
- Chủ tịch HĐQT đưa ra được chương trình, mục tiêu cuộc họp của HĐQT và điều hành cuộc họp dân chủ có hiệu quả để đạt được mục tiêu đề ra.

Ý kiến đánh giá của thành viên HĐQT đại diện phần vốn của Ngân Hàng ANZ đối với hoạt động của HĐQT:

- HĐQT chịu trách nhiệm quản lý hoạt động của SSI. HĐQT ủy nhiệm cho TGD và thông qua TGD ủy nhiệm cho các cấp quản lý cao cấp có thẩm quyền và trách nhiệm tham gia quản lý hoạt động của SSI. HĐQT chỉ đạo việc điều hành và quản trị Công ty, giám sát hiệu quả hoạt động.
- Năm 2013, với sự lãnh đạo của Ban Giám Đốc, SSI đã đạt được 24 giải thưởng cao quý của Asiamoney Brokers Poll 2013 bao gồm giải thưởng "Công ty Chứng Khoán tốt nhất Việt Nam", "Công ty tốt nhất Việt Nam về Phân tích và Nghiên cứu thị trường" và "Công ty tốt nhất Việt Nam về Dịch vụ Môi giới", một lần nữa khẳng định vị thế dẫn đầu trong số các công ty chứng khoán Việt Nam.
- Trong năm, Ban Giám Đốc đã nỗ lực thực hiện kế hoạch và các mục tiêu đã được ĐHĐCĐ thông qua và kết quả đã vượt kế hoạch kinh doanh đặt ra. Năm 2014, Ban Giám Đốc công ty sẽ tiếp tục chú trọng xây dựng nguồn nhân lực mạnh mẽ cũng như bộ máy quản trị doanh nghiệp chặt chẽ để giữ vững vị thế hàng đầu và đạt được sự tăng trưởng bền vững.

Định hướng hoạt động 2014

- › Chú trọng nâng cao chất lượng quản trị Công ty: Lãnh đạo chiến lược, quản trị rủi ro, minh bạch, củng cố niềm tin, tạo sự đồng thuận, đoàn kết, phát huy tinh thần và văn hóa SSI;
- › Tận dụng cơ hội nền kinh tế đang phục hồi, kinh tế vĩ mô có những tín hiệu tích cực để thực hiện mạnh hơn việc “**Kết nối vốn & Cơ hội đầu tư**” với 5 mục tiêu đã được Chủ tịch HĐQT xác định trong Thông điệp 2014, đồng thời tăng hiệu quả hoạt động của các công ty liên kết;
- › Xây dựng kế hoạch kinh doanh 2014 tăng trưởng so với kế hoạch năm 2013, bảo đảm an toàn nguồn vốn, tăng trưởng tài sản trên 10%;
- › Xây dựng đội ngũ Dịch vụ Chứng khoán chuyên nghiệp để gia tăng thị phần, từng bước giành lại vị thế của Công ty chứng khoán hàng đầu;
- › Ổn định và xây dựng đội ngũ Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư để có thành tích vượt trội, mang lại những giá trị khác biệt và lợi ích bền vững cho khách hàng; tập trung vào mảng dịch vụ M&A;
- › Công tác quản trị rủi ro toàn diện cần được tiếp tục thực hiện chặt chẽ để giảm thiểu mọi ảnh hưởng tiêu cực đến uy tín và hiệu quả kinh doanh của SSI. Đồng thời, hạ tầng công nghệ thông tin cần được bảo đảm và tiếp tục đào tạo nâng cao để song hành cùng yêu cầu của hoạt động kinh doanh.

BAN KIỂM SOÁT



Ông Nguyễn Văn Khải

Trưởng Ban Kiểm Soát

Ông Khải tham gia vào Ban Kiểm soát SSI từ năm 1999 và liên tục được tín nhiệm bầu là Trưởng Ban Kiểm soát qua các nhiệm kỳ.

Ông Khải là người có nhiều kinh nghiệm trong quản lý, điều hành doanh nghiệp và hiện là Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình, một công ty hoạt động trong lĩnh vực đầu tư, thương mại và dịch vụ vệ sinh công nghiệp.



Ông Đặng Phong Lưu

Thành Viên Ban Kiểm Soát

Ông Lưu trở thành thành viên Ban Kiểm soát SSI từ năm 2005. Ông đã từng giữ chức vụ Giám đốc Chi nhánh Tân Bình - Ngân Hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam (VIB). Ông có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng. Ông tốt nghiệp Đại Học Ngân Hàng, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông hiện điều hành doanh nghiệp do mình thành lập là Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại An Bảo với chức danh Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên.



Bà Hồ Thị Hương Trà

Thành Viên Ban Kiểm Soát

Bà Trà là thành viên của Ban Kiểm soát SSI từ năm 2007. Bà Trà có kinh nghiệm trên 14 năm tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN. Bà Trà từng làm ở bộ phận kế toán và nay là nhân viên Phòng Quản lý nợ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam. Bà Trà là cử nhân của Trường Đại học Tài chính kế toán.

Họ và Tên	Chức danh	Mức độ độc lập	Nhiệm kỳ
Ông Nguyễn Văn Khải	Trưởng ban Kiểm soát	Không phải là người lao động của Công ty. Có sở hữu cổ phiếu SSI.	Được bầu ngày 01 tháng 11 năm 1999 Bầu lại ngày 08 tháng 04 năm 2006 Bầu lại ngày 28 tháng 04 năm 2011
Ông Đặng Phong Lưu	Thành viên ban Kiểm soát	Không phải là người lao động của Công ty. Có sở hữu cổ phiếu SSI.	Được bầu ngày 26 tháng 03 năm 2005 Bầu lại ngày 28 tháng 04 năm 2010
Bà Hồ Thị Hương Trà	Thành viên ban Kiểm soát	Không phải là người lao động của Công ty. Có sở hữu cổ phiếu SSI.	Được bầu ngày 21 tháng 04 năm 2007 Bầu lại ngày 20 tháng 04 năm 2012

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Thực hiện thẩm quyền của mình theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, Ban Kiểm soát đã giám sát việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2013, giám sát việc tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty và các văn bản nội bộ, kiểm tra việc lập báo cáo tài chính và kiểm toán báo cáo tài chính định kỳ. Ban Kiểm soát đã phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên để thực hiện chức năng giám sát các hoạt động của Công ty và báo cáo lại kết quả giám sát tại mỗi cuộc họp định kỳ trong năm.

Kết quả thực hiện các hoạt động chính của Ban Kiểm soát trong năm 2013 như sau:

Giám sát việc tuân thủ pháp luật, chấp hành Điều lệ Công ty và thực hiện Nghị quyết Đại hội cổ đông

Hoạt động của Công ty trong năm 2013 tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và Điều lệ, Công ty chấp hành tốt quy định về công bố thông tin đối với công ty chứng khoán niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh. Các cán bộ quản lý, cổ đông nội bộ tuân thủ đúng quy định về công bố thông tin khi giao dịch cổ phiếu SSI.

Các báo cáo tài chính riêng hàng quý, sáu tháng được công bố đúng thời hạn, tuy nhiên, hiện tượng chậm trễ trong việc công bố báo cáo tài chính hợp nhất các quý từ năm trước vẫn chưa được khắc phục vì lý do khách quan. Công ty đều có công bố thông tin xin phép được nộp báo cáo tài chính hợp nhất trễ hạn và được UBCKNN chấp thuận. Ban Kiểm soát ghi nhận ý kiến giải trình của Tổng Giám đốc đối với vấn đề này và kiến nghị Tổng Giám đốc, HĐQT có phương án khắc phục hiệu quả.

Kết quả giám sát về mặt tài chính

Công ty đã lập và công bố các Báo cáo tài chính định kỳ phù hợp với các quy định của UBCKNN. Báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tỉ lệ an toàn tài chính và Báo cáo tài chính năm 2013 được soát xét và kiểm toán bởi công ty kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam đúng theo quy định hiện hành của UBCKNN và Bộ Tài chính.

Báo cáo tài chính năm 2013 đã trình bày trung thực và hợp lý trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tại ngày 31/12/2013, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm, phù hợp với Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Việc trích lập các quỹ và chi thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát trong năm thực hiện theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2013. Số liệu kế toán được công bố không có sự thay đổi đột ngột khi so sánh số liệu không kiểm toán hàng quý và số liệu đã soát xét, kiểm toán bởi công ty kiểm toán độc lập cho thấy chất lượng tốt của công tác kế toán, hạch toán sổ sách của Công ty.

Kết quả giám sát đối với thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc

HĐQT, Tổng Giám đốc đã thực hiện tốt vai trò quản lý và điều hành Công ty với kết quả đạt được kế hoạch kinh doanh năm 2013 do ĐHĐCĐ đề ra và vẫn bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và của khách hàng trong một năm thị trường chứng khoán có nhiều khó khăn. Đến nay, Ban Kiểm soát chưa ghi nhận trường hợp nào vi phạm quy định về trách nhiệm, nghĩa vụ của người quản lý Công ty.

HĐQT, Tổng Giám đốc cũng đã hỗ trợ và tạo điều kiện để Ban Kiểm soát thực hiện chức năng của mình. Ban Kiểm soát nhận được đầy đủ tài liệu, thư mời tham dự các cuộc họp của HĐQT và đã cử người tham dự tất cả các cuộc họp của HĐQT. Các ý kiến của BKS gửi đến HĐQT, Tổng Giám đốc được phản hồi đầy đủ và kịp thời.

Kết quả giải quyết các kiến nghị của Cổ đông đối với Công ty

Trong năm 2013, Ban Kiểm soát không nhận được kiến nghị hoặc khiếu nại nào của cổ đông về tình hình hoạt động của công ty.

Ban Tổng Giám Đốc



Ông Nguyễn Duy Hưng
Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc



Ông Nguyễn Hồng Nam
Phó Tổng Giám Đốc

Các Khối Quản Trị - Kiểm Soát



Ông Nguyễn Kim Long
Giám đốc Luật & Kiểm soát nội bộ



Ông Trần Dương Anh Việt
Giám đốc Kiểm Toán Nội Bộ



Bà Nguyễn Thị Thanh Hà
Giám đốc Tài chính



Bà Hoàng Thị Minh Thủy
Kê toán trưởng

Các Khối Kinh Doanh

Quản Lý Quỹ



Bà Lê Lệ Hằng
Tổng Giám Đốc



Ông Nguyễn Khắc Hải
Phó Tổng Giám Đốc



Ông Nguyễn Thanh Tùng
Phó Tổng Giám Đốc



Ông Nguyễn Phan Dũng
Phó Tổng Giám Đốc

Dịch Vụ Ngân Hàng Đầu Tư



Ông Phạm Trường Sơn
Giám Đốc Khu vực Phía Nam



Bà Nguyễn Ngọc Anh
Giám Đốc Khu vực Phía Bắc

Dịch Vụ Chứng Khoán



Ông Bùi Thê Tân
Giám Đốc Khối



Bà Hoàng Thị Xuân
Phó Giám Đốc Khối
Phụ trách nghiệp vụ



Ông Mai Hoàng Khánh Minh
Phó Giám Đốc Khối
Phụ Trách Môi Giới
Khách Hàng Tổ Chức

Nguồn Vốn & KD Tài Chính



Bà Nguyễn Vũ Thùy Hương
Giám Đốc Khối

Các Khối Hỗ Trợ (Khôi Tác Nghiệp)



Bà Đoàn Ngọc Ly Ly
Giám Đốc Nhân Sự



Ông Bùi Việt Dũng
Giám Đốc Công Nghệ
Thông Tin



Bà Lương Lan My
Giám Đốc Truyền Thông



Bà Trần Thu Trang
Giám Đốc Hành Chính



Bà Đỗ Thị Thanh Thúy
Phó Giám Đốc Khối
Phụ Trách Phát Triển
Kinh Doanh



Bà Hoàng Việt Phương
Giám Đốc Phân tích
& TVĐT Khách Hàng Tổ Chức
kiêm Giám Đốc Phát triển
Khách Hàng Tổ Chức



Ông Nguyễn Đức Hùng Linh
Giám Đốc Phân tích
& TVĐT Khách Hàng Cá Nhân



**KINH TẾ 2013 &
TRIỂN VỌNG 2014**

TỔNG

QUAN

KINH

TỔNG

TỔNG QUAN KINH TẾ 2013

TỔNG QUAN KINH TẾ 2013

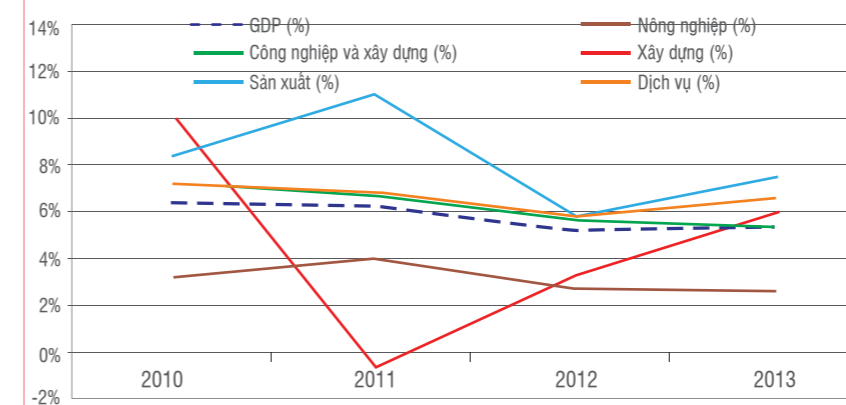
KINH TẾ VĨ MÔ 2013: TĂNG TRƯỞNG ĐẾN TỪ SỰ HỖ TRỢ CỦA FDI

Năm 2013, khu vực kinh tế Nhà nước và Tư nhân vẫn chưa cho thấy sự hồi phục đáng kể, tuy nhiên, trong bối cảnh đó, khu vực FDI đã nổi lên và trở thành một trong những động lực tăng trưởng chính của cả nền kinh tế với mức đóng góp tích cực vào tổng vốn đầu tư toàn xã hội, sản xuất, và xuất khẩu. Cụ thể, tăng trưởng GDP năm 2013 đạt mức 5,42%, tăng nhẹ so với mức 5,25% trong năm 2012. Trong các ngành đóng góp chính vào tăng trưởng GDP, ngành Dịch vụ có mức tăng cao nhất đạt 6,56%, đóng góp 2,85 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng chung, theo sau là ngành Công nghiệp và Xây dựng với mức tăng 5,43%. Trong khi đó, khu vực Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản chỉ tăng 2,67% do điều kiện thời tiết không thuận lợi. Xét về góc độ sử dụng GDP, tiêu dùng cuối cùng tăng 5,36% so với năm 2012, và tích lũy tài sản tăng 5,45%.

Tăng trưởng năm 2013	Khu vực FDI	Khu vực Nhà nước	Khu vực tư nhân
Tổng mức đầu tư	9,9%	8,4%	6,6%
Xây dựng	34,3%	-1,4%	6,2%
Lao động trong lĩnh vực sản xuất	6,6%	-0,3%	3,2%
Xuất khẩu	26,8%		3,5%
Nhập khẩu	24,2%		5,6%

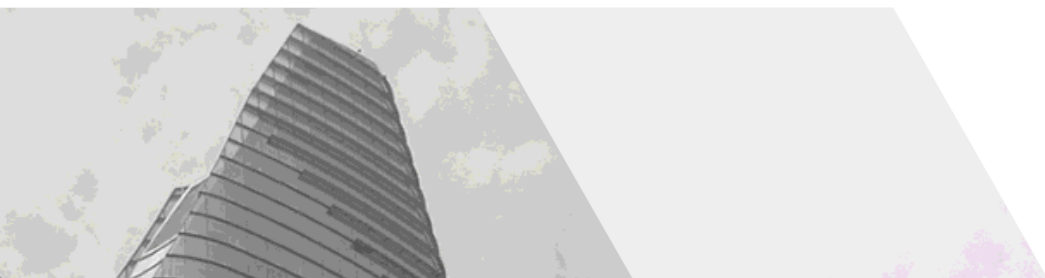
Nguồn: Tổng cục Thống kê (2014)

Tăng trưởng GDP (xét theo ngành, hàng năm, so với năm trước) 2010 – 2013



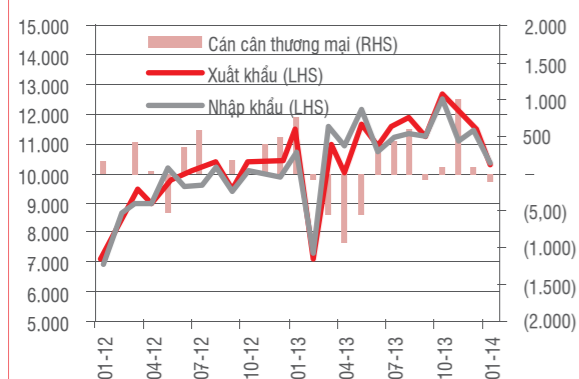
Nguồn: Tổng cục Thống kê (2014)

Mặc dù nền kinh tế tiếp tục cho thấy sự hồi phục, tuy nhiên, mức độ hồi phục vẫn còn khá khiêm tốn, và sẽ còn quá sớm để kết luận rằng tăng trưởng kinh tế sẽ quay trở lại mức tiềm năng. Trên thực tế, các chỉ báo kinh tế cho thấy vẫn còn nhiều thách thức ở phía trước đòi hỏi các biện pháp mạnh mẽ hơn nữa từ Chính phủ. Ví dụ, tăng trưởng tổng mức bán lẻ hiện đang ở mức thấp nhất trong 4 năm qua với mức tăng danh nghĩa là 12,6% và mức tăng thực tế là 5,6%. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IPI) phục hồi, và đạt mức tăng nhẹ 5,9%. Tuy nhiên, tỷ lệ tồn kho/sản xuất vẫn giữ ở mức cao vào khoảng 71,1% mặc dù Chính phủ đã rất nỗ lực trong việc hỗ trợ nền kinh tế.



Trong bối cảnh nền kinh tế Thế giới nói chung vẫn còn đình trệ, hoạt động xuất khẩu vẫn duy trì được kết quả ấn tượng với mức tăng trưởng 15,7% so với năm 2012 là 18,2%. Mặc dù vậy, phần lớn kim ngạch xuất khẩu chủ yếu đến từ khu vực FDI, chiếm khoảng 61,4% tổng giá trị xuất khẩu và tăng 22,4% so với cùng kỳ. Tỷ trọng hàng hóa xuất khẩu tiếp tục dịch chuyển theo hướng tăng tỷ trọng hàng hóa có giá trị gia tăng cao như máy tính, điện thoại di động, và hàng điện tử, chiếm

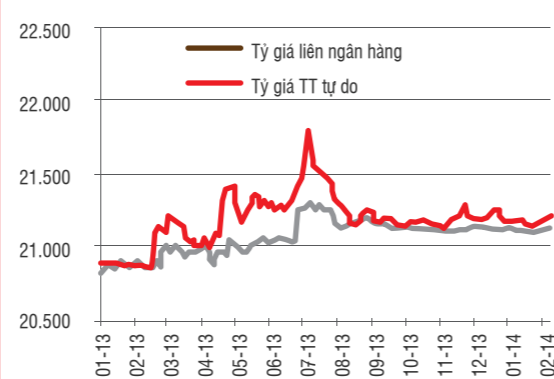
Thặng dư thương mại theo tháng



Nguồn: Tổng cục thống kê và SSI (2014)

24,35% tổng giá trị xuất khẩu. Trong khi đó, kim ngạch nhập khẩu ghi nhận mức tăng cao hơn là 16,1% so với cùng kỳ 2012. Như vậy, cán cân thương mại kết thúc cả năm với mức thặng dư nhẹ 10 triệu USD. Nhìn chung, cán cân thương mại thặng dư và dòng vốn FDI ổn định đã giúp Ngân hàng Nhà nước (NHNN) củng cố dự trữ ngoại hối quốc gia, ước đạt 32 tỷ USD, tương đương 12,7 tuần nhập khẩu. Nhờ vậy, tỷ giá VND/USD đã giữ ổn định trong suốt cả năm 2013.

Tỷ giá VND/USD

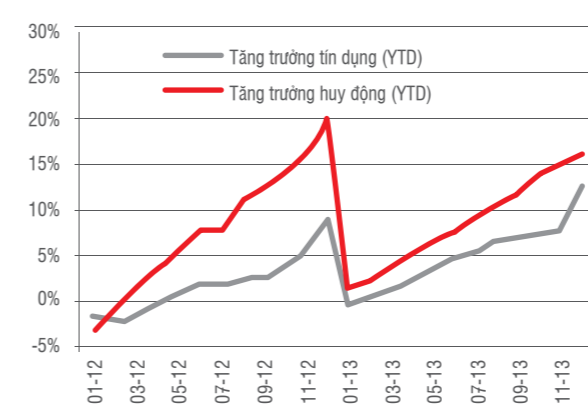


Nguồn: NHNN, Bloomberg và SSI (2014)

Ổn định kinh tế là một thành công của Chính phủ khi lạm phát cả nước về mức thấp nhất trong 10 năm, tăng 6,04% và bình quân năm 2013 tăng 6,6% so với bình quân năm 2012. Cụ thể, cầu tiêu dùng trong nước thấp khiến cho nhóm hàng lương thực và thực phẩm chỉ tăng 5,08%. Bên cạnh đó, xu hướng giảm tốc của giá hàng hóa thế giới cũng giúp kiềm chế lạm phát. Nhìn chung, mức tăng giá tiêu dùng trong năm nay chủ yếu đến từ việc điều chỉnh tăng giá một số mặt hàng và dịch vụ công như chi phí khám chữa bệnh (+18,97%) và học phí (+11,71%).

Việc lạm phát giảm sâu đã tạo điều kiện cho NHNN có thể cắt giảm lãi suất điều hành để đẩy mạnh tín dụng hỗ trợ hoạt động kinh tế trong nước, tuy nhiên, những nỗ lực của cơ quan này phần nào bị hạn chế do tỷ lệ nợ xấu cao của

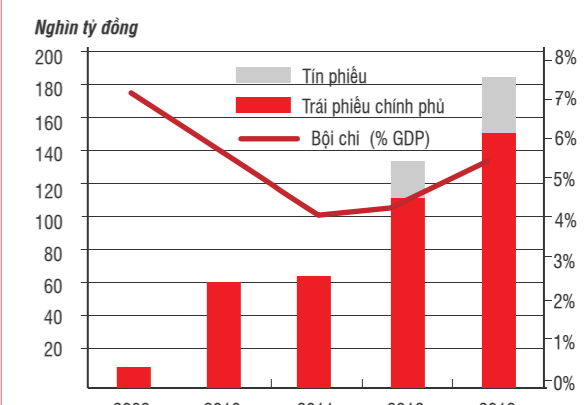
Tăng trưởng tín dụng & huy động (% so với năm trước)



Nguồn: NHNN & SSI (2014)

toàn hệ thống ngân hàng. Theo số liệu từ NHNN, tăng trưởng tín dụng vượt mức kế hoạch đề ra cả năm là 12%, đạt 12,51%. Tuy nhiên, việc xác định tỷ trọng tăng trưởng tín dụng thực tế và tăng trưởng tín dụng do tái cơ cấu lại nợ là không phải dễ dàng. Trên thực tế, lo ngại về nợ xấu tăng cao đã khiến các ngân hàng đẩy mạnh hoạt động đầu tư, mua vào trái phiếu Chính phủ, giúp cho Chính phủ có thể huy động thành công nguồn vốn tài trợ cho bộ chi ngân sách với mức chi phí thấp. Nhìn chung, mặc dù Công ty mua bán nợ xấu VAMC đã công bố mua vào khoảng 32,4 nghìn tỷ VNĐ nợ xấu trong năm 2013 thì vẫn sẽ cần thêm một khoảng thời gian đáng kể để xử lý hết số lượng nợ xấu này, cũng như làm sạch tài sản của các ngân hàng và đẩy mạnh cho vay ra nền kinh tế.

Bộ chi ngân sách & Trái phiếu Chính phủ



Nguồn: HNX, Bộ Tài chính & SSI (2014)



Thị trường Chứng khoán trong nước đã hồi phục mạnh trong năm 2013 với chỉ số VN-Index và HNX-Index đóng cửa lần lượt tại 504,63 và 67,84 điểm, tăng 21,97% và 18,83% so với cùng kỳ. Tổng giá trị vốn hóa thị trường tăng 24%, đạt xấp xỉ 950 nghìn tỷ VNĐ (tương đương 32% GDP). Giá trị giao dịch

trung bình đạt 1,38 nghìn tỷ VNĐ/phiên (65,4 triệu USD, tăng 31%). Nhà đầu tư nước ngoài duy trì vị thế mua ròng trên toàn thị trường (khoảng 365 triệu USD trên thị trường cổ phiếu và 500 triệu USD trên thị trường trái phiếu).

Diễn biến chỉ số VN-Index năm 2013



Diễn biến chỉ số HNX-Index năm 2013



Cụ thể hơn, từ tháng 1 tới tháng 5, chỉ số VN-Index tăng mạnh nhờ dòng vốn ngoại (vào khoảng 280 triệu USD, nổi bật nhất là dòng vốn của các quỹ ETF) và khối lượng giao dịch được cải thiện nhờ các biện pháp hỗ trợ thị trường của UBCKNN (nới biên độ giao dịch trên sàn HOSE từ 5% lên 7% và sàn HNX từ 7% lên 10%, sử dụng lệnh thị trường,...). Sự phục hồi cũng được hỗ trợ bởi kết quả kinh doanh tích cực của các doanh nghiệp và sự thay đổi các yếu tố cơ bản ở một số công ty. Bên cạnh đó, khả năng nới tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài cũng đã tạo nên tâm lý hưng phấn cho nhà đầu tư. Mặc dù vậy, lo ngại về việc Cục dự trữ Liên bang Hoa Kỳ giảm quy mô chương trình mua lại trái phiếu của mình cùng với việc điều chỉnh tỷ giá đã tác động tiêu cực đến tâm lý của khối ngoại từ tháng 6 đến tháng 8 với mức bán ròng 130 triệu USD. Sau đó, tâm lý nhà đầu tư dần ổn định hơn về triển vọng giải quyết nợ xấu của toàn ngành ngân hàng nhờ (i) những kết quả vượt kỳ vọng trong hoạt động xử lý nợ xấu của VAMC, (ii) các thảo luận trở lại về việc nới room cho khối ngoại, và (iii) sự quay trở lại của dòng vốn ngoại (trong 4 tháng cuối năm 2013, khối ngoại trở lại vị thế mua ròng với giá trị mua ròng đạt xấp xỉ 170 triệu USD, cao hơn mức rút vốn trong giai đoạn từ tháng 6 tới tháng 8).



TRIỂN VỌNG KINH TẾ?

ỔN ĐỊNH VĨ MÔ TIẾP TỤC ĐƯỢC GIỮ VỮNG

Trong năm 2014, Chính phủ sẽ tiếp tục theo đuổi hai mục tiêu chiến lược bao gồm: hỗ trợ tăng trưởng đồng thời duy trì ổn định kinh tế vĩ mô (tăng trưởng GDP ở mức 5,8%, CPI khoảng 7%, tiền Đồng giảm giá tối đa 2%, bội chi ngân sách 5,3% GDP, tăng trưởng tín dụng 12-14%, duy trì ổn định lãi suất huy động và giảm lãi suất cho vay cho các lĩnh vực ưu tiên). Chúng tôi đưa ra ước tính riêng cho các chỉ báo kinh tế vĩ mô chính với tăng trưởng GDP đạt 5,6% (do hiệu ứng lan tỏa từ đầu tư cơ sở hạ tầng và khu vực FDI chưa thể thể hiện ngay và nhiều trong năm 2014), CPI cao hơn (6,5%, do hiệu quả từ đầu tư công chưa thể cải thiện ngay, cùng với việc tiếp tục điều chỉnh tăng giá các hàng hóa và dịch vụ công như giá y tế, và giá điện).

Về tỷ giá, chúng tôi dự báo thâm hụt thương mại có thể quay trở lại do việc triển khai một loạt các dự án hạ tầng lớn trong năm 2014 (làm tăng nhu cầu về máy móc, và vật liệu xây dựng). Tuy nhiên, cán cân vãng lai cũng như cán cân tổng thể dự kiến sẽ tiếp tục thặng dư, tạo cơ sở cho NHNN tiếp tục chủ động quản lý tỷ giá.

Nhu cầu phát triển cơ sở hạ tầng tăng

Nhu cầu nâng cấp, và cải thiện cơ sở hạ tầng ở Việt Nam dự kiến sẽ tiếp tục tăng trong năm nay với hai lĩnh vực chính là giao thông và năng lượng, tăng trưởng lần lượt 33,3% và 11,7% về mặt vốn đầu tư. Trong đó, các dự án chính bao gồm: Quốc lộ 1A & 14, một số dự án đường cao tốc, cầu, sân bay, cảng biển, dự án lọc hóa dầu, ... Lượng vốn cần thiết để tài trợ các dự án này được ước tính ở mức 167 tỷ USD (tương đương mức GDP hiện tại) trong vòng 10 năm tới theo ước tính của ADB.

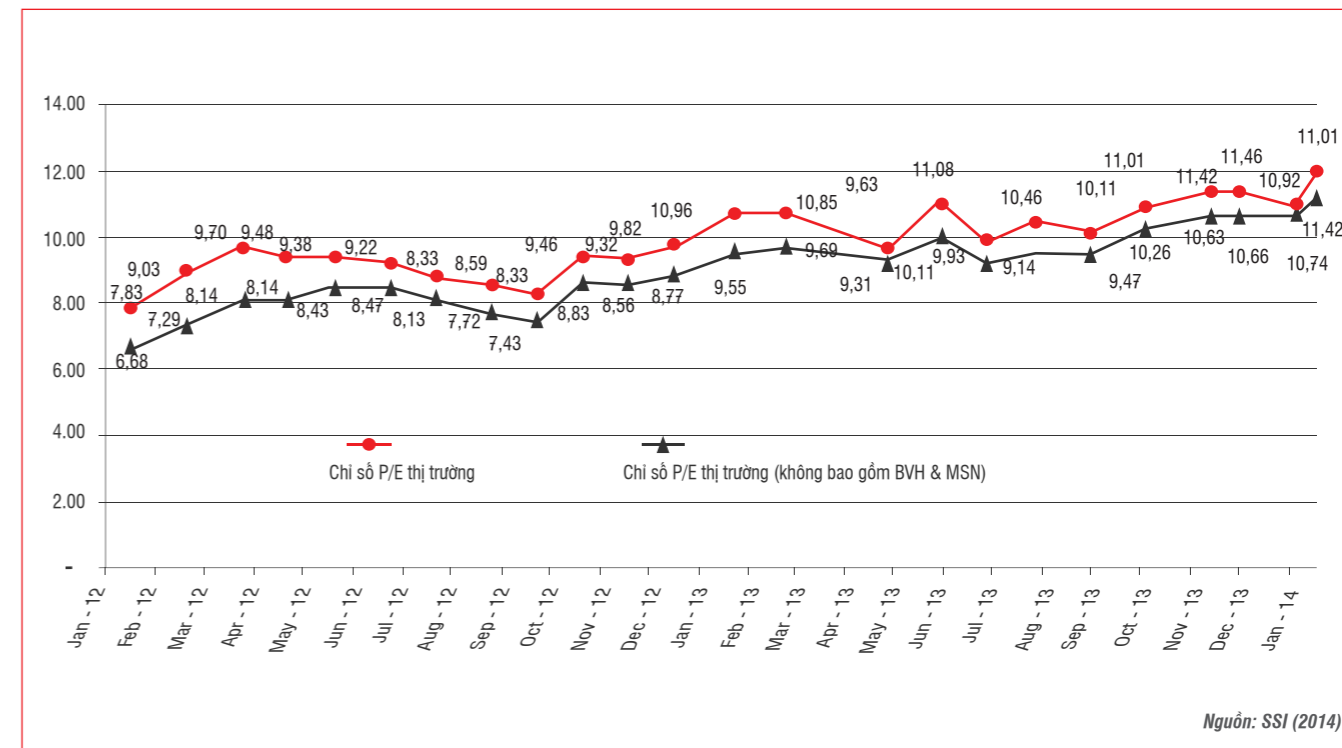
Đẩy mạnh quá trình tái cấu trúc các Doanh nghiệp Nhà nước

Chúng tôi dự kiến một số thương vụ IPO sẽ được thực hiện trong năm 2014, bao gồm Viglacera (kính và gạch men), Vinatex (dệt may) và Vietnam Airlines. Một số thương vụ IPO mới được công bố bao gồm ACV (Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam, sở hữu tất cả các sân bay lớn ở Việt Nam, bao gồm Tân Sơn Nhất và Nội Bài cũng như dự án sân bay Long Thành), và một số các Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông thuộc Bộ Giao Thông Vận Tải (CIENCO1, 4, 5, 6, là nhà thầu chính cho hầu hết các dự án cơ sở hạ tầng). Ngoài ra, việc cổ phần hóa Mobifone cũng được dự kiến sẽ thực hiện trong năm 2014 (sau khi tách khỏi Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam – VNPT) cũng khá hấp dẫn trong con mắt của các nhà đầu tư nước ngoài.

TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN 2014

Nền kinh tế đang dần dần được cải thiện với sự hỗ trợ từ khu vực FDI. Nhìn chung, trong năm 2014, quá trình tái cấu trúc hệ thống ngân hàng cùng các doanh nghiệp Nhà nước được kỳ vọng sẽ có những bước tiến xa hơn. Đối với quá trình tái cấu trúc các ngân hàng, NHNN đã đạt được những bước tiến nhất định với sự ra đời của VAMC và một lượng nợ xấu đáng kể đã được mua lại bởi tổ chức này. Tuy nhiên, yếu tố quan trọng sẽ vẫn là việc tái cơ cấu các khoản nợ xấu này cũng như tạo cơ chế mua và bán chúng. Ngoài ra, việc nới lỏng Thông tư 02 về phân loại nợ xấu và trích lập dự phòng trong nội dung sửa đổi sẽ hỗ trợ các ngân hàng duy trì tăng trưởng tín dụng như kế hoạch đề ra trong năm. Về tái cấu trúc các doanh nghiệp Nhà nước, trong năm 2013, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt kế hoạch tái cơ cấu của các tập đoàn kinh tế. Vì vậy, trong năm 2014, chúng tôi kỳ vọng các doanh nghiệp Nhà nước sẽ quyết liệt hơn trong việc tuân thủ thực hiện kế hoạch thoái vốn đầu tư ngoài ngành, và dần minh bạch hơn trong công bố thông tin tài chính.

Chúng tôi kỳ vọng chỉ số VN-Index có thể tăng 17 - 20% so với cuối năm 2013 (đóng cửa ở mức 504,6). Điều này đồng nghĩa với khả năng chỉ số này có thể kết thúc năm 2014 ở mức 590 - 600. Ngoài ra, nếu tính thêm 5% tỷ suất cổ tức thì tổng lợi nhuận trung bình từ Thị trường Chứng khoán trong năm 2014 có thể đạt 23%. Dự báo được đưa ra dựa trên mức tăng trưởng EPS trung bình năm 2014 là 7%. Chúng tôi kỳ vọng PE của thị trường có thể sẽ được định giá lại từ mức 10,7 lần lên mức 12 - 13 lần vào cuối năm nhờ vào sự phục hồi của nền kinh tế cũng như các yếu tố tích cực khác như nâng tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài, các đợt IPO và M&A ngân hàng...



SSI

BEST FINANCIAL INSTITUTIONS
IN SOUTHEAST ASIA
Best Institutional Broker in Vietnam
Saigon Securities

 **LĨNH VỰC
KINH DOANH**



DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN

DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN

ĐIỂM NHẤN 2013

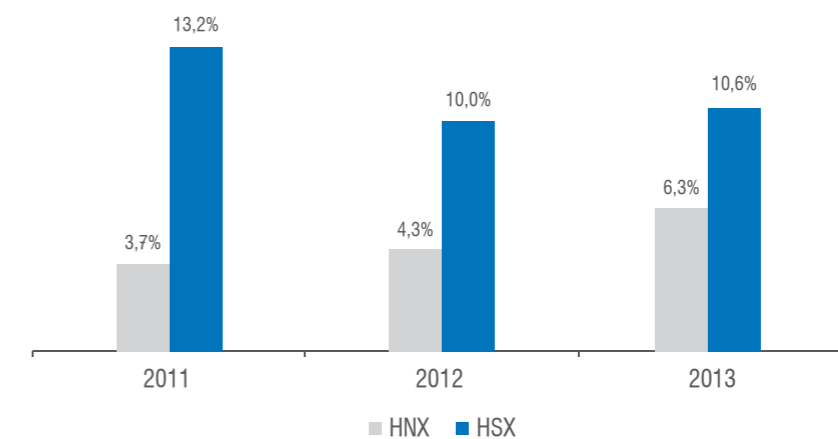
- › SSI được vinh danh là Công Ty Chứng Khoán có hoạt động môi giới tốt nhất Việt Nam năm 2013 và đạt nhiều giải thưởng cao nhất bao gồm các cá nhân xuất sắc về Môi giới, về Tư vấn đầu tư, về Giao dịch và tập thể xuất sắc liên quan đến các hoạt động môi giới, Phát triển khách hàng và Tư vấn Đầu tư, trong cuộc bầu chọn của tạp chí Asiamoney Brokers Poll 2013.
- › SSI tiếp tục dẫn đầu thị phần môi giới khách hàng tổ chức nước ngoài, chiếm 28% toàn thị trường. Thị phần môi giới cổ phiếu, chứng chỉ quỹ tăng 18% so với năm 2012 và đạt mức 9,6% toàn thị trường, đặc biệt thị phần tại HNX có mức tăng trưởng mạnh hơn 41,4%.
- › SSI là công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam triển khai làm đại lý phân phối chứng chỉ quỹ mở cho các công ty quản lý quỹ có uy tín trên thị trường và đến cuối năm 2013, SSI đã chính thức làm đại lý phân phối cho 4 công ty quản lý quỹ: Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Vinawealth, Công ty liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank (VCBF), Công ty TNHH Eastspring Investment, Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam (VFM)
- › SSI là công ty chứng khoán đầu tiên cung cấp tính năng đặt lệnh thông minh cho nhà đầu tư: Lệnh tranh mua tranh bán, lệnh xu hướng, lệnh dừng, lệnh đặt trước ngày.
- › Số lượng nhân viên môi giới cá nhân tăng 100% so với năm 2012.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG 2013

Tăng trưởng thị phần

Sự cạnh tranh về thị phần giữa các công ty chứng khoán ngày càng gay gắt hơn, tuy nhiên SSI có lợi thế về nguồn khách hàng lớn và luôn giao dịch thường xuyên nên thị phần luôn duy trì ở mức ổn định và tăng trưởng đều đặn. Tổng thị phần môi giới cả 2 sàn tăng trưởng 18% so với năm 2012, cụ thể thị phần tại HOSE đạt 10,63% tăng 6,6% so với năm 2012 ở mức 9,97%; thị phần tại HNX đạt 6,29% tăng 41,3% so với năm 2012 ở mức 4,45%. Thị phần môi giới khách hàng tổ chức nước ngoài tiếp tục đứng đầu thị trường với thị phần đạt 27% tại HOSE và 32% tại HNX.

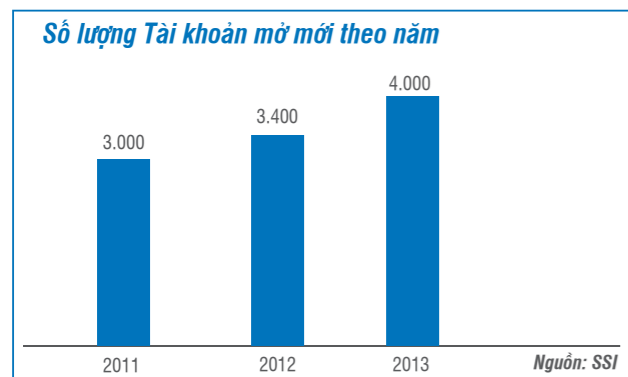
Thị phần Môi giới 2011 - 2013



Nguồn: SSI (2014)

Tăng trưởng khách hàng

Việc đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ và không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, cùng với chất lượng tư vấn đầu tư luôn đảm bảo sự trung thực, minh bạch và khách quan của Bộ phận Phân tích & Tư vấn Đầu tư đã luôn tạo sự tin tưởng và an tâm từ khách hàng. Bên cạnh đó, chất lượng phục vụ chuyên nghiệp cùng với sự nhiệt huyết và năng động của Môi giới Khách hàng Cá nhân, Khách hàng Tổ chức đã luôn nhận được sự quan tâm và ủng hộ từ khách hàng, nhờ đó thương hiệu của SSI tiếp tục được phát triển, luôn là sự lựa chọn đầu tiên của khách hàng. Với kết quả này, số lượng tài khoản mở mới trong năm 2013 đạt 4.000 tài khoản, trong đó có nhiều khách hàng tổ chức nước ngoài toàn cầu có uy tín đến từ Mỹ, Nhật, Hongkong, Singapore và Châu Âu, bên cạnh đó số lượng khách hàng cá nhân mở mới chủ yếu đến từ các khách hàng chưa đầu tư chứng khoán, họ chuyển cơ hội đầu tư từ các kênh đầu tư khác sang đầu tư chứng khoán.



Đa dạng hóa và nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ

Sản phẩm dịch vụ tài chính dành cho khách hàng cá nhân luôn được nâng cấp và cải thiện, được thể hiện qua việc mở rộng và cập nhật liên tục danh mục cổ phiếu cho sản phẩm Margin nhằm đáp ứng nhu cầu đầu tư của khách hàng, mức phí margin của SSI được điều chỉnh linh động theo xu hướng thị trường và luôn ở mức cạnh tranh nhất trên thị trường.

Sản phẩm Tư vấn và Khuyến nghị đầu tư cho khách hàng cá nhân luôn bám sát thị trường, kết hợp giữa phân tích cơ bản và phân tích kỹ thuật để đưa ra những khuyến nghị phù hợp cho từng đối tượng khách hàng nhằm đem lại hiệu quả đầu tư và hạn chế rủi ro, được nhiều khách hàng đánh giá cao. Bên cạnh đó còn có những báo cáo về sự luân chuyển của dòng tiền trong nước và nước ngoài luôn được cập nhật mỗi ngày.

Các báo cáo khuyến nghị danh mục đầu tư, chiến lược đầu tư, nhận định thị trường luôn được chú trọng đầu tư và nâng cao chất lượng, kết hợp với những báo cáo nhanh về sự biến động của thị trường và cập nhật tình hình công ty niêm yết sau những chuyển biến viếng thăm. Các báo cáo này luôn nhận được sự quan tâm và đánh giá cao từ các khách hàng tổ chức nước ngoài và điểm nổi bật là có nhiều báo cáo khuyến nghị danh mục đầu tư đã đem lại kết quả đầu tư thành công cho khách hàng tổ chức nước ngoài. Số lượng công ty niêm yết nằm trong danh mục khuyến nghị đầu tư của Bộ phận Phân tích & Tư vấn Đầu tư đứng đầu thị trường với 60 công ty niêm yết.

Các hoạt động hỗ trợ khách hàng tổ chức đi tham quan và trao đổi với các công ty niêm yết luôn được tổ chức định kỳ và thường xuyên. Bên cạnh đó, việc tổ chức các buổi trình bày về cơ hội đầu tư, cập nhật và dự đoán tình hình thị trường trực tiếp cho từng nhóm khách hàng luôn được duy trì.

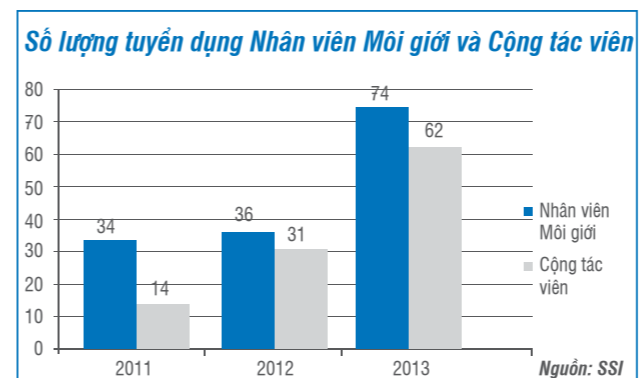
Sản phẩm Giao dịch trực tuyến tiếp tục được nâng cấp, đáp ứng nhu cầu tiện dụng cho khách hàng. Đến nay, SSI đã cung cấp cho nhà đầu tư đầy đủ các tiện ích cho việc đầu tư chứng khoán như đặt lệnh, ứng trước tiền bán chứng khoán, chuyển tiền, vvv quản lý tài khoản Margin, đặt lệnh có điều kiện, sao kê tiền và chứng khoán, đồng thời SSI là công ty đầu tiên đưa tính năng đặt lệnh thông minh hỗ trợ nhà đầu tư: Lệnh tranh mua - tranh bán, Lệnh xu hướng, Lệnh dừng, Lệnh đặt trước ngày.

SSI tiếp tục đi đầu trong việc làm đại lý phân phối chứng chỉ quỹ mở cho các công ty quản lý quỹ uy tín trên thị trường. Mặc dù việc triển khai sản phẩm này trong thời gian đầu còn gặp nhiều khó khăn do mức độ hiểu biết về sản phẩm và chiến lược đầu tư của khách hàng chưa hoàn toàn tương đồng với mục tiêu của sản phẩm nhưng SSI luôn là công ty có doanh số bán chứng chỉ quỹ mở cao nhất trong các đại lý phân phối chứng chỉ quỹ mở hiện tại.

Nhằm đa dạng hóa cơ hội đầu tư cho khách hàng, SSI luôn đi đầu trong việc cung cấp thêm nhiều sản phẩm dịch vụ bán chéo giữa các bộ phận kinh doanh của SSI như sản phẩm quản lý danh mục đầu tư cho khách hàng SSI-Prestige. Đây là sản phẩm quản lý danh mục được thiết kế riêng theo nhu cầu đầu tư của khách hàng. Tuy mới triển khai nhưng số lượng khách hàng và giá trị đầu tư luôn tăng trưởng đều đặn trong năm.

Tăng trưởng đội ngũ môi giới khách hàng cá nhân

Với mục tiêu tăng trưởng thị phần và mở rộng quy mô hoạt động, SSI đã triển khai nhiều chương trình, chính sách tuyển dụng nhân viên mới với kết quả là số lượng nhân viên môi giới chính thức tăng hơn 100% so với năm 2012. Ngoài việc tăng về số lượng, SSI luôn chú trọng đến công việc đào tạo nhân viên môi giới nhằm đảm bảo tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, có trình độ chuyên môn, khả năng tư vấn tốt và đặc biệt là luôn tạo ra môi trường làm việc thân thiện và cạnh tranh, nhân viên môi giới luôn được tôn trọng và ghi nhận sự cống hiến thông qua các chính sách thưởng, đào tạo và các hoạt động tập thể tạo sự gắn kết



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN 2014

Thị trường năm 2014 dự kiến sẽ có nhiều thử thách và tăng trưởng mạnh hơn năm 2013 dựa trên những cơ hội sau:

- › Các tổ chức nước ngoài đánh giá thị trường Việt Nam đang ở vùng đáy và có nhiều thay đổi về quản lý vĩ mô, đặc biệt thể hiện sự quyết tâm giải quyết nợ xấu là những cơ sở giúp kinh tế Việt Nam sớm hồi phục;
- › Chính phủ tiếp tục đẩy mạnh quá trình cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước;
- › Quyết định tăng tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài sẽ tạo sức bật lớn cho thị trường và sẽ thu hút được thêm nhiều dòng tiền từ các nhà đầu tư nước ngoài;
- › Kỳ vọng vào các gói giải pháp, hỗ trợ nền kinh tế của Chính phủ sẽ phát huy hiệu quả trong năm 2014;
- › Qui mô thị trường ngày càng được mở rộng thông qua số lượng nhà đầu tư trong và ngoài nước quan tâm đến thị trường ngày càng tăng;
- › Cơ hội đầu tư chứng khoán đang trở thành kênh đầu tư được nhiều nhà đầu tư quan tâm và họ đã và đang dịch chuyển từ các kênh đầu tư khác sang đầu tư chứng khoán;
- › Sự cạnh tranh giữa các công ty chứng khoán tiếp tục tăng.

Với định hướng phát triển bền vững, cạnh tranh và tối đa hóa lợi nhuận cho khách hàng, Khối Dịch vụ Chứng khoán đặt ra những mục tiêu sau:

Đẩy mạnh tăng trưởng thị phần môi giới

- › Mục tiêu trở lại vị trí số 1 về thị phần môi giới tại HOSE và top 3 thị phần môi giới tại HNX;
- › Tập trung phát triển các sản phẩm khuyến nghị đầu tư cho khách hàng, đặc biệt ở thị trường HNX;
- › Tiếp tục nâng cao chất lượng sản phẩm Dịch vụ Tài chính mang tính cạnh tranh, hỗ trợ giao dịch cho nhà đầu tư.

Phát triển khách hàng mới

- › Tiếp tục cải thiện chất lượng sản phẩm dịch vụ và tuyển dụng môi giới để phát triển khách hàng mới;
- › Phối hợp với các tổ chức có uy tín để tổ chức các buổi hội thảo giới thiệu cơ hội đầu tư cho khách hàng;
- › Đẩy mạnh việc phát triển khách giao dịch trực tuyến;
- › Tiếp tục phát triển mối quan hệ với các đối tác có uy tín trong và ngoài nước để nhờ họ giới thiệu khách hàng.

Nâng cao chất lượng sản phẩm/dịch vụ đáp ứng nhu cầu riêng biệt của khách hàng

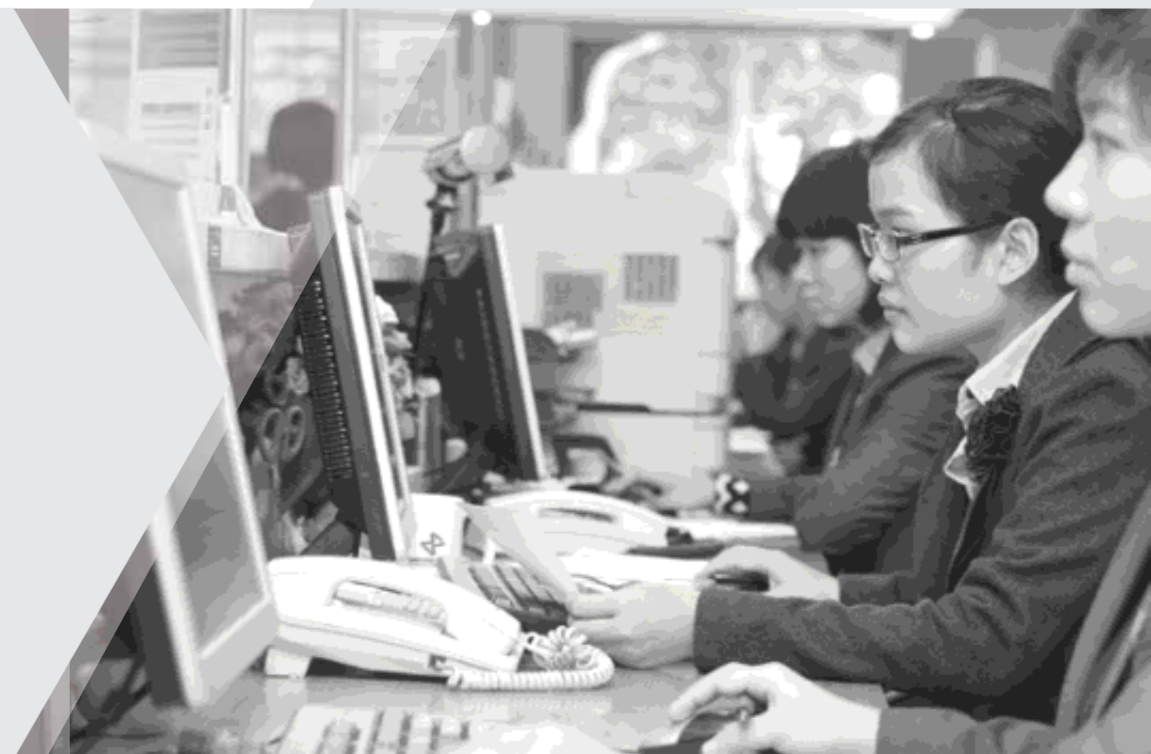
- › Ngoài việc tiếp tục cải tiến nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, khối Dịch vụ Chứng khoán sẽ tập trung xây dựng những sản phẩm riêng biệt phục vụ cho từng nhóm khách hàng. Đặc biệt trong năm 2014 sẽ triển khai các công cụ trực tuyến mới dành cho nhà đầu tư chuyên nghiệp với phiên bản Pro-Trading và Mobile-Trading áp dụng trên máy tính cá nhân, iPhone và iPad;
- › Các sản phẩm khuyến nghị đầu tư cũng sẽ được mở rộng và chuyên sâu theo xu hướng thị trường và nhu cầu của khách hàng;
- › Các hoạt động tiếp cận và tìm hiểu doanh nghiệp sẽ tiếp tục được tổ chức định kỳ và thường xuyên hơn.

Tuyển dụng và xây dựng đội ngũ môi giới chuyên nghiệp

- › Tiếp tục tuyển dụng môi giới và cộng tác viên thông qua các kênh truyền thông, thông qua chính sách thu nhập hấp dẫn và giới thiệu cơ hội làm việc lâu dài và ổn định tại Công ty Chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam. Bên cạnh đó sẽ tìm kiếm các nhân sự tiềm năng phục vụ cho chiến lược dài hạn thông qua các chương trình giới thiệu cơ hội làm việc tại SSI

và tuyển dụng các bạn sinh viên xuất sắc, có tâm huyết để đào tạo trở thành những nhân viên môi giới chuyên nghiệp;

- › Tiếp tục đẩy mạnh các chương trình đào tạo về chuyên môn, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng phát triển khách hàng mới cho đội ngũ môi giới, đồng thời tiếp tục duy trì môi trường làm việc thân thiện, cạnh tranh và đoàn kết với nhau vì màu cờ sắc áo SSI.



ĐIỂM NHẤN 2013

- ▶ Tiếp tục khẳng định uy tín trong lĩnh vực Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư Việt Nam;
- ▶ Được vinh danh là Ngân hàng Đầu tư tốt nhất Việt Nam và Nhà Tư vấn tốt nhất Việt Nam do The Asset trao tặng.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG 2013

Về vĩ mô, năm 2013 nền kinh tế có dấu hiệu ngừng suy thoái và bắt đầu khởi sắc. Niềm tin nhà đầu tư trở lại, thị trường phục hồi mạnh mẽ, VN-Index từ mức 418,4 điểm lên mức 504,6 điểm vào cuối năm 2013. Cùng với sự khởi sắc của thị trường, Chính phủ cũng đẩy mạnh thoái vốn tại các doanh nghiệp, tạo nhiều cơ hội cho các nhà đầu tư trung, dài hạn.

Mặc dù vậy nhà đầu tư chưa có nhiều niềm tin vào sự tăng trưởng ổn định của thị trường cũng như của nền kinh tế. Khoảng cách về giá và độ minh bạch giữa doanh nghiệp Việt Nam và nhà đầu tư nước ngoài vẫn còn xa. Đồng thời với đặc thù thời gian triển khai dịch vụ tư vấn kéo dài trung bình 12 tháng/khách hàng, việc thị trường phục hồi vào nửa cuối năm 2013 không đóng góp nhiều cho kết quả kinh doanh 2013 của Khôi.

Kết thúc năm 2013, doanh thu mảng Dịch vụ Ngân hàng đầu tư SSI đạt 28,9 tỷ VNĐ, thể mạnh là một công ty chứng khoán có đối tác chiến lược nước ngoài, cùng với việc củng cố lại đội ngũ nhân sự, Khôi Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư đã đạt được một số thành tựu sau:

Cung cấp các Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư đa dạng với tiêu chuẩn quốc tế

Trung thành với chiến lược cung cấp các sản phẩm tư vấn tài chính đa dạng, phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế, trong năm 2013, Dịch vụ Ngân hàng đầu tư SSI tiếp tục triển khai nhiều loại hình tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn huy động vốn trên thị trường vốn trong và ngoài nước, tiêu biểu là:

- ▶ Dịch vụ Tư vấn Phát hành trái phiếu/ trái phiếu chuyển đổi: SSI đã huy động thành công 840 tỷ VNĐ cho Công ty Cổ phần Prime Group bằng việc phát hành riêng lẻ 840 trái phiếu chuyển đổi;
- ▶ Dịch vụ Tư vấn Phát hành cổ phiếu riêng lẻ và phát hành ra công chúng: SSI đã huy động thành công gần 2.000 tỷ VNĐ cho Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các doanh nghiệp tiêu biểu khác như: Công ty Cổ phần Xuyên Thái

Bình (Pan Pacific); Công ty Cổ phần Thế Giới Sô Trần Anh; Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế (Interfood); Công ty Cổ phần Kỹ nghệ lạnh (Searefico); Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu thủy sản An Giang (Agifish)... với giá trị phát hành theo mệnh giá là hơn 800 tỷ VNĐ;

- ▶ Dịch vụ Tư vấn Mua bán và Sáp nhập (M&A): thị trường chứng khoán biến động đã mở ra nhiều cơ hội cho các thương vụ M&A giữa các công ty trong nước với nhau và của các nhà đầu tư nước ngoài vào các doanh nghiệp tiềm năng tại Việt Nam. Do đó, SSI đánh giá đây là loại hình dịch vụ sẽ được bộ phận tăng cường và mở rộng hoạt động. Trong năm 2013, SSI đã thực hiện thành công việc mua lại Công ty Cổ phần Bê Tông và Xây Dựng Vinaconex Xuân Mai thuộc Tổng Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu và Xây Dựng Việt Nam (Vinaconex); hoặc Công ty Cổ phần Hùng Vương mua lại đồng loạt Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu thủy sản An Giang (Agifish), Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta (FimexVN), Công ty Cổ phần Thức ăn chăn nuôi Việt Thắng, v.v.. Hoặc nghiệp vụ tái cơ cấu công ty chia tách tài sản như Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai tách Công ty Cổ phần An Phú, v.v..
- ▶ Dịch vụ Tư vấn Cổ phần hóa: Năm 2013, SSI đã triển khai tư vấn cổ phần hóa cho 3 doanh nghiệp nhà nước có quy mô lớn thuộc Bộ Xây dựng là Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội, Tổng Công ty Viglacera, Tổng Công ty Đầu tư Nước và Môi trường Việt Nam. Đây là 03 doanh nghiệp lớn, có bề dày kinh nghiệm với vị thế dẫn đầu trong ngành, đã tin tưởng lựa chọn SSI là nhà tư vấn cho sự chuyển đổi mô hình hoạt động quan trọng này;
- ▶ Dịch vụ Tư vấn Niêm yết: SSI đã tư vấn niêm yết thành công cho một số doanh nghiệp lớn như: Công ty Cổ phần Phân Lân Ninh Bình, Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long... với tổng giá trị niêm yết hơn 1.000 tỷ VNĐ.



▶ DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN 2014

Tiếp tục theo đuổi sứ mệnh "Kết nối vốn & Cơ hội đầu tư", khẳng định vị trí dẫn đầu và đẩy mạnh sự phát triển hoạt động trong lĩnh vực này, trong năm 2014, SSI phối hợp đồng bộ nhiều giải pháp, mang lại nhiều sản phẩm mới và chất lượng cao cho khách hàng.

Nỗ lực duy trì vị trí hàng đầu bằng việc đa dạng hóa sản phẩm/dịch vụ, tập trung vào các mảng dịch vụ mang tính chuyên nghiệp và có giá trị gia tăng cao

Định hướng chiến lược của SSI là mang lại các sản phẩm tư vấn sắp xếp giao dịch chất lượng cao, chứa đựng nhiều sự chuyên nghiệp và chuyên biệt cho khách hàng. SSI nghiên cứu, thiết kế các sản phẩm huy động, bao gồm cả vốn và nợ mới để đa dạng hóa sản phẩm cung cấp, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng cũng như những đòi hỏi của thị trường nhằm liên kết các nhà đầu tư nước ngoài với các doanh nghiệp trong nước và tận dụng dòng vốn từ thị trường tài chính quốc tế.

Dịch vụ Tư vấn Mua bán Sáp nhập và Dịch vụ Tư vấn Phát hành riêng lẻ chứng khoán tiếp tục là hướng hoạt động

được ưu tiên đẩy mạnh

Trong năm 2014, Dịch vụ Tư vấn Mua bán Sáp nhập M&A và Dịch vụ Tư vấn Phát hành riêng lẻ chứng khoán sẽ tiếp tục là những sản phẩm mũi nhọn của SSI. Bởi lẽ, một mặt, SSI nhận thức rõ rằng giai đoạn kinh tế khó khăn vừa qua đã chứng kiến nhiều doanh nghiệp làm ăn không hiệu quả, thị trường chứng khoán sụt giảm với việc giá cổ phiếu biến động không ngừng. Mặt khác, tình hình khó khăn đã làm lộ diện nhiều doanh nghiệp hoạt động tốt, có nhu cầu được hỗ trợ về tài chính để mở rộng thị phần hoặc hỗ trợ từ các đối tác trong ngành để mở rộng quy mô. SSI, với sự hiểu biết sâu sắc về mô hình hoạt động, mô hình quản trị tài chính, quản trị doanh nghiệp, kinh nghiệm tư vấn lâu năm và nguồn lực khách hàng sẵn có trong nước, kết hợp với đối tác là các tổ chức tài chính nước ngoài, sẽ nỗ lực kết nối nhu cầu hợp tác của các bên để đem lại lợi ích cao cho cả bên mua và bên bán.

Ngoài ra SSI cũng kết nối hợp tác chiến lược và xây dựng chuỗi giá trị cho doanh nghiệp trong nước với các doanh nghiệp nước ngoài và nguồn vốn đầu tư tài chính trên thế giới.

Tập trung mở rộng mạng lưới khách hàng quy mô lớn

Đối tượng khách hàng trọng tâm năm 2014 tiếp tục là các doanh nghiệp có quy mô lớn, uy tín, tiềm năng và phát triển bền vững nằm trong các ngành kinh tế cơ bản và thể mạnh của đất nước để cung cấp các sản phẩm và giải pháp tài chính, từ đó, hỗ trợ doanh nghiệp phát triển mạnh mẽ hơn nữa.

Ngoài ra, các doanh nghiệp Nhà nước đang có kế hoạch thoái vốn cũng là mảng khách hàng mục tiêu được SSI đặc biệt chú trọng.

Mở rộng hợp tác với các tổ chức tài chính hàng đầu thế giới như JP Morgan, Daiwa Securities, Nomura, Credit Suisse v.v. để trao đổi kinh nghiệm và thúc đẩy tìm kiếm các cơ hội đầu tư, từ đó, cung cấp cho khách hàng các sản phẩm tài chính chuyên nghiệp theo tiêu chuẩn quốc tế

Bên cạnh đó, SSI cũng xây dựng mối quan hệ với các Quỹ đầu tư tư nhân, các tổ chức tài chính, tư vấn chiến lược với quy mô, hướng tập trung chuyên biệt để kết nối hiệu quả các cơ hội tại Việt Nam.

Tái cấu trúc mảng Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư với việc chuyên môn hóa nhân viên phụ trách từng lĩnh vực kinh doanh sẽ là chìa khóa cải thiện chất lượng tư vấn của SSI

SSI hướng trọng tâm vào việc đào tạo nhân sự đầy đủ năng lực chuyên môn, hiểu biết sâu sắc về ngành nghề mình phụ trách, từ đó mỗi một nhân viên đều trở thành chuyên gia tư vấn tiêu chuẩn quốc tế, kết hợp với sự am hiểu chuyên sâu thị trường trong nước, mang lại chất lượng dịch vụ hàng đầu cho khách hàng. Từ đó, SSI nỗ lực trở thành một trong những Ngân hàng Đầu tư tốt nhất Việt Nam, tiếp tục cạnh tranh lành mạnh và hướng tới hình ảnh một Ngân hàng đầu tư vững trong Chuyên môn, chuyên nghiệp trong Phong cách phục vụ và tuân thủ Đạo đức nghề nghiệp.



Asset Management
Investments & Pensions

Best Awards



March 20, 2014

Hong Kong



QUẢN LÝ QUỸ

QUẢN LÝ QUỸ

ĐIỂM NHẤN 2013

- › Tổng tài sản quản lý cuối năm 2013: 3.365 tỷ VNĐ (tăng 26% so với năm 2012);
- › Mở rộng dịch vụ quản lý danh mục cho các khách hàng cá nhân có giá trị tài sản lớn (SSI-Prestige) và nâng giá trị tài sản quản lý của mảng này lên gấp đôi;
- › Ký biên bản ghi nhớ với Tập Đoàn LR vào tháng 10/2013 để huy động và quản lý một quỹ đóng chuyên đầu tư vào các công ty trong chuỗi giá trị Nông nghiệp – Thực phẩm ở Việt Nam và khu vực Đông Nam Á;
- › Bổ sung nghiệp vụ “Tư vấn Đầu tư” và đã có những khách hàng đầu tiên cho nghiệp vụ này;
- › Tiếp tục dành được giải thưởng danh giá trong lĩnh vực quản lý tài sản do tạp chí Asia Asset Management bình chọn: “Công Ty Quản Lý Quỹ Tốt Nhất Việt Nam năm 2013”, “Tổng Giám Đốc Của Năm” cho bà Lê Thị Lệ Hằng và “Giám Đốc Đầu Tư Của Năm” cho ông Nguyễn Thanh Tùng.



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG 2013

Năm 2013 tiếp tục là một năm khó khăn cho các công ty quản lý quỹ Việt Nam, và chứng kiến sự phân hóa và chuyển đổi của các công ty quản lý quỹ. Theo báo cáo của Câu lạc bộ các Công ty Quản lý Quỹ đầu tư, trong năm 2013, khoảng hơn 8.800 tỷ VNĐ tài sản huy động lần đầu bởi các công ty quản lý quỹ đã bị rút ra khỏi các quỹ đóng do các quỹ này giải thể hoặc chuyển đổi sang mô hình quỹ mở. Tuy nhiên, số vốn huy động được lần đầu vào các quỹ mở (không bao gồm các quỹ chuyển đổi) mới chỉ đạt 270 tỷ VNĐ, tương đương với 3% lượng vốn đã bị rút đi. Thêm vào đó việc tái cấu trúc ngành quản lý quỹ theo Đề án tái cấu trúc TTCK đã có ảnh hưởng lớn tới các công ty trong ngành quản lý quỹ. Trong năm 2013, một số công ty quản lý quỹ nhỏ không đảm bảo được tỷ lệ an toàn tài chính đã bị đưa vào diện giám sát của UBCKNN hoặc phải chuyển đổi chủ sở hữu. UBCKNN đã đình chỉ hoạt động 1 công ty, đưa 2 công ty vào tình trạng kiểm soát đặc biệt, chấp thuận tạm ngừng hoạt động cho 2 công ty và chấp thuận giải thể cho 1 công ty. Đến cuối năm, số lượng công ty quản lý quỹ đã giảm từ 47 công ty xuống còn 41 công ty.

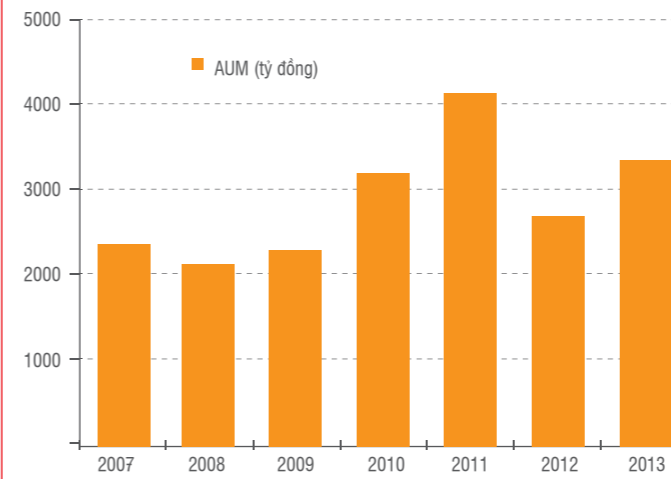
Trong giai đoạn khó khăn này, các công ty quản lý quỹ lớn hơn, đủ tiềm lực đã nỗ lực cung cấp cho nhà đầu tư những sản phẩm mới như quỹ mở và đã được các nhà đầu tư từng bước đón nhận. Trong năm 2013, có 9 quỹ mở đã được cấp phép thành lập (trong đó có 3 quỹ được chuyển đổi từ quỹ đóng), và 8 quỹ mở khác đang được UBCKNN thẩm định để thành lập. Tuy nhiên, đây vẫn là một sản phẩm mới mẻ và sự hiểu biết về sản phẩm của nhà đầu tư vẫn còn hạn chế. Do

vậy, vẫn cần nhiều nỗ lực của cơ quan quản lý thị trường, các công ty quản lý quỹ, và các thành viên thị trường khác trong việc cung cấp thông tin cho nhà đầu tư để quỹ mở thực sự trở thành kênh đầu tư hấp dẫn.

Sự sụt giảm về quy mô tài sản quỹ quản lý đã ảnh hưởng không nhỏ tới doanh thu và lợi nhuận của các công ty quản lý quỹ. Theo UBCKNN, đến cuối năm 2013, doanh thu toàn ngành quản lý quỹ đạt 600 tỷ VNĐ, lợi nhuận sau thuế ước đạt 70 tỷ VNĐ, trong đó có 22 công ty có lãi. Báo cáo tài chính bán niên 2013 của nhiều công ty cho thấy nguồn doanh thu chính không đến từ hoạt động cốt lõi là hoạt động quản lý quỹ và quản lý danh mục đầu tư, mà đến từ các hoạt động tài chính như lãi tiền gửi và các giao dịch đầu tư tài chính.

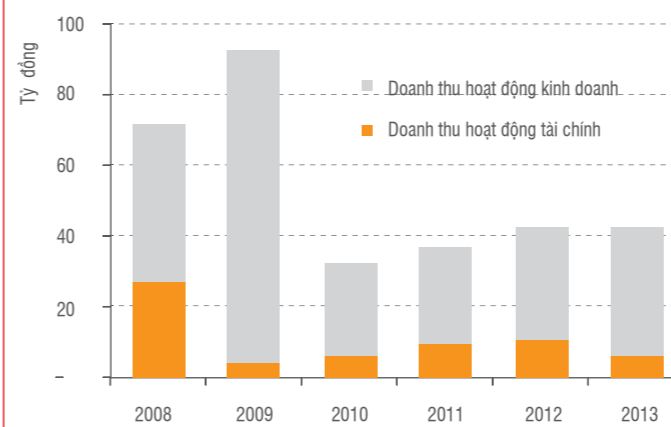
Trong bối cảnh này, Công ty Quản lý Quỹ SSI (SSIAM) đã nỗ lực không ngừng trong việc huy động tài sản quản lý mới của khách hàng, cũng như quản lý hiệu quả tài sản hiện tại. SSIAM chú trọng nhiều hơn trong việc đa dạng hóa sản phẩm, bổ sung nguồn lực cho phân khúc khách hàng cá nhân, thiết kế lại sản phẩm để phù hợp với đặc điểm của từng nhóm khách hàng, và đẩy mạnh công tác bán hàng qua các kênh phân phối. Kết thúc năm 2013, tổng tài sản quản lý của SSIAM tăng 26%, từ 2.670 tỷ VNĐ cuối năm 2012 lên 3.365 tỷ VNĐ. Mặc dù doanh thu thấp hơn so với năm 2012 do Quỹ Tầm Nhìn SSI hết hạn hoạt động vào cuối năm 2012, SSIAM vẫn vượt kế hoạch doanh thu đề ra 22%, đạt 30 tỷ VNĐ, và lợi nhuận trước thuế đạt 15 tỷ VNĐ.

Tổng tài sản quản lý SSIAM



Nguồn: SSIAM

Tổng doanh thu



Nguồn: SSIAM



Hiệu Quả Đầu Tư

Trong suốt hai năm qua, SSIAM đã nỗ lực xây dựng và triển khai chiến lược đầu tư dựa trên các tiêu chí đầu tư dài hạn và đồng hành cùng với doanh nghiệp. SSIAM tập trung đầu tư vào những ngành chiếm tỷ trọng lớn của nền kinh tế và không bị ảnh hưởng nhiều bởi các khó khăn của nền kinh tế. SSIAM thực hiện chiến lược đầu tư chủ động, trực tiếp đưa người vào Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát giúp các doanh nghiệp xây dựng kế hoạch phát triển dài hạn và bền vững, giúp nâng cao giá trị doanh nghiệp. Các danh mục đầu tư với chiến lược đầu tư vào những doanh nghiệp trả cổ tức cao, có bộ máy quản trị tốt và tiềm năng tăng trưởng dài hạn đã đạt được hiệu quả cao trong bối cảnh thị trường chứng khoán gặp nhiều khó khăn. Với chiến lược đầu tư như vậy, SSIAM đã bước đầu thành công trong việc xây dựng uy tín và thương hiệu riêng, tạo sự khác biệt với các công ty quản lý quỹ khác trên thị trường.

Danh mục cổ tức tiếp tục đạt hiệu quả đầu tư cao hơn chỉ số VN-Index, tỷ suất lợi nhuận năm 2013 đạt 30,7% so với 22% của VN-Index.

Cơ Cấu Sản Phẩm

Nhận thức rõ ràng khách hàng cá nhân có giá trị tài sản cao là mảng khách hàng có nhiều tiềm năng nhưng chưa được ngành quản lý quỹ tiếp cận một cách hiệu quả, trong năm 2013, SSIAM đã đẩy mạnh hơn nữa khai thác phân khúc này. Ngoài việc thúc đẩy bán hàng qua kênh phân phối là công ty chứng khoán và ngân hàng bán lẻ, SSIAM đã thiết kế lại sản phẩm quản lý danh mục toàn bộ SSI-Prestige cho phù hợp hơn với từng đối tượng khách hàng, xác định nhóm khách hàng tiềm năng nhất, đẩy mạnh việc tiếp cận và duy trì liên lạc thường xuyên với khách hàng. Tính đến cuối năm 2013, SSIAM đã nhận được nhiều phản hồi tích cực từ khách hàng, tăng gấp đôi giá trị tài sản quản lý của mảng khách hàng cá nhân.

Mảng quản lý danh mục cho khách hàng tổ chức chiếm tỷ trọng lớn hơn trong cơ cấu sản phẩm của công ty và SSIAM vẫn duy trì phát triển tốt mảng khách hàng này. Tổng tài sản quản lý của nhóm khách hàng này tăng trưởng 71% năm 2013, đóng góp từ cả tài sản huy động mới cũng như từ việc quản lý hiệu quả nguồn vốn ủy thác hiện tại.

Với nỗ lực cung cấp sản phẩm và dịch vụ đa dạng hơn cho khách hàng, năm 2013, SSIAM bổ sung nghiệp vụ tư vấn đầu tư vào các lĩnh vực hoạt động được cấp phép và đã có những khách hàng đầu tiên sử dụng dịch vụ này.

Đối với mảng quản lý quỹ, tháng 10/2013, SSIAM đã ký biên bản ghi nhớ với Tập đoàn LR để huy động và quản lý một quỹ đóng chuyên đầu tư vào các công ty trong chuỗi giá trị Nông nghiệp – Thực phẩm ở Việt Nam và khu vực Đông Nam Á. Hiện tại SSIAM và tập đoàn LR đang huy động vốn cho quỹ này. Ngoài ra, trong năm 2013, SSIAM cũng dành nhiều nguồn lực để chuẩn bị cho sự ra đời một quỹ mở vào đầu năm 2014.

Hệ Thống Phần Mềm Và Quản Trị Rủi Ro

Để hỗ trợ hiệu quả hơn nữa cho khối Kinh doanh, khối Hỗ trợ của SSIAM cũng đã được củng cố thêm, đặc biệt là về hệ thống phần mềm và quản trị rủi ro. Trong hai năm vừa qua, các công việc liên quan đến tính toán giá trị tài sản ròng, đánh giá hiệu quả của danh mục, cảnh báo giao dịch và công bố thông tin đã được tự động hóa bằng hệ thống phần mềm AMvista. Việc này đã giúp giảm thiểu đáng kể thời gian xử lý công việc và những sai sót trong quá trình quản lý danh mục hậu đầu tư.

Với những nỗ lực không ngừng trên mọi mặt hoạt động, SSIAM lần thứ hai liên tiếp được vinh dự nhận giải thưởng “Công Ty Quản Lý Quỹ Tốt Nhất Việt Nam” năm 2013 do tạp chí Asia Asset Management bình chọn. Tổng Giám Đốc SSIAM, bà Lê Thị Lệ Hằng cũng được trao giải “Tổng Giám Đốc Cửa Năm” lần thứ 2 liên tiếp, và Phó Tổng Giám Đốc phụ trách Đầu tư của SSIAM, ông Nguyễn Thanh Tùng được trao giải “Giám Đốc Đầu Tư Cửa Năm” do tạp chí này bình chọn.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN 2014

Bước sang năm 2014, với triển vọng nền kinh tế sáng sủa hơn, các công ty quản lý quỹ cũng đón nhận nhiều cơ hội phát triển mới. Đặc biệt, với hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện nay đã quy định đầy đủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của công ty quản lý quỹ và hướng dẫn về thành lập và hoạt động các loại hình quỹ đầu tư chứng khoán như quỹ mở, quỹ hoán đổi danh mục (ETF), quỹ bất động sản (REIT), các công ty quản lý quỹ đã được tạo điều kiện tốt hơn để đưa nhiều sản phẩm mới ra thị trường. Tuy nhiên, vẫn cần nhiều nỗ lực từ các cơ quan quản lý thị trường để tạo thuận lợi cho sự ra đời các sản phẩm mới này như ban hành chính sách thuê khuyến khích các sản phẩm mới, hoàn thiện chế độ kế toán cho các loại quỹ mới, Bộ Tài Chính hoàn thiện quy định pháp lý cho loại hình quỹ hưu trí tự nguyện.

Năm 2014, SSIAM chủ trương đẩy mạnh hoạt động huy động vốn, nâng tổng tài sản quản lý bằng việc tiếp tục đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao chất lượng dịch vụ, đẩy mạnh công tác bán hàng; đồng thời quản lý hiệu quả nguồn vốn ủy thác hiện tại bằng việc tìm kiếm các cơ hội đầu tư mới, thanh toán các khoản đầu tư đạt kỳ vọng và kiểm soát hậu đầu tư.

Đa Dạng Hóa Sản Phẩm Và Đẩy Mạnh Công Tác Bán Hàng

SSIAM sẽ tiếp tục nỗ lực cung cấp cho nhà đầu tư các sản phẩm quỹ mới. Công ty tiếp tục huy động vốn cho Quỹ đóng đầu tư vào các công ty trong chuỗi giá trị Nông nghiệp - Thực phẩm; chuẩn bị triển khai chào bán Quỹ mở vào đầu năm 2014; cũng như tiếp tục chuẩn bị năng lực sẵn sàng cho các quỹ trong tương lai như Quỹ ETF, Quỹ hưu trí tự nguyện.

Năm 2014, SSIAM tiếp tục tập trung khai thác khối khách hàng cá nhân có giá trị tài sản lớn, đẩy mạnh tiếp cận khách hàng tiềm năng qua bộ phận quan hệ khách hàng của SSIAM

cũng như qua các kênh phân phối khác. Ngoài ra, SSIAM sẽ dành thêm nguồn lực cung cấp Dịch vụ Tư vấn đầu tư cho khách hàng.

Đồng Hành Cùng Các Công Ty Liên Kết

Tiếp nối những kết quả đạt được trong năm 2013 với các công ty liên kết, năm 2014, SSIAM sẽ tiếp tục đi cùng với doanh nghiệp để thúc đẩy việc tạo nên chuỗi giá trị cho ngành Nông nghiệp, Thủy sản, và hàng Tiêu dùng. SSIAM cũng sẽ thúc đẩy việc tìm kiếm các cơ hội mới trong các ngành này.



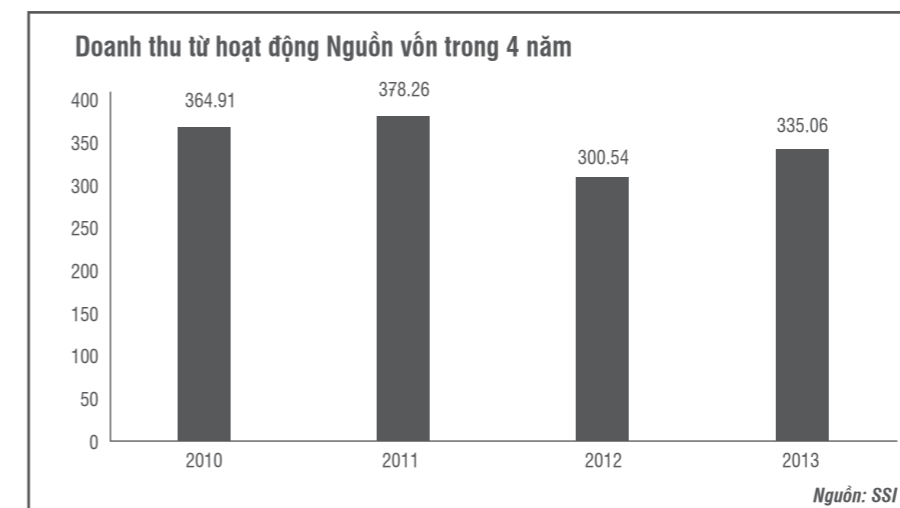
ĐIỂM NHẤN 2013

- Hoàn thành xuất sắc kế hoạch kinh doanh 2013;
- Quy mô tài sản quản lý được tiếp tục duy trì ở mức cao với 3.800 tỷ VNĐ;
- Thanh khoản ổn định, tài sản nhà đầu tư được quản lý an toàn tuyệt đối.

KẾT QUẢ KINH DOANH 2013

Năm 2013, nền kinh tế Việt Nam được cho là đã dần đi qua giai đoạn khó khăn nhất và bắt đầu có những tín hiệu tích cực hơn vào giai đoạn cuối năm với chỉ số lạm phát đạt mức thấp nhất trong 10 năm, chỉ tăng 6,04%. Mục tiêu kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô của Chính phủ về cơ bản đã đạt được, tuy nhiên vẫn còn rất nhiều những khó khăn tồn tại như thị trường bất động sản đóng băng hay vấn đề nợ xấu trong hệ thống tổ chức tín dụng trong nước. Thị trường Chứng khoán cũng có những diễn biến tích cực nhưng vẫn chưa có được sự ổn định. Trên thị trường tiền tệ, NHNN liên tục giảm lãi suất điều hành, thanh khoản được cải thiện rõ rệt, lãi suất liên tục giảm xuống do tình trạng dư thừa nguồn và ách tắc đầu ra từ tín dụng của các ngân hàng. Điều này đã ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động kinh doanh nguồn vốn của SSI vốn rất phụ thuộc vào biến động lãi suất trên thị trường tiền tệ.

Trong bối cảnh đó, bên cạnh việc duy trì nhiệm vụ hàng đầu là đảm bảo thanh khoản và an toàn tuyệt đối cho tài sản Công ty cũng như của Nhà đầu tư, Khối Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính tiếp tục cố gắng tận dụng hiệu quả nguồn lực sẵn có để hoàn thành xuất sắc kết quả kinh doanh được giao phó trong năm 2013.



Doanh thu Khối Nguồn vốn & Kinh doanh Tài chính bao gồm các khoản lãi từ tiền gửi ngân hàng, doanh thu từ các giao dịch liên quan kinh doanh trái phiếu và kinh doanh vốn.

➤ **NGUỒN VỐN & KINH DOANH TÀI CHÍNH**



Hoàn thành xuất sắc kế hoạch kinh doanh

Năm 2013, SSI tiếp tục hoàn thành vượt chỉ tiêu trong mảng nghiệp vụ Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính với tổng doanh thu đạt 335 tỷ VNĐ, vượt 36% so với kế hoạch đề ra và đóng góp hơn 37% vào tổng doanh thu của toàn Công ty.

Luôn duy trì trạng thái tiền mặt dồi dào ở mức hơn 3.000 tỷ VNĐ, doanh thu từ hoạt động tiền gửi ngân hàng vẫn đóng vai trò chủ đạo khi đạt hơn 276 tỷ VNĐ trong năm 2013 và chiếm tới 80% trong cơ cấu doanh thu của mảng nghiệp vụ Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính. Đối với hoạt động tiền gửi, việc dự đoán mặt bằng lãi suất sẽ liên tục giảm trong năm 2013 đã giúp SSI lựa chọn các sản phẩm tài chính được cơ cấu và các kỳ hạn đầu tư hợp lý nhằm một mặt vừa đảm bảo thanh khoản, nhưng mặt khác cũng mang lại nguồn lợi nhuận cao nhất. Bên cạnh đó, SSI cũng phân bổ một phần tài sản vào trái phiếu nhằm tăng tỷ suất lợi nhuận đầu tư nhưng vẫn có thể phục vụ thanh khoản khi cần thiết thông qua giao dịch mua bán lại trái phiếu (Repo).

Bên cạnh nguồn doanh thu từ tiền gửi, Khối Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính tiếp tục cùng với Khối Dịch vụ Chứng khoán triển khai các sản phẩm tài chính nhằm hỗ trợ nhu cầu của khách hàng, bao gồm giao dịch ký quỹ, ứng trước tiền bán... Đây đều là các sản phẩm mang lại



nguồn doanh thu rất ổn định cho SSI trong những năm gần đây. Năm 2013, doanh thu từ các sản phẩm tài chính này đạt hơn 65 tỷ VNĐ, tăng 24% so với năm 2012 và vượt 46% so với kế hoạch đề ra. Loại hình sản phẩm này cũng phụ thuộc rất nhiều vào những biến động từ thị trường, đặc biệt khi thị trường gia tăng thanh khoản, do đó đòi hỏi Khối Nguồn vốn & Kinh doanh Tài chính phải cân đối dòng tiền hợp lý, sẵn sàng thu xếp vốn để hỗ trợ tối đa nhu cầu của Nhà Đầu tư và tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty.

Song song quá trình kinh doanh, Khối Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính cũng đã xây dựng, sửa đổi và hoàn thiện các quy trình giao dịch theo thông lệ quốc tế với sự giúp sức của IFC và PWC. Việc các quy trình được chuẩn hóa đã giúp Khối Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính dễ dàng hơn trong việc theo dõi và quản lý dòng tiền, tăng cường năng lực quản lý và giám sát các rủi ro có thể phát sinh trong các giao dịch tiền gửi cũng như giao dịch kinh doanh tài chính khác.

Bên cạnh đó, hệ thống Oracle Treasury được vận hành ổn định và tận dụng tối đa các tính năng đã tạo điều kiện cho toàn bộ thanh khoản của hệ thống được quản lý một cách tối ưu.

Quản lý an toàn tài sản của Công ty và Nhà đầu tư luôn là tiêu chí được đặt lên hàng đầu

Năm 2013, nhờ thanh khoản trong hệ thống ngân hàng dồi dào, mặt bằng lãi suất trên thị trường tiền tệ cũng được duy trì ở mức khá ổn định và luôn có xu hướng giảm. Tuy nhiên, thị trường tài chính, tiền tệ nói chung vẫn đang tiềm ẩn những rủi ro khi các ngân hàng vẫn đang trong quá trình xử lý nợ xấu, nhiều ngân hàng bị đưa vào diện cần “tái cơ cấu” hoặc “sáp nhập”. Việc Công ty Quản lý Tài sản các Tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) ra đời tuy đã tạo tiền đề để xử lý nợ xấu nhưng vẫn cần thêm nhiều thời gian để các ngân hàng tái cơ cấu và thực hiện thành công việc bán lại các khoản nợ xấu. Bên cạnh đó, sau hàng loạt các vụ trọng án liên quan tới chiếm đoạt tài sản xảy ra trong hệ thống các định chế tài chính trong nước được phanh phui và đưa ra ánh sáng trong năm 2012, niềm tin của người gửi tiền chưa được củng cố hoàn toàn. Trong bối cảnh đó, với mục tiêu luôn đảm bảo an toàn tuyệt đối cho tài sản nhà đầu tư, đảm bảo đáp ứng đủ và kịp thời yêu cầu thanh toán của khách hàng, SSI luôn lựa chọn hợp tác với các Ngân hàng có độ tín nhiệm cao, thanh khoản tốt, chất lượng dịch vụ nổi trội. Hơn thế nữa, việc thường xuyên kiểm tra đánh giá lại các đối tác đã giúp SSI sớm nhận biết được những đối tác có tiềm tàng rủi ro thanh khoản và thiết lập lại hạn mức giao dịch phù hợp. Do đó, SSI đã không để phát sinh một khoản nợ xấu và chậm thanh toán nào từ phía các ngân hàng và các đối tác.

Cũng trong năm 2013, SSI đã phối hợp với Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (Eximbank) triển khai việc quản lý tách bạch tiền giao dịch chứng khoán của khách hàng cung cấp thêm sự lựa chọn cho nhà đầu tư giao dịch chứng khoán. Theo đó, bên cạnh phương thức trước đây là mở tài khoản tại SSI, khách hàng có thể lựa chọn mở tài khoản trực tiếp tại Eximbank và tiền giao dịch của khách hàng sẽ được quản lý tách bạch trên tài khoản tiền gửi thanh toán của khách hàng mở tại Ngân hàng.

Bên cạnh việc tiếp tục hợp tác với những ngân hàng đã có quan hệ lâu dài, SSI vẫn tiếp tục tìm kiếm và mở rộng mạng lưới quan hệ với những định chế tài chính uy tín khác, với mục đích mang lại cho khách hàng chất lượng dịch vụ ngày càng nổi trội, ưu việt hơn nữa. Trong đó, có những ngân hàng đã

cấp hạn mức giao dịch hàng nghìn tỷ VNĐ với SSI. Điều này đã khẳng định uy tín và vị thế của SSI trên thị trường tài chính, tiền tệ cũng như đạt được tín nhiệm từ khách hàng.

Tìm kiếm những sản phẩm tài chính mới nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu của khách hàng

Với tiêu chí cố gắng để mang lại hiệu quả cao nhất cho hoạt động đầu tư của Khách hàng, SSI luôn nỗ lực nghiên cứu và đưa ra những sản phẩm, dịch vụ tài chính mới bên cạnh những sản phẩm đã được vận hành ổn định như giao dịch ký quỹ, ứng trước tiền bán chứng khoán, hợp tác đầu tư trái phiếu ngắn hạn. Năm 2013, Khối nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính đã ra mắt sản phẩm VIPMargin với mục đích hỗ trợ vốn cho khách hàng là các cổ đông lớn của các doanh nghiệp niêm yết có nhu cầu tăng tỷ lệ sở hữu tại chính doanh nghiệp đó. Đây là sản phẩm có cấu trúc linh hoạt, tính ưu đãi cao nhằm giúp nhà đầu tư có đủ nguồn vốn để nắm bắt kịp thời những cơ hội lớn trên thị trường.

Bên cạnh đó, Khối nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính cũng tích cực phối hợp nội bộ cùng tham gia hợp tác với các ngân hàng để xây dựng sản phẩm tài chính hỗ trợ nhà đầu tư vay vốn. Với sản phẩm này, nhà đầu tư có thể vay vốn trực tiếp ngân hàng thông qua SSI bên cạnh các sản phẩm giao dịch ký quỹ của công ty chứng khoán, qua đó đa dạng hoá được danh mục vay vốn và lựa chọn được phương án phù hợp với nhu cầu.



KẾ HOẠCH KINH DOANH 2014

Quản lý an toàn chặt chẽ tài sản của Nhà đầu tư, đồng thời tận dụng tối đa tài sản sẵn có để tạo ra lợi nhuận cho Công ty

Với việc chính sách vĩ mô đã được duy trì ổn định trong suốt năm 2013, kỳ vọng năm 2014 nền kinh tế Việt Nam sẽ có những chuyển biến mới tích cực hơn. Thị trường chứng khoán dự báo sẽ thu hút được dòng vốn và có sự bứt phá trong bối cảnh các kênh đầu tư khác như tiền gửi tiết kiệm, bất động sản, vàng ... đều không đủ sức hấp dẫn đối với Nhà đầu tư. Tuy nhiên, do lãi suất trên thị trường tiền tệ có thể sẽ tiếp tục giảm trong năm 2014 trong bối cảnh ngân hàng vẫn chưa tháo gỡ được nút thắt tín dụng và điều này sẽ tạo nên cơ hội cũng như áp lực không nhỏ cho hoạt động kinh doanh Nguồn vốn của SSI.

Vì thế, bên cạnh nhiệm vụ tiếp tục duy trì thanh khoản tuyệt đối cho Công ty và Nhà đầu tư, Khối Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính sẽ nỗ lực tận dụng tối ưu nguồn vốn để phục vụ cho hoạt động kinh doanh, nhằm tối đa hóa doanh thu và lợi nhuận.

Xây dựng và phát triển những sản phẩm tài chính để phục vụ cho Khách hàng và hoạt động kinh doanh của Công ty

Trong hoạt động kinh doanh tài chính, SSI luôn đi tiên phong trong việc xây dựng những sản phẩm cấu trúc mới để hợp tác với các Ngân hàng. Trong năm 2014, Khối sẽ tiếp tục mở

rộng mạng lưới quan hệ với các định chế tài chính, tìm kiếm thêm những sản phẩm mới để tận dụng các nhu cầu vay vốn cũng như đầu tư vốn của thị trường.

Khối Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính cũng sẽ nghiên cứu và phát triển thêm những sản phẩm tài chính mới nhằm đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của Nhà đầu tư, hỗ trợ Nhà đầu tư kịp thời nắm bắt được những cơ hội trên thị trường chứng khoán.

Tiếp tục tìm kiếm cơ hội đầu tư trên thị trường trái phiếu

Năm 2013 là một năm khởi sắc đối với thị trường trái phiếu Việt Nam. Trên thị trường sơ cấp, các phiên đấu thầu trái phiếu chính phủ đều rất thu hút được sự quan tâm từ phía nhà đầu tư với khối lượng dự thầu là rất lớn và đều có tỷ lệ thành công rất cao. Trong khi đó, trên thị trường thứ cấp đã dần minh bạch và công khai hơn khi hình thành các cơ chế chào giá niêm yết cũng như việc xây dựng đường cong lợi suất chuẩn. Thanh khoản trên thị trường cũng được cải thiện, đặc biệt với các trái phiếu kỳ hạn ngắn dưới 3 năm. Năm 2014 kỳ vọng thị trường trái phiếu sẽ tiếp tục có những chuyển biến tích cực hơn nữa, trong đó đáng chú ý là việc xây dựng và hình thành thêm những sản phẩm mới như trái phiếu không lãi suất (zero coupon bond) và những sản phẩm phái sinh khác. Trước tình hình đó, Khối Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính đã lên kế hoạch kinh doanh, xây dựng hạn mức và chuẩn hóa quy trình giao dịch trái phiếu, sẵn sàng nắm bắt kịp thời cơ hội đầu tư sinh lời trên thị trường trái phiếu Việt Nam.

CHIẾN LƯỢC “ĐỒNG HÀNH & PHÁT TRIỂN CÙNG CÔNG TY LIÊN KẾT”

Tiếp tục chiến lược “Đồng hành & Phát triển cùng Công ty liên kết”, năm 2013, SSI thanh toán một khoản đầu tư của công ty liên kết, đồng thời, nâng tỉ lệ sở hữu và trở thành liên kết với 2 công ty mới trong lĩnh vực Nông nghiệp - Thực phẩm. Tính đến cuối năm 2013, SSI đầu tư vào 10 công ty liên kết. Đây là những công ty dẫn đầu ngành, có doanh thu, lợi nhuận ổn định, mức chi trả cổ tức cao, và có sản phẩm chất lượng có khả năng cạnh tranh trên thị trường. Phần lớn các công ty liên kết của SSI nằm trong chuỗi giá trị Nông nghiệp - Thực phẩm.

Ngành Nông, Lâm, Ngư nghiệp Việt Nam chiếm khoảng 18,4% tổng sản phẩm quốc nội (GDP) năm 2013. Việt Nam cũng là một trong những nước xuất khẩu gạo, cà phê, cao su, hạt điều chính trên thế giới với giá trị xuất khẩu nông sản của Việt Nam đạt hơn 27,4 tỷ USD, trong đó giá trị xuất khẩu các mặt hàng nông sản chính đạt 13,1 tỷ USD và giá trị xuất khẩu các sản phẩm thủy sản đạt khoảng 6,7 tỷ USD. Với việc tiêu dùng trong nước gia tăng, các thị trường xuất khẩu mới và sự hỗ trợ từ chính phủ và các nhóm xúc tiến thương mại, SSI nhận thấy tiềm năng tăng trưởng mạnh của nhóm ngành này trong những năm tới.






Tuy nhiên, ngành Nông nghiệp vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn. Cơ sở hạ tầng cho ngành vẫn còn kém, quy mô nhỏ và nhiều việc vẫn thực hiện thủ công, do vậy dẫn đến năng suất thấp và chất lượng chưa cao. Ngoài ra, phần lớn các doanh nghiệp trong ngành Nông nghiệp đều có quy mô nhỏ/manh mún, nên chưa được quản lý và quản trị một cách chuyên nghiệp ở quy mô kinh doanh lớn, thiếu định hướng, tầm nhìn và kế hoạch chiến lược phát triển trong dài hạn. Do đó, trong thời gian đầu, doanh nghiệp thường gặp khó khăn trong việc chuyển đổi sang mô hình quản lý, quản trị công ty theo hướng chuyên nghiệp, rõ ràng, minh bạch, cũng như việc xây dựng






và thực hiện chiến lược và kế hoạch phát triển trong dài hạn.

Thấu hiểu những khó khăn này, SSI mong muốn được đóng góp vào quá trình chuyển đổi này ở các doanh nghiệp. SSI cử người tham gia vào Hội Đồng Quản Trị, và/hoặc Ban Kiểm Soát ở các công ty liên kết, hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng kế hoạch kinh doanh với tầm nhìn dài hạn, đóng góp vào việc cải thiện quản trị doanh nghiệp, giảm chi phí vận hành và tìm kiếm nhà đầu tư chiến lược. SSI đã, và sẽ tiếp tục giúp các doanh nghiệp chuyển từ đẩy mạnh sản lượng sang nâng cao chất lượng sản phẩm, mở rộng sản xuất, tiến tới hợp nhất chuỗi giá trị sản xuất để giữ vững và gia tăng hiệu quả hoạt động.

Năm 2013, nhiều công ty liên kết của SSI đã đạt được những kết quả tích cực. Điển hình như hai công ty NSC và SSC. Đây là những công ty có những lợi thế và chiến lược để phát triển bền vững; và là những công ty hàng đầu ngành giống, với những đặc điểm riêng như hiểu biết sâu về điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng và các quan hệ hợp tác sản xuất tại các địa phương; có hệ thống phân phối rộng khắp các tỉnh thành và mở rộng sang Lào và Campuchia, ít chịu sự cạnh tranh của các công ty nước ngoài. NSC và SSC cũng là hai trong mười công ty Việt Nam được tạp chí Forbes Asia đưa vào danh sách 200 công ty hàng đầu dưới một tỷ đô của Châu Á năm 2013 (Top 200 Best Under A Billion Asian Companies 2013).

Trong năm 2014, SSI cam kết sẽ tiếp tục hỗ trợ các doanh nghiệp bằng nguồn lực và kinh nghiệm hoạt động tài chính của mình, để cùng với doanh nghiệp đạt được kết quả hoạt động tốt hơn, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững trong dài hạn và quản trị công ty minh bạch.

#	TÊN, ĐỊA CHỈ & LOGO CÔNG TY	LĨNH VỰC KINH DOANH	VỐN ĐIỀU LỆ THỰC GÓP	TỶ LỆ SỞ HỮU TẠI CÔNG TY LIÊN KẾT*	KẾT QUẢ KINH DOANH 2013	THÀNH VIÊN TRONG HĐQT/BKS
1	<p>Công Ty Cổ Phần (CTCP) Giồng Cây Trồng Trung Ương (NSC - HOSE)</p> <p>Số 1 Lương Định Của, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, Hà Nội</p> 	<p>Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại giống cây trồng nông, lâm nghiệp.</p> <p>Gồm có 3 nhóm sản phẩm chính: Hạt giống lúa, hạt giống ngô, hạt giống rau, và gần đây đang thử nghiệm mở rộng hợp tác kinh doanh các sản phẩm trong cùng một chuỗi giá trị bao gồm: Phân bón vi sinh và sản phẩm gạo chất lượng cao cấp.</p>	100.298.380.000	20,00%	<p>Doanh thu đạt 598 tỷ VNĐ, tương đương với kế hoạch 2013 (600 tỷ VNĐ), tăng trưởng 8% so với 2012 (547 tỷ VNĐ).</p> <p>Lợi nhuận sau thuế đạt gần 95 tỷ VNĐ, tương đương với kế hoạch (96 tỷ VNĐ), và tăng trưởng 22% so với năm 2012.</p>	<p>2 Thành viên HĐQT</p> <p>1 Thành viên BKS</p>
2	<p>CTCP Giồng Cây Trồng Miền Nam (SSC - HOSE)</p> <p>282 Lê Văn Sỹ, P. 1, Q. Tân Bình, TP. HCM</p> 	<p>Nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu giống cây trồng các loại.</p>	149.923.670.000	20,13%	<p>Doanh thu đạt 656 tỷ VNĐ, đạt 94% kế hoạch, tăng trưởng 33% so với năm 2012.</p> <p>Lợi nhuận sau thuế đạt 79 tỷ VNĐ, đạt 87% so với kế hoạch, tăng trưởng 16% so với năm 2012.</p>	<p>1 Thành viên HĐQT</p> <p>1 Thành viên BKS</p>
3	<p>CTCP Hùng Vương (HVG - HOSE)</p> <p>Lô 44 Khu Công nghiệp Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang</p> 	<p>Nuôi trồng, chế biến thủy hải sản xuất khẩu, thức ăn gia súc.</p>	1.190.999.993.000	20,01%	<p>Doanh thu thuần đạt 11.042 tỷ, đạt 92% kế hoạch và tăng 44% so với 2012.</p> <p>Lợi nhuận sau thuế đạt 296 tỷ đồng, tăng 3% so với năm 2012.</p> <p>Tăng trưởng mạnh về doanh thu là nhờ Công ty đã thành công M&A Công ty Thức Ăn Thủy Sản Việt Thắng (VTF).</p> <p>Trong năm 2014, Công ty đã tăng vốn điều lệ lên 1200 tỷ, và vẫn duy trì mức cổ tức ở mức 20% trên vốn điều lệ mới.</p>	<p>1 Thành viên BKS</p>
4	<p>CTCP Chế biến hàng xuất khẩu Long An (LAF - HOSE)</p> <p>81B, Quốc lộ 62, P. 2, TP. Tân An, Tỉnh Long An</p> 	<p>Sản xuất chế biến, xuất khẩu thực phẩm: hạt điều, đậu phộng và thủy sản. Sản xuất hàng tiêu dùng nhanh xuất khẩu và nội địa.</p>	147.280.190.000	20,02%	<p>Doanh thu đạt 538 tỷ VNĐ, tương đương 44% kế hoạch, giảm 40% so với năm 2012.</p> <p>Lợi nhuận sau thuế đạt 34 tỷ VNĐ, tương đương 65% kế hoạch, năm 2012 lỗ 152 tỷ VNĐ.</p> <p>Công ty đang đi đúng hướng để bù hết số lỗ lũy kế trong 2012.</p>	<p>2 Thành viên HĐQT</p> <p>1 Thành viên BKS</p>
5	<p>CTCP Xuyên Thái Bình (PAN - HOSE)</p> <p>Số 236/43/2 Điện Biên Phủ, P. 17, Q. Bình Thạnh, TP. HCM</p> 	<p>Cung cấp dịch vụ tiện ích (vệ sinh công nghiệp), thương mại và đầu tư tài chính.</p>	200.500.000.000	20,22%	<p>Doanh thu đạt 618 tỷ đồng, tương đương 91% kế hoạch và tăng 118% so với năm 2012. Doanh thu có sự tăng trưởng mạnh mẽ là do trong năm Công ty đã M&A thành công và hợp nhất kết quả kinh doanh của Công ty CP XNK Thủy sản Bến Tre vào kết quả kinh doanh chung của PAN.</p> <p>Lợi nhuận sau thuế đạt 21 tỷ đồng, giảm 73,75 % so với kết quả năm 2012.</p> <p>Công ty đang duy trì trả cổ tức 10% hàng năm.</p>	

#	TÊN, ĐỊA CHỈ & LOGO CÔNG TY	LĨNH VỰC KINH DOANH	VỐN ĐIỀU LỆ THỰC GÓP	TỶ LỆ SỞ HỮU TẠI CÔNG TY LIÊN KẾT*	KẾT QUẢ KINH DOANH 2013	THÀNH VIÊN TRONG HĐQT/BKS
6	CTCP Đầu Tư Phát Triển Công Nghệ Điện Tử Viễn Thông (ELC - HOSE) 18 Nguyễn Chí Thanh, P. Ngọc Khánh, Q. Ba Đình, Hà Nội 	Cung cấp các sản phẩm phần mềm, tích hợp hệ thống và các giải pháp chia khóa trao tay, dịch vụ kỹ thuật chuyên ngành Viễn thông và An ninh.	373.399.090.000	20,01%	Doanh thu đạt 418,8 tỷ VNĐ, tương đương 77,3% kế hoạch, giảm 19,4% so với năm 2012. Lợi nhuận sau thuế đạt 36,1 tỷ VNĐ, tương đương 28,9% so với kế hoạch, giảm 68,9% so với năm 2012.	1 Thành viên BKS
7	CTCP Transimex- Saigon (TMS - HOSE) Lầu 9 – 10 số 172 Hai Bà Trưng, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM 	Hoạt động trong lĩnh vực giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu.	230.738.240.000	20,00%	Doanh thu đạt 398,2 tỷ VNĐ, tương đương 94,5% kế hoạch, tăng 29,2% so với năm 2012. Lợi nhuận sau thuế đạt 96,2 tỷ VNĐ tương đương 81,9% kế hoạch, tăng 42,8% so với năm 2012. Công ty đang duy trì trả cổ tức 17% hàng năm.	1 Thành viên HĐQT 1 Thành viên BKS
8	CTCP Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh (GIL - HOSE) Tầng 1 - Tòa nhà Gilimex, Số 24C Phan Đăng Lưu, P.6, Q. Bình Thạnh, TP. HCM 	Sản xuất, kinh doanh các mặt hàng gia dụng làm từ chất liệu vải như: ba lô, vali, túi xách, và hàng may mặc.	139.245.880.000	25,69%	Doanh thu 2013 đạt 893 tỷ VNĐ, đạt 100% kế hoạch 2013 nhưng giảm 10% so với năm 2012. Lợi nhuận sau thuế đạt 66 tỷ VNĐ, vượt 65% kế hoạch và tăng 83% so với năm 2012.	1 Thành viên HĐQT 1 Thành viên BKS
9	CTCP Khử Trùng Việt Nam (VFG - HOSE) 29 Tôn Đức Thắng, P. Bến Nghé, Q.1, TP.HCM 	Sản xuất và kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật, vật tư khử trùng. Cung cấp dịch vụ khử trùng. Sản xuất và kinh doanh giống cây trồng.	132.827.530.000	20,06%	Doanh thu 2013 đạt 1.690 tỷ VNĐ, hoàn thành 96% kế hoạch và tăng 10% so với năm 2012. Lợi nhuận sau thuế đạt 73,7 tỷ VNĐ, bằng 78% kế hoạch và giảm 15% so với năm 2012.	1 Thành viên HĐQT 1 Thành viên BKS
10	CTCP Bibica (BBC - HOSE) 443 Lý Thường Kiệt, P. 8, Q. Tân Bình, TP. HCM 	Sản xuất kinh doanh trong và ngoài nước trên các lĩnh vực về công nghiệp chế biến bánh - kẹo - nha, xuất khẩu các sản phẩm bánh - kẹo - nha và các loại hàng hóa khác, nhập khẩu các thiết bị, công nghệ, nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất của Công ty. Đầu tư và phát triển sản xuất nhóm sản phẩm mới: bột ngũ cốc, bột dinh dưỡng, bột giải khát, kẹo viên nén.	15.420.782.000	20,00%	Doanh thu đạt 1052,81 tỷ VNĐ, tương đương 100,5% kế hoạch, tăng trưởng 12,3% so với năm 2012. Lợi nhuận sau thuế đạt 44,95 tỷ VNĐ, tương đương 128% kế hoạch, tăng trưởng 73,75% so với năm 2012. Công ty đạt kế hoạch mức cổ tức khoảng 12 - 16% /năm.	1 Thành viên BKS

*: Tỷ lệ sở hữu tính trên số lượng cổ phiếu đang lưu hành.



**QUẢN TRỊ
RỦI RO**





TÓM TẮT HỆ THỐNG QUẢN TRỊ RỦI RO

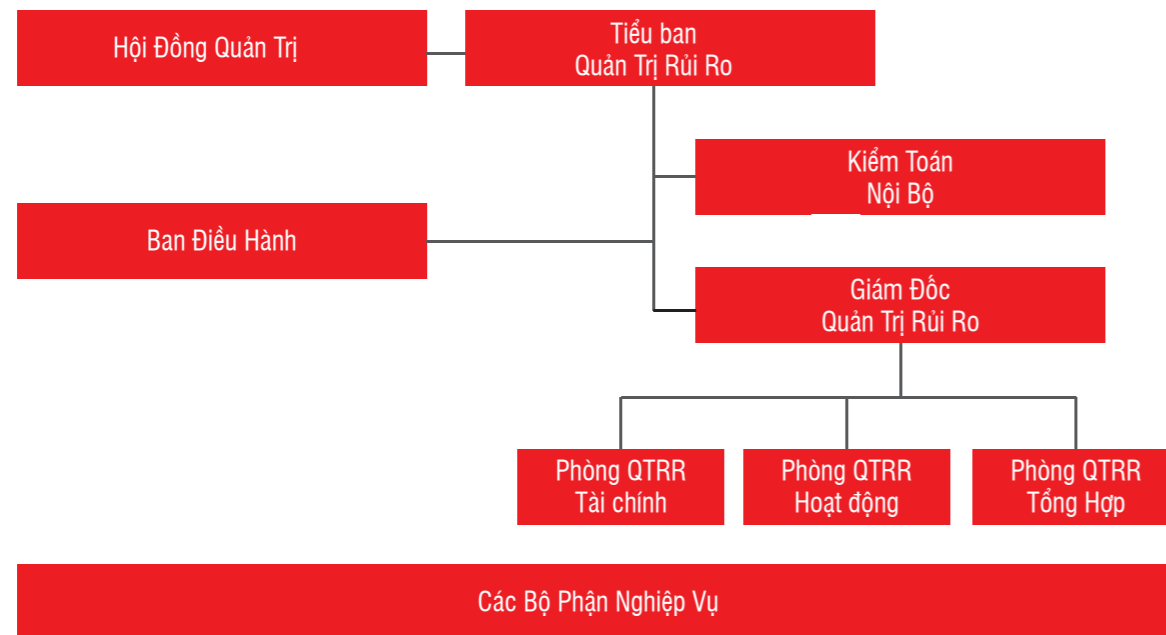
Năm 2013 tiếp tục đánh dấu một năm thành công của SSI xét về mặt quản trị rủi ro (QTRR) trong hoàn cảnh thị trường có nhiều khó khăn và cạnh tranh gay gắt giữa các công ty chứng khoán nhằm thu hút khách hàng và giữ thị phần. Tại SSI đã không xảy ra rủi ro nào đáng kể gây thiệt hại cho Công ty về mặt tài chính, uy tín, nhân lực,... Kết thúc năm 2013, SSI đã đạt được kế hoạch kinh doanh do ĐHCĐ đề ra từ đầu năm.

SSI đã từng bước triển khai xây dựng Hệ thống Quản trị rủi ro hoàn chỉnh theo yêu cầu của Thông tư số 210/2012/TT-BTC và Hướng dẫn về thiết lập và vận hành hệ thống quản trị rủi ro cho công ty chứng khoán theo Quyết định số 105/QĐ-UBCK

ngày 26/02/2013 của UBCKNN. Hệ thống Quản trị rủi ro được xây dựng dựa trên hệ thống hiện có và nâng cấp, thay đổi chức năng của các thành phần liên quan cũng như bổ sung nhân sự phù hợp với yêu cầu mới.

SSI đã ban hành Chính sách Quản trị rủi ro, giúp xác định phương pháp tiếp cận đối với rủi ro và quản trị rủi ro, nêu rõ trách nhiệm trong việc quản trị rủi ro trong toàn bộ SSI, đảm bảo mọi nhân viên và bộ phận trong SSI được tiếp cận, nắm vững, hiểu rõ trách nhiệm của mình trong công tác quản trị rủi ro của Công ty.

Hệ thống Quản trị rủi ro (QTRR) tại SSI bao gồm các thành phần như sau:



Xác định rủi ro

SSI sử dụng bảng câu hỏi, phân tích kịch bản, điều tra sự cố, hội thảo đánh giá, nghiên cứu các quy trình kinh doanh và các yếu tố tác động đến các quy trình đó... để xác định rủi ro. Các phòng nghiệp vụ và nhân viên liên quan cần tiên hành khai báo, đăng ký rủi ro theo mẫu được hướng dẫn.

Đánh giá rủi ro

SSI sử dụng phương pháp đánh giá định tính và/hoặc định lượng phù hợp cho các rủi ro mà SSI phải đối mặt. SSI áp dụng thang đo định danh và thang đo thứ bậc trong phương pháp định tính. Thang đo khoảng cách và thang đo tỷ lệ áp dụng cho phương pháp định lượng.

Các mô hình định tính được sử dụng đánh giá các rủi ro không thể hoặc rất khó định lượng. Đối với các rủi ro đã được định lượng, mô hình định tính vẫn có thể được sử dụng như một mô hình hỗ trợ cung cấp thêm thông tin để đánh giá rủi ro chính xác hơn.

Các mô hình định lượng được ưu tiên sử dụng để lượng hóa rủi ro. Các mô hình này có thể tính toán, ước lượng được các giá trị rủi ro như giá trị rủi ro thị trường, giá trị rủi ro thanh toán, giá trị rủi ro hoạt động, giá trị rủi ro thanh khoản, và các giá trị rủi ro khác. Các giá trị rủi ro này có thể được tính bằng tiền hoặc tỷ lệ phần trăm trên vốn hoặc vốn khả dụng. SSI sử dụng một số mô hình định lượng sau để tính toán các giá trị rủi ro và vốn khả dụng:

- Các mô hình chuẩn quy định tại Thông tư 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 và Thông tư 165/2012/TT-BTC ngày 09/10/2012 của Bộ Tài Chính;
- Mô hình định lượng VaR (Value-at-Risk) để xác định giá trị rủi ro tối đa. Mô hình VaR dựa trên dữ liệu lịch sử hoặc dữ liệu mô phỏng mà có thể xảy ra với một xác suất nhất định trong một khoảng thời gian nhất định đối với SSI hoặc danh mục của khách hàng ủy thác khi thị trường không có biến động bất thường.

Xác định hạn mức rủi ro

Hạn mức rủi ro được xác định bằng phương pháp định tính và phương pháp định lượng. Trong đó, ưu tiên sử dụng phương pháp định lượng. Việc xác định và phân bổ hạn mức rủi ro có thể được thực hiện trên cơ sở các bộ phận nghiệp vụ kinh doanh, hoặc trên cơ sở các loại sản phẩm, độ dài của kỳ hạn, mức độ tập trung của một vị thế nắm giữ, hoặc sự khác biệt

về nhân tố rủi ro hoặc nhu cầu của Công ty.

Giám đốc Quản trị rủi ro đề xuất hạn mức rủi ro đối với từng loại rủi ro theo đặc trưng của từng bộ phận kinh doanh nghiệp vụ lên Tổng Giám đốc phê duyệt.

Tổng Giám đốc đề xuất tổng hạn mức rủi ro và hạn mức rủi ro của từng bộ phận kinh doanh nghiệp vụ lên HĐQT phê duyệt.

Hạn mức rủi ro đề xuất phải phù hợp với khẩu vị rủi ro đã được HĐQT công bố.

Xử lý rủi ro

Nguyên tắc xử lý rủi ro:

- Đánh giá ưu và nhược điểm của từng biện pháp;
- Lựa chọn và xây dựng kế hoạch xử lý, trong đó có trách nhiệm thực hiện kế hoạch, tiến độ thực hiện, kết quả dự báo, hoạch định và xem xét nguồn lực và thủ tục đánh giá;
- Thực hiện xử lý rủi ro theo kế hoạch đã lựa chọn.

Các biện pháp cơ bản:

- Tránh rủi ro: Không thực hiện bất kỳ hoạt động nào có thể gây ra rủi ro đang xử lý;
- Giảm thiểu rủi ro: Áp dụng các biện pháp để giảm tác động của rủi ro đến Công ty, giảm thiểu khả năng xảy ra rủi ro, hoặc cả hai;
- Chia sẻ rủi ro: Chuyển tất cả hoặc một phần rủi ro cho đối tượng khác như quy định về rủi ro trong hợp đồng, tiến hành mua bảo hiểm (nếu có dịch vụ tương ứng) cho các hoạt động kinh doanh.

Chấp nhận rủi ro: Không có biện pháp để thay đổi xác suất và tác động của rủi ro.



RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Rủi ro thị trường phát sinh khi những biến động bất thường trong giá cả hàng hóa, lãi suất, tỷ giá, chính sách v.v... gây tác động xấu tới giá trị của các khoản đầu tư tài chính. Đầu tư chứng khoán luôn phản ánh và bị ảnh hưởng bởi mọi biến động của thị trường một cách tức thời và rõ rệt nhất. Mọi thông tin liên quan đến những thay đổi của các chính sách tài chính tiền tệ, bất động sản hay hàng hóa cơ bản, dù là chính thức hay tin đồn đều phản ánh vào giá cổ phiếu. Những thay đổi này nằm ngoài tầm kiểm soát của các công ty chứng khoán nên đòi hỏi sự quản trị rủi ro mang tính phối hợp chặt chẽ từ việc theo dõi, đánh giá, nhận định, dự báo thị trường, chiến lược đầu tư, đến hệ thống hạn mức, cảnh báo và quy trình xử lý.

Hai nghiệp vụ của SSI chịu ảnh hưởng nhiều nhất của rủi ro thị trường bao gồm:

› **Nghiệp vụ đầu tư tiền gửi/ kỳ phiếu/ trái phiếu:** Với vốn chủ hữu khoảng 5.000 tỷ VNĐ nhưng tổng nguồn có lúc lên tới 8.000 tỷ VNĐ, trạng thái tiền mặt trung bình năm 2013 hơn 3.000 tỷ VNĐ bao gồm hơn 900 tỷ VNĐ của Nhà đầu tư, SSI phải thực hiện quản lý đảm bảo đạt nhiều mục đích, bao gồm tối ưu hóa lợi nhuận, duy trì thanh khoản linh hoạt, đồng thời đảm bảo tách bạch tiền gửi của khách hàng và của SSI. Dòng tiền của SSI ra vào tương đối phức tạp do hoạt động đầu tư mua bán linh hoạt, cho vay ký quỹ cũng liên tục biến động theo hoạt động mua bán của khách hàng. Đặc biệt, lãi suất thị trường trong năm luôn trong xu thế đi xuống. Do đó, để tối ưu hóa lợi nhuận, SSI phải thực hiện cơ chế đầu tư tiền gửi kết hợp với tiền vay một cách hài hòa sao cho tránh được rủi ro về - khoảng cách lãi suất và thời hạn, giảm thiểu tác động do những thay đổi trong chính sách lãi suất của Ngân hàng Nhà nước cũng như biến động lãi suất thị trường.

› **Nghiệp vụ đầu tư cổ phiếu:** Giá cổ phiếu chịu ảnh hưởng tức thời từ những biến động từ các yếu tố nội tại của nền kinh tế, và bất kỳ sự sụt giảm nào đối với giá cổ phiếu xuống thấp hơn giá vốn đều được phản ánh ngay vào trạng thái lãi lỗ của công ty chứng khoán. Trong tình hình thị trường chưa ổn định, mặc dù chỉ số thị trường có xu hướng tăng dần nhưng rủi ro vẫn còn rình rập, tâm lý Nhà đầu tư vẫn còn hết sức nhạy cảm với mọi thông tin của thị trường, SSI tiếp tục duy trì quan điểm đầu tư thận trọng, giảm kinh doanh ngắn hạn

và mở rộng quy mô đầu tư liên kết đối với những công ty thuộc những ngành cơ bản và thiết yếu của nền kinh tế, ít chịu ảnh hưởng bởi những biến động của thị trường, có tiềm năng phát triển ổn định. Tỷ trọng đầu tư liên kết của SSI tiếp tục tăng trên tổng giá trị đầu tư.

RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng phát sinh khi Công ty chứng khoán không thu hồi được hoặc không thu hồi hết nợ cho vay dẫn tới tổn thất về vốn. Các hoạt động kinh doanh của công ty chứng khoán nói chung và SSI nói riêng có khả năng phát sinh rủi ro tín dụng bao gồm: đầu tư tiền gửi, cho vay ký quỹ, và đầu tư trái phiếu, đặc biệt là hoạt động cho vay ký quỹ và đầu tư trái phiếu doanh nghiệp.

Hoạt động đầu tư tiền gửi có nguy cơ phát sinh rủi ro khi đối tác không hoàn thành nghĩa vụ thanh toán. Đối tác nhận tiền gửi có thể là các ngân hàng hoặc công ty tài chính. Năm 2013 là năm thị trường liên ngân hàng trở nên lạnh mạnh hơn nên không còn phát sinh nợ xấu liên ngân hàng. Trong giai đoạn rủi ro nhất là năm 2011-2012, SSI cũng không phát sinh khoản tiền gửi nào bị mất khả năng thanh toán, tuy nhiên năm 2013, SSI vẫn luôn đi theo nguyên tắc cẩn trọng, đa dạng hóa đối tác, đánh giá, xếp hạng tín dụng cho đối tác dựa trên thông tin thị trường, thông tin khách hàng và lịch sử hợp tác. Từ đó, SSI chỉ lựa chọn đối tác là các ngân hàng lớn có tín nhiệm cao để phân bổ hạn mức tín dụng và duy trì tài khoản tiền gửi thanh toán. Hệ thống báo cáo và cảnh báo rủi ro hàng ngày tiếp tục duy trì để giám sát hoạt động này một cách chặt chẽ.

Hàng năm, danh sách đối tác ngân hàng được đánh giá lại định kỳ, căn cứ trên báo cáo tài chính và các thông tin về tình hình tài chính và tình hình hoạt động của ngân hàng.

Cho vay ký quỹ là hoạt động cho vay có tài sản bảo đảm là danh mục cổ phiếu của khách hàng. Rủi ro tín dụng phát sinh với hoạt động này khi giá cổ phiếu giảm sút, làm giá trị tài sản bảo đảm giảm xuống nhưng khách hàng không bổ sung giá trị tài sản bảo đảm theo yêu cầu hoặc khi ép bán, giá cổ phiếu xuống quá thấp hoặc mất thanh khoản dẫn tới việc công ty chứng khoán không thu hồi được hết tiền cho vay. Để giảm thiểu rủi ro này, SSI thực hiện một loạt các biện pháp phối hợp:

› **Lập danh mục hỗ trợ thận trọng** trên cơ sở tuân thủ các quy định của UBCKNN, đồng thời chấm điểm các cổ phiếu trên các yếu tố thanh khoản, biến động giá và định giá cổ phiếu dựa trên báo cáo phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp. Danh mục cổ phiếu làm tài sản bảo đảm được đánh giá lại hàng tháng để kịp thời cập nhật tình hình biến động của cổ phiếu, đồng thời các trường hợp cá biệt cũng được đánh giá ngay khi cổ phiếu xuất hiện thông tin xấu;

› **Xây dựng hệ thống hạn mức** đan chéo để kiểm soát tối đa: tổng hạn mức cho vay ký quỹ, hạn mức tối đa trên 1 khách hàng, hạn mức tối đa trên 1 mã cổ phiếu, tỷ lệ cảnh báo ngưỡng an toàn, tỷ lệ cảnh báo ngưỡng ép bán thu hồi nợ, ...

› **Giám sát tình hình dư nợ và tỷ lệ rủi ro** hàng ngày để kịp thời phát hiện các dấu hiệu rủi ro: ví dụ dư nợ có độ tập trung cao trên 1 khách hàng, trên 1 cổ phiếu, cổ phiếu có biến động giá bất thường, cổ phiếu có thông tin bất thường, cổ phiếu có biến động giao dịch bất thường và nghi vấn trong phiên giao dịch ...

› **Chăm sóc và đánh giá khách hàng sử dụng giao dịch ký quỹ** phải đảm bảo các tiêu chí theo các nguyên tắc do SSI quy định, ràng buộc trách nhiệm của Môi giới chăm sóc khách hàng trong việc cảnh báo và thu hồi nợ vay...

› **Nói “không” với các hình thức đảo nợ, xoay vòng nợ...**

Bằng việc thực hiện hàng loạt các biện pháp phối hợp như trên, từ khi thực hiện nghiệp vụ giao dịch ký quỹ nói chung và

trong năm 2013 nói riêng, SSI không để xảy ra trường hợp tổn thất vốn hỗ trợ nào và số dư nợ được duy trì chỉ ở mức dưới 30% tổng vốn chủ sở hữu.

Hoạt động đầu tư trái phiếu liên quan đến rủi ro đơn vị phát hành trái phiếu mất thanh khoản khi đến hạn hoặc đơn vị phát hành phát sinh yếu tố làm trái phiếu có nguy cơ mất thanh khoản. Để hạn chế các rủi ro này, về quy trình, SSI đánh giá chi tiết các khía cạnh của một đề xuất đầu tư trái phiếu tương tự như thẩm định tín dụng trước khi thực hiện đầu tư. Tuy nhiên, trong tình hình nền kinh tế còn nhiều bất ổn, SSI đã hạn chế tối đa việc đầu tư trái phiếu, không gia tăng trạng thái đầu tư trái phiếu trong năm 2013.



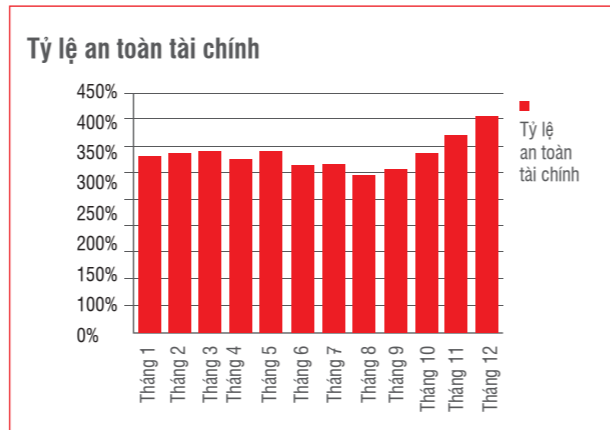
RỦI RO THANH KHOẢN

Rủi ro thanh khoản xảy ra khi SSI mất khả năng thực hiện các nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ đến hạn. Thông thường Công ty chứng khoán có thể rơi vào tình trạng này khi cân đối dòng tiền thiếu chặt chẽ và hợp lý, đánh giá sai thanh khoản của các khoản đầu tư dẫn tới không thể thanh toán các khoản đầu tư và cho vay để cân đối nguồn trả nợ hoặc cân đối nguồn vốn sử dụng cho các hạng mục chi tiêu cần thiết khác. Khoản đầu tư thiếu thanh khoản có thể là các trạng thái cổ phiếu thanh khoản thấp, hoặc các khoản cho vay với tài sản bảo đảm là tài sản ít thanh khoản khó bán được để thu hồi nợ. Đối với các tài sản thanh khoản cao nhất như tiền gửi ngân hàng, rủi ro thanh khoản cũng có thể xảy ra khi Công ty chứng khoán quản lý khoảng cách kỳ hạn của các khoản tiền gửi và nguồn đối ứng thiếu chặt chẽ; hoặc khi số dư tiền gửi tập trung quá cao vào một đối tác có tình hình tài chính không thực sự khỏe mạnh.

Rủi ro thanh khoản cũng xảy ra khi SSI mất khả năng thực hiện các nghĩa vụ thực hiện các yêu cầu thanh toán của khách hàng. Công ty chứng khoán nói chung có thể rơi vào tình trạng này khi không quản lý tách bạch tiền của nhà đầu tư dẫn tới vô tình hoặc cố ý lạm dụng tiền gửi của khách hàng – khi khách hàng có nhu cầu thanh toán, Công ty chứng khoán không cân đối kịp nguồn vốn để đáp ứng.

Năm 2013, SSI tiếp tục giữ vững thế mạnh về quản lý thanh khoản – một thế mạnh mang tính truyền thống trong suốt 13 năm hoạt động. Một số công ty chứng khoán tiếp tục vấp phải những sự cố về thanh khoản, không đáp ứng được một số nhu cầu rút/chuyển tiền của khách hàng, không đáp ứng được nhu cầu chuyển tiền mua chứng khoán của khách hàng, phải sử dụng tới nguồn vay chi phí cao của Quỹ hỗ trợ thanh toán... Tại SSI, số dư tiền gửi khách hàng ngày bình quân từ 900-1.100 tỷ VNĐ, hàng trăm lệnh thanh toán mỗi ngày, tuy nhiên, SSI luôn luôn đáp ứng đủ và kịp thời mọi nhu cầu thanh toán của khách hàng, tuyệt đối không phải sử dụng tới nguồn của Quỹ hỗ trợ thanh toán, mọi khoản chi trả công nợ trực tiếp của Công ty cũng đều được thanh toán đúng hạn.

Tỷ lệ vốn khả dụng vẫn luôn duy trì ở mức 307% - 400%, cao hơn nhiều so với tỷ lệ theo quy định là 180%.



Để đạt được thành tựu này, SSI duy trì một quy trình quản lý dòng tiền hết sức chặt chẽ.

Mọi khoản thu chi, công nợ hàng ngày dù lớn nhỏ đều được đồng thời liên tục theo dõi và cập nhật tất cả các dòng tiền ra vào bao gồm cả thực tế và dự toán tương lai. Báo cáo dòng tiền được phát hành mỗi ngày là cơ sở cho hoạt động đầu tư tiền gửi và điều hòa nguồn vốn giữa hàng chục tài khoản Ngân hàng.

Về tổng thể, công tác quản trị rủi ro thanh khoản vẫn luôn luôn được chú trọng đặc biệt và phối hợp chặt chẽ giữa các khối tại SSI. Một hệ thống báo cáo thường xuyên và chi tiết được các bộ phận nghiệp vụ nắm chắc để kịp thời cập nhật thông tin.

	Báo cáo	Tần suất
Kê toán	<ul style="list-style-type: none"> Báo cáo số dư tiền các tài khoản Ngân hàng; Báo cáo số dư tiền Nhà đầu tư tại SSI; Báo cáo số tiền dự chi/dự thu. 	<ul style="list-style-type: none"> Hàng ngày Hàng ngày Hàng ngày
Nguồn vốn & Kinh doanh Tài chính	<ul style="list-style-type: none"> Báo cáo dòng tiền đầu ngày; Báo cáo kế hoạch dòng tiền. 	<ul style="list-style-type: none"> Hàng ngày Hàng tháng khi có phát sinh hoặc đề nghị/ Hàng ngày
Dịch vụ Chứng khoán	<ul style="list-style-type: none"> Báo cáo tình hình ứng trước tiền bán chứng khoán của khách; Báo cáo số tiền giải ngân/ thu nợ cho vay ký quỹ; Báo cáo số dư nợ cho vay ký quỹ 10 ngày liên tục, cập nhật mỗi ngày; Báo cáo chuyển/ rút/ nộp/ báo có số tiền lớn của Nhà đầu tư; Báo cáo thanh toán bù trừ; Báo cáo các khoản chuyển tiền quyền mua. 	<ul style="list-style-type: none"> Hàng ngày Hàng ngày và khi có phát sinh Hàng ngày Khi có phát sinh Hàng ngày Khi có phát sinh



Bên cạnh việc quản trị dòng tiền chặt chẽ, SSI luôn duy trì một tỷ lệ hợp lý và cân đối giữa tài sản và nợ, áp dụng nguyên tắc cơ bản của quản trị rủi ro thanh khoản là đầu tư vào các tài sản có tính thanh khoản. Trong đó, trạng thái tiền mặt được duy trì ở một tỷ trọng hợp lý để vừa hỗ trợ thanh khoản, vừa phục vụ hoạt động cho vay ký quỹ lại vừa đảm bảo một mức sinh lời tiền mặt ổn định. Tuy nhiên, ngay cả trên trạng thái tiền mặt, SSI cũng duy trì cơ cấu các kỳ hạn tiền gửi một cách hài hòa, tối ưu hóa lợi nhuận. Đồng thời, SSI cũng xây dựng các hạn mức tín dụng từ các tổ chức tín dụng khác nhau trên thị trường bao gồm cả hình thức vay tín dụng thương mại và hình thức thấu chi tài khoản thanh toán ở một hạn mức nhất định tại các ngân hàng khác nhau. Các phương thức thu xếp nguồn vốn, đảm bảo khả năng thanh toán của SSI còn bao gồm sử dụng các công cụ phái sinh như mua bán lại trái phiếu (repo), mua bán kỳ hạn, phát hành các giấy tờ có giá nhằm huy động nguồn vốn trung và dài hạn. Trong năm 2013, SSI tiếp tục thực hiện chào bán các sản phẩm tài chính đến đối tượng khách hàng cá nhân để đảm bảo hai mục tiêu song hành là đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ theo nhu cầu của khách hàng và tăng tính thanh khoản.

RỦI RO HỆ THỐNG & BẢO MẬT THÔNG TIN

Với đặc thù của công ty chứng khoán, các rủi ro về hệ thống và bảo mật thông tin luôn là rủi ro lớn nhất mà đội ngũ Công Nghệ Thông Tin (CNTT) phải đương đầu. Tại SSI, việc bảo vệ những thông tin cá nhân và giao dịch của khách hàng được coi là yếu tố sống còn, song song với việc tuân thủ quy trình hoạt

động hàng ngày để hệ thống hoạt động với hiệu suất cao, tránh các trường hợp trục trặc hệ thống hay ngừng hoạt động gây tổn hại về tài chính cho cả SSI và khách hàng, sụt giảm uy tín của SSI.

Trong năm 2013, SSI đã triển khai đồng bộ nâng cấp hệ thống tường lửa thế hệ mới nhất đảm bảo an toàn cho hệ thống giao dịch. Kết hợp cùng việc triển khai thành công ảo hóa hạ tầng máy chủ đã đưa hệ thống của SSI tiến thêm một bước quan trọng về bảo mật và tính sẵn sàng cao của hệ thống. Mọi phần tử trên hệ thống đều đã có dự phòng nóng và hoàn toàn tự động chuyển đổi trong trường hợp sự cố đảm bảo tính liên tục không gián đoạn với người dùng.

CNTT SSI luôn thực hiện chặt chẽ các quy trình ngặt nghèo về bảo mật, cũng như thường xuyên định kỳ rà soát hệ thống về độ an toàn liên quan đến lỗ hổng bảo mật, nguy cơ tấn công hay virus... SSI cũng định kỳ hợp tác với các đối tác bảo mật hàng đầu để đánh giá toàn diện hệ thống và phát triển các chiến lược bảo mật nhằm đảm bảo quản trị rủi ro cho hệ thống công nghệ được liên tục rà soát, chỉnh sửa, và cập nhật.

Năm 2013, SSI tiếp tục đẩy mạnh hoàn thiện tự động hóa các quy trình nghiệp vụ. Hệ thống phòng chống thảm họa cho hệ thống giao dịch (chạy song song thời gian thực giữa 2 miền Bắc - Nam) cũng được thử nghiệm định kỳ thành công đảm bảo tính đồng nhất, vẹn toàn và an toàn thông tin. Các hệ thống phần mềm quản trị nội bộ doanh nghiệp cũng được nâng cấp và phát triển để tự động hóa hoàn toàn các khâu đối soát dữ liệu từ các nguồn khác nhau góp phần nâng cao quản trị rủi ro của doanh nghiệp.



RỦI RO TUÂN THỦ

Rủi ro tuân thủ là rủi ro mà công ty phải đối mặt trong trường hợp công ty, nhân viên của công ty vi phạm hoặc không tuân thủ các quy định của pháp luật, quy định tại điều lệ công ty, vi phạm các quy định nội bộ, quy trình nghiệp vụ, quy chế, kể cả các quy định về đạo đức nghề nghiệp.

Phòng ngừa, hạn chế rủi ro tuân thủ được xem là công tác quan trọng của SSI. Một số biện pháp được SSI thực hiện nhằm phòng ngừa rủi ro tuân thủ bao gồm:

- ▶ Thiết kế quy trình, bộ máy vận hành có sự kiểm tra chéo lẫn nhau giữa các cá nhân, bộ phận. Tại Công ty, các quy trình nghiệp vụ và bộ máy hoạt động được thiết kế với mục đích có sự kiểm tra chéo lẫn nhau để tăng cường kiểm tra, giám sát nội bộ, hạn chế sự lạm quyền và sớm phát hiện các sai phạm có thể xảy ra;
- ▶ Nâng cao ý thức tuân thủ của nhân viên. Công tác đào tạo, tuyên truyền về tuân thủ được chú trọng. Nhân viên mới được tuyển dụng đều được đào tạo, phổ biến về các quy trình, quy chế chung và các quy định đặc biệt có liên quan đến công việc của mình. Trong suốt thời gian làm việc tại SSI, nhân viên được đào tạo định kỳ để nắm rõ quy trình làm việc và nâng cao ý thức tuân thủ;
- ▶ Thiết lập hệ thống kiểm tra, giám sát nội bộ;
- ▶ Áp dụng kỷ luật nghiêm khắc đối với các trường hợp vi phạm quy định của Công ty.

Trong năm 2013, Bộ phận Kiểm soát nội bộ của Công ty đã thực hiện 25 đợt kiểm soát tại các bộ phận để kiểm tra việc tuân thủ quy trình, quy chế nội bộ, tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan. Kết quả kiểm soát được báo cáo cho Tổng Giám đốc, Giám đốc các Khối phụ trách và bộ phận Pháp chế của Công ty để kịp thời xử lý vi phạm, cập nhật, chỉnh sửa quy trình nghiệp vụ nhằm hạn chế rủi ro và nâng cao hiệu suất công việc.

Công ty cũng đã tổ chức một đợt đào tạo trực tiếp cho toàn bộ nhân viên Công ty về đạo đức nghề nghiệp, kiểm soát nội bộ và phòng chống rửa tiền.

RỦI RO THƯƠNG HIỆU

Là công ty hoạt động trong ngành tài chính – chứng khoán, SSI hiểu rõ thương hiệu không chỉ đơn thuần là dấu hiệu để nhận biết và định vị sản phẩm/dịch vụ doanh nghiệp đó mà đã trở thành một tài sản vô hình có giá trị đặc biệt. Rủi ro thương hiệu chính là những tổn thất, thiệt hại về giá trị do sự thay đổi trong quan niệm của Khách hàng về Công ty, có thể ảnh hưởng lớn đến nhu cầu sử dụng sản phẩm và dịch vụ, cũng như các hoạt động chung của toàn Công ty. Đặc biệt, những rủi ro về thông tin, lời đồn sai sự thật có thể ảnh hưởng tiêu cực tới uy tín của Công ty, làm suy giảm lòng tin của Khách hàng, Cổ đông, Đối tác, Cộng đồng đối với Công ty, và dẫn đến những thiệt hại nặng nề về tài chính.

Nhận thức rõ những nguy cơ có thể xảy ra, SSI đã xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển và quản lý thương hiệu một cách hiệu quả. Thương hiệu SSI luôn được xây dựng xoay quanh 3 giá trị cốt lõi của Công ty, và nhằm thể hiện được rõ nhất Tầm nhìn “Chúng ta cùng thành công” với định hướng luôn xây dựng SSI là Định chế tài chính minh bạch. Các hình ảnh, thông tin của SSI trên phương tiện báo chí, truyền hình, các kênh mạng xã hội, hay trong chính nội bộ SSI luôn được xây dựng nhằm thể hiện rõ nhất định hướng thương hiệu này.

Cho các công việc xây dựng thương hiệu, hàng năm, SSI đều hoạch định các kế hoạch truyền thông rõ ràng để mọi thông tin cần thiết được truyền tải kịp thời và đầy đủ. Mọi tài liệu, thông điệp, phát ngôn từ phía SSI đều được lựa chọn kỹ càng, mang tính nhất quán cao. SSI cũng luôn chấp hành nghiêm chỉnh theo đúng quy định của pháp luật trong việc công bố thông tin thường xuyên và thông tin bất thường. Với việc tôn trọng giá trị đầu tư của các Cổ đông, SSI nhận thức rõ ràng trách nhiệm của mình trong việc cung cấp thông tin cho Cổ đông và Nhà đầu tư một cách minh bạch, đầy đủ, chính xác và kịp thời.

Là một công ty niêm yết, SSI cũng dành sự quan tâm đặc biệt đến việc quản lý các nguồn thông tin, từ cả bên trong công ty đến thị trường, hay từ thị trường ảnh hưởng đến danh tiếng của SSI. Trong thời đại Internet bùng nổ như hiện nay, thông tin đến từ nhiều nguồn khác nhau, do đó các thiệt hại do các

luồng thông tin này có thể sẽ ảnh hưởng rất lớn đến Công ty. SSI đã ban hành và thực hiện nhiều quy định, quy chế khác nhau về báo cáo và công bố thông tin với quy định cụ thể về trả lời phỏng vấn với các phương tiện thông tin đại chúng, việc đưa thông tin và bài viết liên quan đến hoạt động kinh doanh của SSI. Đặc biệt, SSI đã có quy trình cụ thể về việc đính chính thông tin sai lệch về SSI trên phương tiện truyền thông với quy định cụ thể mọi nhân viên SSI đều có trách nhiệm thông báo ngay khi có thông tin sai lệch. SSI cũng chú trọng trong việc đưa ra các kịch bản xử lý khủng hoảng, với tinh thần sẵn sàng hợp tác và chia sẻ thông tin, đối thoại với báo chí và cộng đồng. Và trên hết, SSI luôn lấy lợi ích của Cộng đồng, Khách hàng, Cổ đông, Đối tác làm trung tâm trong quá trình hành động.

Cùng với những chính sách truyền thông hiệu quả và chiến lược thương hiệu rõ ràng, SSI đã thành công trong việc xây dựng giá trị thương hiệu của Công ty. Và với tinh thần tự hào về thương hiệu SSI, đội ngũ nhân viên SSI luôn cẩn trọng trong mọi hành vi và những phát ngôn có liên quan đến SSI nhằm tránh những rủi ro đáng tiếc có thể xảy ra.



RỦI RO QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC

Năm 2013 là năm có tỷ lệ nghỉ việc thấp nhất trong vòng 5 năm vừa qua (theo báo cáo Khảo sát của Mercer do Talentnet thực hiện tại Việt Nam). Tình hình kinh tế thay đổi khiến cả người sử dụng lao động và người lao động thận trọng hơn trong vấn đề tuyển dụng mới và thay đổi công việc. Tuy nhiên, xu hướng dịch chuyển nguồn nhân lực cấp cao vẫn là một thách thức lớn cho các tổ chức, đặc biệt là các doanh nghiệp trong ngành tài chính.

Càng trong bối cảnh khó khăn, càng cần vận dụng đến yếu tố “nội lực” của tổ chức để giúp công ty đương đầu và vượt qua khó khăn để tiếp tục tăng trưởng. Song song với công tác thu hút và tuyển chọn nhân tài, SSI rất chú trọng các yếu tố phát triển đội ngũ nhân sự hiện có nhằm đáp ứng yêu cầu càng lúc càng khắt khe của thị trường và mang lại nhiều giá trị cạnh tranh hơn nữa cho khách hàng. Đồng thời, SSI không ngừng nghiên cứu để cải thiện các chính sách đãi ngộ, đảm bảo sự công bằng trong nội bộ và cạnh tranh với thị trường, tạo một môi trường làm việc chuyên nghiệp cho nhân viên phát triển.

Bên cạnh đó, các hoạt động truyền thông nội bộ và củng cố văn hóa Công ty được đẩy mạnh để cùng chia sẻ tầm nhìn, chiến lược và các kế hoạch ngắn hạn toàn Công ty, đảm bảo thông tin xuyên suốt và mỗi nhân viên đều hiểu được mục tiêu của bản thân và của tập thể. Đây cũng là yếu tố quan trọng để

động viên tinh thần làm việc, tránh những căng thẳng và dao động không đáng có trong tổ chức.

Tiếp tục duy trì bộ máy tinh gọn để đảm bảo hiệu quả tối ưu chi phí vận hành, giữ vững sự ổn định trong Công ty nhưng cũng có thể linh hoạt thích nghi với yêu cầu thị trường luôn là một thách thức trong hoạt động quản trị nguồn nhân lực. Tại SSI, chúng tôi chú trọng đến việc xây dựng và thực hiện theo các quy trình chuyên môn nghiệp vụ, các quy chế quản lý, cơ chế dự phòng nhân sự nhằm đảm bảo tính tuân thủ chặt chẽ các quy định của luật pháp và Công ty, bảo toàn lợi ích của khách hàng. Việc này cũng để đảm bảo bộ máy vận hành trơn tru, tối thiểu những yếu tố tác động do biến động về nhân sự nêu có.

Cùng với những thách thức, năm 2014 cũng là năm ẩn chứa nhiều cơ hội kinh doanh, công tác quản trị nguồn nhân lực tại SSI luôn được quan tâm sát sao để có thể duy trì và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, mang đậm tinh thần và văn hóa SSI nhằm tạo được một sự bứt phá ngoạn mục, mang lại các giá trị vượt trội cho Đối tác, Khách hàng và Cổ đông.

RỦI RO PHÁP LÝ

Rủi ro pháp lý xảy ra cho Công ty trong quá trình chấp hành pháp luật do thay đổi quy định, không tuân thủ đúng quy định hoặc khi phát sinh tranh chấp, kiện cáo,... từ các bên liên quan trong quá trình hoạt động hàng ngày của Công ty.

Nhằm hạn chế rủi ro phát sinh do thay đổi pháp luật hoặc tuân thủ, SSI sử dụng luật sư Công ty cũng như Tư vấn pháp luật của Tổ chức tư vấn pháp lý chuyên nghiệp trong trường hợp cần thiết. Phòng Luật và các đơn vị tư vấn có trách nhiệm cập nhật các văn bản pháp quy mới ban hành cho Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận có liên quan; nghiên cứu sự ảnh hưởng của các văn bản pháp luật trong giai đoạn dự thảo sắp được ban hành đến các hoạt động của Công ty để có sự chuẩn bị thích hợp. Đồng thời, bộ phận này cũng chịu trách nhiệm tham gia góp ý dự thảo các văn bản pháp quy có liên quan mật thiết đến hoạt động của Công ty được lấy ý kiến rộng rãi, tham gia các buổi hội thảo, phối hợp cùng các đơn vị trong ngành, thành viên các hiệp hội ngành nghề để góp ý chương trình xây dựng pháp luật, tổng kết các vướng mắc phát sinh từ việc áp dụng các quy định hiện tại để báo cáo cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và đề xuất giải pháp xử lý khả thi.

Các quy trình, quy chế nội bộ của Công ty thường xuyên được rà soát để chỉnh sửa, cập nhật cho phù hợp với sự thay đổi của pháp luật.

Đa số thành viên HĐQT, thành viên BKS và người quản lý của Công ty đã tham gia lớp đào tạo về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.

Tuân thủ pháp luật là một tiêu chí trong bộ đạo đức nghề nghiệp của Công ty được toàn thể Ban lãnh đạo, nhân viên Công ty cam kết thực hiện.

Trong năm 2013, Công ty không ghi nhận các trường hợp kiện cáo, khiếu nại từ các đối tác và cũng không bị xử phạt bởi cơ quan quản lý do vi phạm quy định của pháp luật trong quá trình hoạt động.

KẾ HOẠCH 2014

Trong năm 2014, hoạt động quản trị rủi ro tại Công ty sẽ vận hành theo quy trình đã được ban hành, đồng thời tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro bao gồm cả con người, quy trình, phần mềm và trang thiết bị cần thiết để bảo đảm thực hiện tốt nhất mục tiêu quản trị rủi ro đối với các hoạt động, sản phẩm hiện có và chuẩn bị cho sự ra đời của các sản phẩm phát sinh phức tạp hơn sắp được UBCKNN và các Sở Giao dịch cho phép cung cấp ra thị trường.





**YẾU TỐ THÚC ĐẨY
THÀNH CÔNG**



CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Năm 2013 là một năm đặc thù cho hệ thống công nghệ thông tin của các CTCK nói chung, và SSI nói riêng: trong khi tiếp tục phải hoàn thiện nâng cao sản phẩm dịch vụ, việc đảm bảo an toàn bảo mật thông tin cũng như quản trị rủi ro được đặt lên hàng đầu.

Bộ máy nhân sự gọn nhẹ nhưng chuyên môn hóa cao

Lấy yếu tố con người làm trọng tâm, SSI liên tục tinh lọc bộ máy, xây dựng đội ngũ CNTT chất lượng cao. Từng vị trí công việc được gắn với quy trình và trách nhiệm cụ thể đến từng chi tiết nhỏ nhất đảm bảo tính tuân thủ và trách nhiệm. Đồng thời hiệu quả công việc cũng được lượng hóa bằng những thước đo cụ thể nhằm nâng cao tính cạnh tranh, đánh giá hiệu suất và sàng lọc. Song song với việc đặt tuân thủ chặt chẽ lên hàng đầu, môi trường CNTT cũng luôn được chú trọng, liên tục làm mới thông qua đào tạo, chuyên đề kỹ thuật nội bộ hay hội thảo cùng các đối tác hàng đầu để nâng cao năng lực chuyên môn, cập nhật những thông tin công nghệ mới và khuyến khích phát huy tính sáng tạo tối đa.

Duy trì hệ thống hạ tầng ổn định, bảo mật, an toàn và linh hoạt đáp ứng đầy đủ nhu cầu cho các hoạt động kinh doanh hàng ngày

Hệ thống máy chủ, các thiết bị hạ tầng và các đường truyền kết nối liên tục được nâng cấp và hiện đại hóa nhằm đáp ứng nhu cầu không chỉ hiện tại mà còn sẵn sàng cho việc mở rộng trong tương lai. Trong năm 2013, SSI đã triển khai thành công ảo hóa hạ tầng máy chủ đưa khả năng hệ thống tiên thêm một bước quan trọng trong việc đảm bảo năng lực xử lý linh động cũng như an toàn và dự phòng.

Hệ thống cảnh báo tích hợp theo dõi sức khỏe hệ thống 24/7 tiếp tục phát huy và được kiểm chứng qua các trải nghiệm thực tế giúp các vấn đề phát sinh được cảnh báo sớm và xử lý kịp thời trước khi làm gián đoạn dịch vụ.

Với đặc thù hoạt động trong ngành chứng khoán, SSI sở hữu những thông tin vô cùng quan trọng về thông tin cá nhân cũng như giao dịch của khách hàng. Đặt mục tiêu bảo vệ những thông tin này là yếu tố sống còn của Công ty, song song với việc thực hiện các quy trình ngặt nghèo về sao lưu và khôi phục dữ liệu, hệ thống liên tục được rà soát về độ an toàn liên quan đến những lỗ hổng bảo mật, nguy cơ tấn công hay virus. Các thiết bị bảo mật như tường lửa (firewall) hay hệ thống phòng chống virus liên tục được cập nhật và nâng cấp đảm bảo phát huy tối đa khả năng phòng chống. Theo định kỳ, SSI kết hợp cùng những đối tác bảo mật hàng đầu để đánh giá toàn diện hệ thống và hoạch định chiến lược bảo mật. Hệ thống Phòng chống thảm họa (chạy song song thời gian thực ở cả hai địa điểm miền Bắc và miền Nam) cũng được kiểm tra định kỳ đảm bảo khả năng dự phòng trong mọi tình huống.

Nâng cấp, phát triển hệ thống công nghệ hiện đại, đảm bảo hỗ trợ tối đa sự tăng trưởng của SSI

Hệ thống giao dịch chứng khoán đã được tiếp tục nâng cấp trong năm 2013, tăng thêm hiệu suất xử lý cũng như khả năng lưu trữ. Hệ thống phần mềm cũng được cập nhật liên tục, đảm bảo tính ổn định, linh hoạt trong việc cung cấp các sản phẩm và dịch vụ đến khách hàng. SSI luôn là một trong những công ty chứng khoán đầu tiên tuân thủ và đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn khi có nâng cấp, chỉnh sửa hay sản phẩm mới từ UBCK,

các Sở Giao Dịch, Trung tâm lưu ký và các đơn vị liên quan khác. Đặc biệt trong năm 2013, SSI là đơn vị đã phối hợp chặt chẽ và triển khai thành công đợt nâng cấp core quan trọng của HNX.

Để khai thác thế mạnh của Công nghệ thông tin điện tử trong việc quảng bá sản phẩm dịch vụ và công bố thông tin tài chính, Website SSI luôn được chú trọng nâng cấp cả về giao diện, nội dung cũng như tốc độ truy cập với tiêu chí thân thiện với người sử dụng, nâng cao tiện ích cũng như nhanh chóng và chính xác trong việc công bố thông tin. Ngoài nhiệm vụ là một trang thông tin điện tử của Công ty, Website SSI cung cấp những công cụ, báo cáo phân tích hỗ trợ cho Nhà đầu tư đưa ra quyết định, và là cửa ngõ của các dịch vụ giao dịch điện tử SSI.

Không chỉ chú trọng vào việc đem lại những giá trị thiết thực đến khách hàng của mình, SSI cũng xác định công nghệ thông tin là xương sống cho hoạt động nội tại của doanh nghiệp. Hệ thống công nghệ thông tin nội bộ của SSI được xây dựng trên nền tảng Sharepoint của Microsoft đã phát huy tính linh động và tự động hóa phần lớn các nghiệp vụ nội tại của doanh nghiệp. Hệ thống Oracle Finance cũng được triển khai thành công giai đoạn 2 nâng cao khả năng quản trị của SSI.

Tối ưu hóa quy trình, tự động hóa tối đa hệ thống và đưa việc liên tục đánh giá rủi ro vào quy chế giúp quản lý rủi ro chặt chẽ

Với hệ thống công nghệ liên tục được chỉnh sửa, nâng cấp và

thêm mới, việc liên tục đánh giá lại những rủi ro để đưa ra những biện pháp phòng chống là then chốt để kiểm soát. Năm 2013, SSI đã đưa việc liên tục đánh giá rủi ro vào quy chế công nghệ thông tin để đảm bảo tính tuân thủ cao nhất trong thực hiện công việc quan trọng này.

Mỗi công việc cho dù nhỏ nhất được thiết lập quy trình và tối ưu hóa nhằm giảm thiểu tối đa sự phụ thuộc vào cá nhân ở vị trí đó giúp giảm thiểu rủi ro vận hành hệ thống. Cơ chế nhân sự dự phòng được thiết lập và được kiểm chứng định kỳ thông qua chính sách bắt buộc của Công ty.

Việc tiếp tục hoàn thiện các hệ thống tự động hóa cao trong năm 2013 đã giúp SSI thực hiện được những nghiệp vụ đôi chiều dữ liệu giao dịch, lưu ký, ngân hàng đa chiều giúp kiểm soát rủi ro chặt chẽ.

Cơ chế Quản trị Công nghệ Thông tin

Với vai trò chiến lược đã đặt ra, SSI tiếp tục phát huy sức mạnh của Hội đồng Công Nghệ Thông Tin với chức năng hoạch định các chiến lược phát triển Công nghệ thông tin, ra các quyết định đầu tư đối với các dự án CNTT trọng điểm và các vấn đề quản trị, nhân sự liên quan.

Hội đồng Công nghệ thông tin cũng thực hiện vai trò giám sát triển khai, đánh giá hiệu quả các dự án thực hiện, hỗ trợ Giám đốc Công nghệ thông tin (CIO) trong các nhiệm vụ quản lý, vận hành bộ máy tổ chức, nhân sự CNTT và giải quyết các vướng mắc trong quá trình vận hành, triển khai dự án.



QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC

Năm 2013, nền kinh tế vĩ mô chưa hết hẳn những khó khăn, tuy nhiên thị trường tài chính nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng đã có những diễn biến ổn định và tích cực hơn. Trong bối cảnh đó, đội ngũ nhân sự tiếp tục đóng vai trò là nguồn lực và là tài sản quý giá nhất của SSI. Tiềm lực và thể mạnh cạnh tranh của Công ty nằm chính ở đội ngũ nhân viên.

Nhận thức rất rõ điều này, SSI luôn chú trọng việc phát triển chính sách và hoạt động quản lý nguồn nhân lực bài bản và toàn diện. Tuyển dụng và thu hút nhân tài tiếp tục là yếu tố đầu vào quan trọng, hơn thế nữa, SSI tập trung tới các bước tiếp theo như đào tạo đội ngũ thường xuyên, xây dựng môi trường làm việc với sự gắn kết cao trong đội ngũ, nâng cao mức độ hài lòng của nhân viên và đảm bảo mỗi người SSI đều chung sức đồng lòng vì chiến lược phát triển lâu dài của tổ chức.

Tiếp tục trung thành với tầm nhìn “Chúng ta cùng thành công”, SSI khuyến khích khả năng sáng tạo và phát triển của mỗi nhân viên bằng cách tạo ra một môi trường làm việc tự do, thân thiện nhưng cũng đủ thử thách để thúc đẩy mỗi cá nhân nỗ lực hơn nữa nhằm đóng góp cho sự phát triển chung của Công ty, và SSI luôn ghi nhận những đóng góp quý báu đó. Tại SSI, chúng tôi tin rằng tối đa hóa động lực của mỗi cá nhân chính là cách thức đẩy mức độ hài lòng của khách hàng, cổ đông và đối tác. SSI tiếp tục nghiên cứu và phát triển những thước đo nhằm đảm bảo rằng nhân viên ở mọi vị trí trong Công ty đều cảm thấy hài lòng khi những sự cố gắng của mình được ghi nhận một cách công bằng, khách quan và chính xác.

Hoạt động tuyển dụng được thực hiện minh bạch và theo quy trình rõ ràng. Xu hướng tuyển dụng và phương pháp tiếp cận nguồn lực được nghiên cứu, triển khai một cách chuyên

nghiệp để thu hút người tài cho tổ chức, khuyến khích phát triển nghề nghiệp trong nội bộ SSI

Với mong muốn mọi nhân viên SSI được nuôi dưỡng động lực làm việc và cộng tác lâu dài với tổ chức, SSI luôn hướng tới sự minh bạch trong các hoạt động tuyển chọn bằng cách xây dựng và tuân thủ các quy trình cụ thể từ các bước đăng tuyển, sàng lọc ứng viên, kiểm tra sát hạch và phỏng vấn. Bằng việc tuân thủ các quy trình này, hoạt động tuyển dụng và tuyển chọn người tài được thực hiện công tâm, chuyên nghiệp và hiệu quả. Đồng thời, điều này cũng giúp khẳng định lòng tin vào những giá trị minh bạch và lòng tự hào SSI ở những nhân sự mới gia nhập tổ chức. Trong năm 2013, đã có 97 nhân sự mới gia nhập vào SSI trên toàn hệ thống để kiện toàn tổ chức nhân sự theo chiến lược phát triển Công ty.

Tiêu chí tuyển dụng nhân sự tại SSI ngày càng cao để thỏa mãn được những yêu cầu khắt khe của bản thân SSI và của thị trường. Ngoài các phương pháp tiếp cận nguồn nhân lực đã có kinh nghiệm, có thành tựu trên thị trường, SSI cũng hướng đến tiếp cận các nguồn tài nguyên khác phong phú hơn. Năm 2013 là năm đầu tiên SSI tiên phong triển khai Chương trình Thực tập sinh SSI 2013 (SSI Internship Program 2013) được thiết kế nhằm khai thác nguồn trí thức trẻ, ham học hỏi và nhiệt huyết, giúp SSI có thể đào tạo nguồn nhân lực này trong một thời gian đủ để phát hiện các ứng viên tiềm năng cho nhu cầu tuyển dụng trong tương lai. Từ đó những ứng viên này sẽ tiếp tục được đào tạo bài bản về kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ, cách làm việc tại SSI, văn hóa và tinh thần SSI giúp tạo ra đội ngũ nhân viên kế cận phù hợp với chiến lược phát triển dài hạn của Công ty. Chương trình đóng vai trò cầu nối và cũng là

một hoạt động hướng nghiệp của Công ty dành cho các bạn sinh viên và du học sinh quan tâm tới cơ hội nghề nghiệp tại thị trường tài chính Việt Nam. Tham gia vào chương trình, thực tập sinh được cung cấp một số kiến thức chuyên môn nghiệp vụ cơ bản cũng như được cọ xát với công việc thực tế để có được một cái nhìn trực quan về môi trường làm việc trong thị trường tài chính nói chung và tại SSI nói riêng.

Bên cạnh các nguồn tuyển dụng bên ngoài, SSI đã dần xây dựng được môi trường tuyển dụng nội bộ linh hoạt để tạo cơ hội luân chuyển công việc phù hợp nhất với mỗi cá nhân, giúp các cá nhân có thể phát huy năng lực tối đa để đóng góp cho tổ chức. Các vị trí được tuyển dụng nội bộ trong những năm qua đã chứng minh được sự đúng đắn của định hướng này và cũng là một sự khuyến khích phát triển nghề nghiệp cho mỗi nhân viên.

Duy trì và đẩy mạnh các hoạt động đào tạo nội bộ, ghi dấu ấn văn hóa SSI trong mỗi cá nhân

Thể mạnh cạnh tranh của Công ty được xuất phát chính từ năng lực của mỗi nhân viên. Với tầm nhìn xuyên suốt “Chúng ta cùng thành công”, SSI luôn chú trọng và khuyến khích sự phát triển nghề nghiệp của mỗi cá nhân với mục đích xây dựng và duy trì một khung năng lực chuyên nghiệp cho mọi cán bộ SSI. SSI tin rằng ngay tại thời điểm đầu tiên khi gia nhập Công ty là thời điểm quan trọng để hình thành những giá trị nền tảng về văn hóa công ty trong mỗi nhân viên. Những nhân viên mới cần tham gia các khóa Đào tạo Định hướng để nắm bắt được các thông tin, quyền lợi, quy trình, quy chế chung trong Công ty, giúp họ có hiểu biết và hòa nhập nhanh hơn với công việc tại mỗi bộ phận. Các nhân viên tại SSI luôn

được yêu cầu và hỗ trợ tối đa để tham gia các khóa đào tạo chứng chỉ chuyên môn, chứng chỉ hành nghề bắt buộc để đáp ứng yêu cầu công việc. Với quy chế đào tạo rõ ràng, khuyến khích việc tham gia đào tạo nâng cao chuyên môn nghiệp vụ và bổ trợ các kỹ năng cần thiết, SSI hỗ trợ các khóa đào tạo chuyên biệt cho từng phân khúc cán bộ nhân viên như CFA, Thạc sĩ, các khóa đào tạo ngắn hạn, các khóa đào tạo kỹ năng dành cho nhà quản lý tùy thuộc vào yêu cầu công việc. Được sự khuyến khích từ Công ty, đội ngũ nhân viên SSI luôn có ý thức không ngừng cập nhật, nâng cao kỹ năng chuyên môn để kịp thời đáp ứng một cách tốt nhất mọi tiêu chuẩn và yêu cầu từ khách hàng.

Các hoạt động đào tạo nội bộ còn được nghiên cứu và phát triển thành các sự kiện đào tạo toàn Công ty nhằm tăng hiệu quả và tác động tới hành vi mỗi người SSI. Năm 2013, SSI tổ chức sự kiện Ngày Văn hóa SSI tại hai miền Nam – Bắc với sự tham gia của toàn bộ nhân viên SSI để một lần nữa nhân mạnh và phát huy các giá trị cốt lõi SSI, khuyến khích thay đổi tư duy và hành động để hướng tới sự thành công chung của tổ chức. Đây cũng là dịp mà Ban Lãnh Đạo SSI chia sẻ thêm về tầm nhìn và chiến lược dài hạn của Công ty, giúp mỗi nhân viên hiểu, đóng góp ý kiến để đồng sức đồng lòng cùng SSI phát triển.

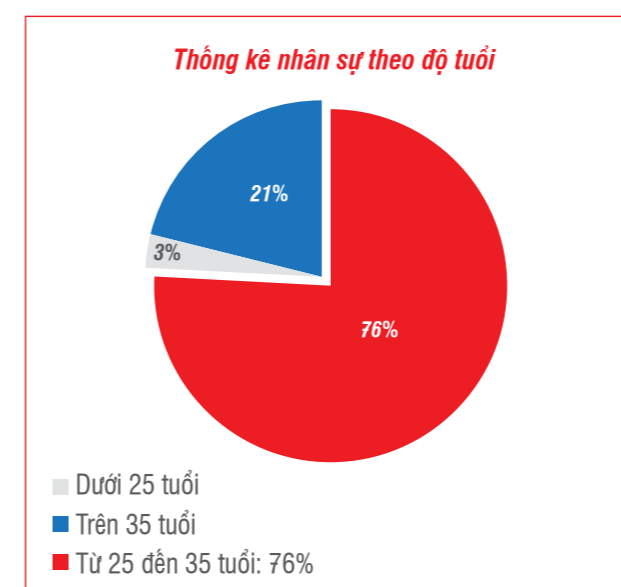
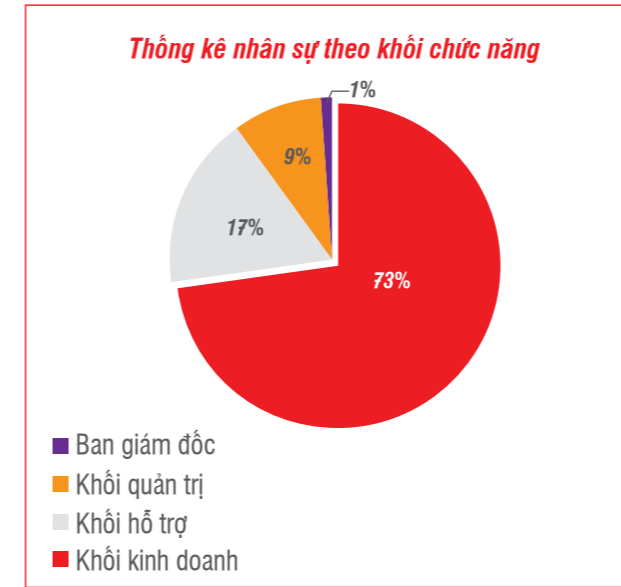
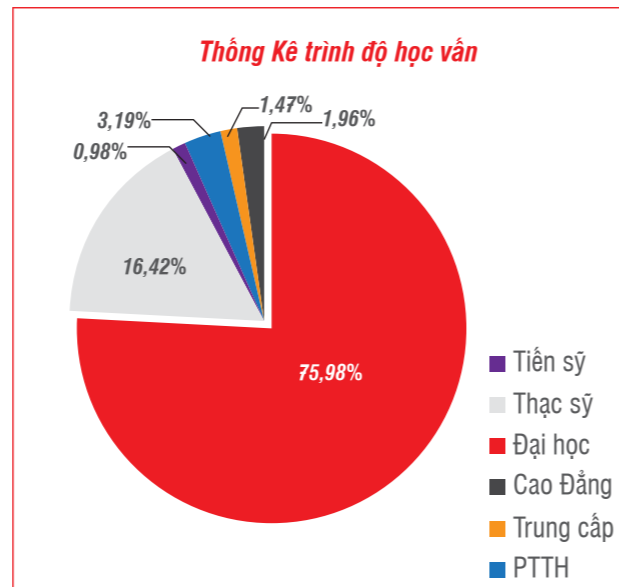
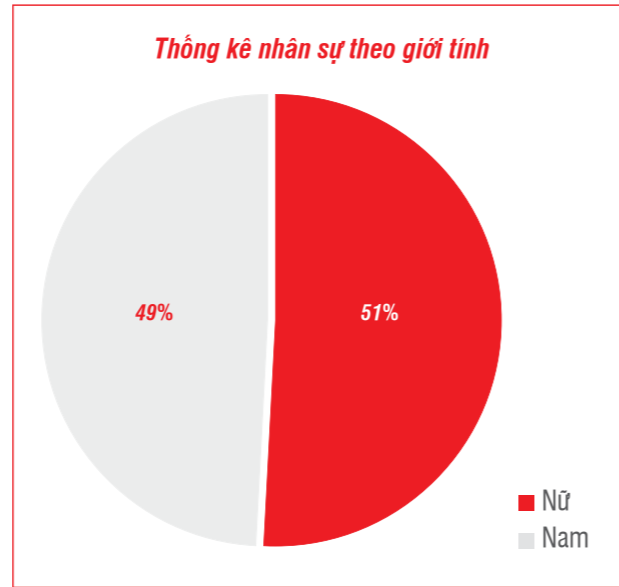


Chính sách chi trả thu nhập gắn liền với yêu cầu công việc và giá trị công việc. Tiếp tục đầu tư xây dựng hệ thống đánh giá hiệu quả công việc công bằng và minh bạch. Cải thiện chế độ phúc lợi cho nhân viên

Tiếp tục thực hiện và phát triển chính sách chi trả thu nhập gắn với yêu cầu và giá trị công việc đã được xây dựng từ năm 2011, SSI luôn nghiên cứu và cập nhật chính sách sao cho phù hợp với sự đóng góp của mỗi cá nhân và đảm bảo sự công bằng trong nội bộ, cạnh tranh trên thị trường và tiếp tục tạo được động lực cho nhân viên. SSI hiện vẫn là công ty chứng khoán duy nhất tham gia vào Khảo sát lương uy tín nhất tại Việt Nam hiện nay do Mercer thực hiện, nhằm đảm bảo sự cạnh tranh trên thị trường cũng như tối đa hóa hiệu quả của chi phí nhân sự.

SSI tin rằng một hệ thống đánh giá công bằng và dễ tiếp cận là điểm mấu chốt để tạo và giữ vững động lực của nhân viên trong công việc. Chính vì vậy, SSI triển khai Chương Trình Đánh giá Hiệu quả Công việc cho mọi nhân viên ở tất cả vị trí với các cấp đánh giá gắn liền với yêu cầu công việc cụ thể. Với các mục tiêu: nâng cao tính chính xác trong việc đánh giá xếp loại nhân viên dựa trên hoạt động thực tế trong năm, gắn liền kết quả đánh giá với chế độ khen thưởng cá nhân; và quan trọng hơn nữa là định hướng, cải thiện và phát triển chuyên môn nghiệp vụ, kĩ năng cho từng nhân viên, Chương trình Đánh giá được thực hiện nghiêm túc ở mọi bước đánh giá, đảm bảo người được đánh giá và người đánh giá đều thống nhất về kết quả đánh giá cuối cùng. Tại SSI, chúng tôi hướng tới việc xây dựng một hệ thống đánh giá để luôn thúc đẩy động viên nhân viên, cho dù đó là nhân viên mới gia nhập tổ chức, nhân viên đã có thâm niên lâu năm hay các cấp quản lý, để mỗi người tự đo lường được hiệu quả công việc và tiếp tục phấn đấu chinh phục các mục tiêu cao hơn trong sự nghiệp.

Trong bối cảnh thị trường tài chính còn chưa thực sự khởi sắc, SSI vẫn tiếp tục duy trì các chế độ phúc lợi cho nhân viên như khám bệnh định kỳ, chương trình bảo hiểm bổ sung giúp nhân viên yên tâm trong công tác. Thêm vào đó, vào các kỳ lễ trong năm, Công ty luôn có các chương trình phúc lợi phù hợp để chúc mừng và khuyến khích động viên nhân viên, góp phần tăng cao sự hài lòng của nhân viên trong Công ty, tăng tinh thần gắn kết trong đội ngũ.



QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

Công tác Quan hệ Nhà đầu tư tại SSI được thực hiện theo hai hướng: chủ động cung cấp thông tin cho Nhà đầu tư và cung cấp theo yêu cầu.

Công ty chủ động cung cấp thông tin về tình hình hoạt động của mình trên Website của Công ty www.ssi.com.vn. Đây là cổng trực tuyến cung cấp thông tin đầy đủ, cập nhật về tình hình hoạt động của Công ty tại trang chủ và mục riêng về Quan hệ Nhà đầu tư, trong đó Nhà đầu tư sẽ tìm thấy các thông tin đã được công bố ra công chúng, dữ liệu tài chính, tài liệu hợp và những văn bản quan trọng như Điều lệ, Quy chế quản trị công ty... Website của Công ty lưu trữ dữ liệu từ khi thành lập để nhà đầu tư có đầy đủ thông tin về quá trình phát triển của Công ty.

Website của Công ty được trình bày bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh để Nhà đầu tư trong nước và nước ngoài đều có thể tham khảo thông tin.

Nhà đầu tư có thể liên hệ với bộ phận Quan hệ nhà đầu tư, hoặc người được ủy quyền công bố thông tin để được cung cấp thông tin theo yêu cầu nếu các thông tin đó có thể được cung cấp ra công chúng. Công ty tạo nhiều kênh trao đổi thông tin hai chiều với Nhà đầu tư qua Website, điện thoại, email hoặc tiếp xúc trực tiếp tại văn phòng. Các quyền của cổ đông về yêu cầu và nhận thông tin từ Công ty được cụ thể hóa trong Quy chế Quản trị công ty và được đăng tải rộng rãi trên Website công ty để Nhà đầu tư được biết và thực hiện.

Công ty đã thành lập bộ phận Truyền thông để thực hiện chức năng quan hệ nhà đầu tư và ban hành Quy chế công bố thông tin để bảo đảm việc công bố thông tin và phản hồi yêu cầu từ các cổ đông một cách chính xác, kịp thời.





VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

SSI – qua 14 năm xây dựng và phát triển, đã tạo lập được những nét riêng trong văn hóa doanh nghiệp, hình thành rõ những giá trị cốt lõi định hình nên con người SSI. Những giá trị của văn hóa SSI luôn hiện hữu trong hoạt động của từng thành viên trong tổ chức, là niềm tự hào của mỗi con người SSI và chính là nền tảng vững chắc để đội ngũ SSI tiếp tục hoàn thiện và phát triển hơn nữa, hướng tới một tương lai phát triển bền vững.



CÁC TÔN CHỈ KINH DOANH GHI ĐẬM DẤU ẤN, LÀM NÊN BẢN SẮC VĂN HÓA SSI

1. Chúng tôi đặt hết tâm huyết vào sự thành công của khách hàng
2. Chúng tôi chú trọng đến thành quả đem lại cho khách hàng, và luôn tự hào vì điều đó
3. Chúng tôi trân trọng giá trị đầu tư vào công ty của các cổ đông và cộng sự, đồng thời đáp trả bằng những quyền lợi tương xứng
4. Chúng tôi tuyển chọn và đãi ngộ những tài năng xuất chúng trong ngành tài chính
5. Chúng tôi luôn khuyến khích và đánh giá cao năng lực chủ động sáng tạo của các cộng sự
6. Chúng tôi tuân thủ khắt khe các chuẩn mực đạo đức kinh doanh trên mọi phương diện
7. Tinh thần hợp tác là phần tất yếu trong nét văn hoá công ty
8. Chúng tôi tận tâm trong mọi hoạt động vì sự tăng trưởng của ngành tài chính tại Việt Nam
9. Chúng tôi tình nguyện thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, chung sức vì sự phát triển của cộng đồng



Các tôn chỉ kinh doanh của SSI luôn được nhắc đến trong các sự kiện nội bộ, trên các kênh truyền thông SSI, trong các nội dung đào tạo nội bộ, và là cơ sở xây dựng định hướng hoạt động của SSI, xây dựng giá trị bền vững của Công ty. Đây cũng chính là động lực thúc đẩy cho từng cá nhân SSI, và cho môi trường “động lực chung” của Công ty.

Tinh chuyên nghiệp, sáng tạo, tinh thần trách nhiệm, cống hiến hết mình cho tổ chức và tinh thần đồng đội, chia sẻ, hợp tác là nét văn hóa chủ đạo của SSI

SSI luôn đề cao tinh thần đồng đội, làm việc theo nhóm để nâng cao hiệu quả công việc. Mỗi cá nhân có điểm mạnh, điểm yếu khác nhau, và khi được cùng nhau thể hiện ý tưởng, thảo luận để đưa ra các sáng kiến, các cách thực hiện mới, hiệu quả công việc sẽ luôn được đảm bảo tốt nhất. SSI hiểu rõ rằng một tập thể thực sự vững mạnh phải được hình thành trên tinh thần hợp tác, chia sẻ, cùng chung định hướng phát triển, biết phát huy những điểm mạnh và hạn chế những điểm yếu của mỗi cá nhân. Và SSI đã thành công khi xây dựng được đội ngũ chuyên nghiệp với niềm khát khao trở thành một trong những nhân tố tích cực của Văn hóa SSI.

Chia sẻ thông tin chính xác, kịp thời được coi là trọng điểm trong xây dựng Văn hóa doanh nghiệp tại SSI

Việc chia sẻ thông tin hai chiều giữa Lãnh đạo và Nhân viên được khuyến khích tối đa thông qua các cuộc trưng cầu ý kiến nội bộ, gửi thư điện tử trực tiếp, bình chọn trực tuyến hoặc thông qua mạng nội bộ. Cán bộ, nhân viên các cấp có thể bày tỏ ý kiến, sáng kiến trực tiếp cùng Lãnh đạo, để cùng định hướng giúp SSI hoạt động hiệu quả hơn

Đặc biệt, Ban Lãnh đạo SSI luôn chủ động cập nhật tình hình hoạt động kinh doanh, các chính sách mới đến cán bộ nhân viên qua các kênh thông tin nội bộ nhằm định hướng thông tin chính thống trên toàn SSI. Các thông tin về SSI như các giải thưởng, các chiến dịch tài trợ/từ thiện, ... cũng được thông báo đầy đủ trên các kênh để tiếp tục nuôi dưỡng niềm tự hào SSI.

Với hơn 2 năm được thành lập, các kênh truyền thông nội bộ của SSI cũng đã chứng minh được vai trò quan trọng trong việc gắn kết các thành viên. Truyền thông nội bộ đóng vai trò như sợi dây kết nối các thành viên trong đại gia đình SSI. Điển

đàn nội bộ SSI Forum được duy trì đều đặn, với sự cải tiến thường xuyên về kĩ thuật, hình ảnh nhằm tạo nên một địa điểm chia sẻ kinh nghiệm, vui buồn cuộc sống cần thiết cho từng thành viên SSI. Bản tin nội bộ SSI Insider, xuất bản 2 tuần/lần với nhiều nội dung đổi mới liên tục, cũng là nguồn thông tin hiệu quả giúp xây dựng vững mạnh Văn hóa SSI.

Duy trì & phát triển đời sống văn hóa tinh thần phong phú đã đem đến nét cá tính riêng của văn hóa SSI

Chương trình Gặp gỡ thường niên của SSI vẫn được duy trì đều đặn hàng năm để tất cả cùng nhìn lại một năm hoạt động, hướng đến mục tiêu trong năm tới, và là dịp để toàn thể nhân viên SSI trên mọi miền đất nước gặp mặt, giao lưu, tham gia các hoạt động tập thể, kết nối gắn bó. Nhân dịp sự kiện này, Công ty đã tổ chức nhiều cuộc thi đua bình chọn thể hiện tinh thần phấn đấu, nỗ lực không ngừng nghỉ của đội ngũ SSI, điển hình là cuộc bình chọn Sự kiện tiêu biểu của năm, Nhân viên tiêu biểu, Lãnh đạo tiêu biểu.

Bên cạnh đó, một số hoạt động sinh hoạt tập thể cũng được diễn ra đều đặn như CLB Nhiếp ảnh, Bóng đá, Cờ tướng, Tennis, ... nhằm tăng cường tinh đoàn kết và giúp mọi thành viên SSI thư giãn sau những giờ làm việc căng thẳng. Trong năm 2013, SSI đã tham gia nhiều chương trình thi đấu giao hữu bóng đá, bóng bàn, tennis, ... với các Công ty Chứng khoán, các Ngân hàng và các Đơn vị ban ngành khác.

SSI cũng liên tục tổ chức các cuộc thi nội bộ, các chương trình để chào mừng những ngày lễ lớn, ngày kỷ niệm chung dành cho các thành viên SSI như Ngày Quốc tế phụ nữ, Ngày Quốc tế thiếu nhi... với nội dung đặc sắc, được dàn dựng công phu, đa dạng và sáng tạo. Những cuộc thi này không những chỉ dành cho các thành viên SSI mà còn được mở rộng cho gia đình của họ với ý nghĩa SSI thực sự đã trở thành một “Đại gia đình”, thành nơi sum vầy của mọi thành viên SSI và người thân mỗi dịp lễ tết.





**BÁO CÁO
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**



PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

1. ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn được thành lập ngày 30/12/1999 và xác định tầm nhìn là “Chúng ta cùng thành công”. Đối với SSI, thành công chính là đem lại hiệu quả tối ưu cho Khách hàng, Cộng sự, Đối tác, Cổ đông và Cộng đồng.

SSI nhận thức rằng một doanh nghiệp không thể tồn tại nếu chỉ hướng đến những mục tiêu ngắn hạn mà phải quan tâm tới sự tăng trưởng trong dài hạn. SSI tập trung nguồn lực và tâm huyết hướng đến một sự tăng trưởng vững chắc về doanh thu, lợi nhuận trong dài hạn; chú trọng đến việc xây dựng môi trường kinh doanh với sự minh bạch tối đa, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực kết hợp với những đóng góp cho Cộng đồng để đảm bảo lợi ích của những bên liên quan. Đó cũng chính là chiến lược phát triển bền vững xuyên suốt trong mọi hoạt động của Công ty.

SSI luôn áp dụng chính sách hoạt động thận trọng, chú trọng đến công tác quản trị rủi ro và quản lý chi phí hiệu quả để đảm bảo an toàn nguồn vốn của Công ty, an toàn tài sản cho Nhà đầu tư, đồng thời đảm bảo thanh khoản. SSI tiếp tục xây dựng một mô hình kinh doanh với sự hợp lực bền chặt và hiệu quả giữa các nghiệp vụ kinh doanh với các sản phẩm bán chéo giữa Dịch vụ Chứng khoán, Quản lý Quỹ, Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư và Nguồn vốn & Kinh doanh Tài chính; tăng cường huy động vốn và hiệu quả đầu tư; đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ phù hợp với từng phân khúc khách hàng, cung cấp cho khách hàng những giải pháp ưu việt cho từng nhu cầu cụ thể. Mọi hoạt động kinh doanh, đầu tư và tư vấn của SSI đều hướng đến sự hiệu quả và minh bạch, đảm bảo quyền lợi của Khách hàng, Đối tác và Cổ đông.

Ngoài những tăng trưởng cụ thể về kinh tế, SSI luôn nỗ lực đóng góp nhằm xây dựng một thị trường tài chính minh bạch, phát triển bền vững tại Việt Nam.

Và để có những sự tăng trưởng này, SSI luôn ý thức tới việc đóng góp cho thị trường, cho môi trường, cho chính đội ngũ SSI và cộng đồng xung quanh. Chúng tôi tin rằng bằng những đóng góp thông qua những hoạt động kinh doanh hiệu quả, SSI sẽ gặt hái được những giá trị to lớn và bền vững hơn nữa, song hành cùng sự phát triển bền vững của thị trường tài chính Việt Nam và mang lại những giá trị thiết thực cho Cộng đồng hôm nay và tương lai.

2. NHỮNG NGUYÊN TẮC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CƠ BẢN CỦA SSI

Với sự mệnh Kết nối vốn và Cơ hội đầu tư, SSI đóng góp vào sự phát triển của toàn thị trường và cộng đồng xã hội thông qua hoạt động kinh doanh, bao gồm đa dạng hóa cơ hội đầu tư cho khách hàng, quản lý hiệu quả tài sản của Nhà đầu tư, tập trung vào những mảng dịch vụ mang tính chuyên nghiệp và có giá trị gia tăng cao. Không những thế, SSI hỗ trợ những doanh nghiệp có nhu cầu về những tư vấn về chiến lược và giải pháp tài chính cũng như trực tiếp tham gia hỗ trợ doanh nghiệp trong công tác quản trị.

Với tầm nhìn xuyên suốt “Chúng ta cùng thành công”, việc SSI chia sẻ những cơ hội tiềm năng với khách hàng, cộng sự, đối tác và cho cộng đồng chính là một yếu tố quan trọng để có thể hoàn thành được sứ mệnh mà SSI đã chọn, cũng như mang lại sự phát triển bền vững cho SSI và các bên liên quan.



PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG HOẠT ĐỘNG CÔNG TY



NHÂN VIÊN

Chúng tôi nỗ lực xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp, nơi mà nhân viên SSI – những người tạo ra những giá trị gia tăng cho cổ đông – được khuyến khích, dẫn dắt và hỗ trợ nhằm đạt được sự hài lòng cao nhất trong công việc và cuộc sống. Đội ngũ chính là nguồn tài sản quý giá nhất của SSI.

KHÁCH HÀNG

SSI cam kết luôn nâng cao sự hài lòng của khách hàng bằng những sản phẩm dịch vụ đáp ứng nhu cầu chuyên biệt và những giải pháp ưu việt nhất nhằm mang lại hiệu quả tối ưu cho từng phân khúc khách hàng.

ĐỐI TÁC

SSI giữ gìn và xây dựng mối quan hệ với các đối tác và cộng sự để cùng phối hợp mang lại hiệu quả tối ưu và bền vững cho các bên.

XÃ HỘI

SSI nguyện thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, chung sức vì sự phát triển của cộng đồng. Chúng tôi tập trung vào việc phát triển giáo dục cho thế hệ trẻ để đào tạo nên những tài năng tương lai cho đất nước. Chúng tôi chung tay cùng cộng đồng để góp phần xây dựng xã hội tốt đẹp hơn.

CỔ ĐÔNG

Để nhận được sự tin tưởng của cổ đông, SSI cam kết mang lại sự minh bạch tuyệt đối trong hoạt động và thông tin, tiếp tục nỗ lực tìm tòi và phát triển để tạo nên nhiều giá trị hơn nữa.

3. HOẠT ĐỘNG BỀN VỮNG

Quản trị doanh nghiệp

Công tác quản trị doanh nghiệp tại SSI được xây dựng dựa trên quy định của pháp luật và hướng đến những thông lệ quản trị tốt trên thế giới. Điều lệ Công ty phân định rạch ròi quyền sở hữu của cổ đông và quyền quản lý doanh nghiệp, đồng thời giao quyền hạn cho các bộ phận trong bộ máy quản lý doanh nghiệp kèm theo các nghĩa vụ và biện pháp kiểm soát các bộ phận này một cách hữu hiệu.

Đại hội đồng cổ đông bầu ra Ban Kiểm soát để thay mặt cổ đông giám sát hoạt động điều hành của HĐQT và Ban điều hành trong việc tuân thủ pháp luật, tuân thủ Điều lệ và các quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

HĐQT là cơ quan điều hành hoạt động cao nhất của Công ty bao gồm 07 thành viên. Trong đó có 02 thành viên độc lập. HĐQT chỉ định thành viên phụ trách Kiểm toán nội bộ và Quản trị rủi ro để hỗ trợ HĐQT trong công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chính sách do ĐHĐCĐ, HĐQT ban hành. HĐQT giám sát, đánh giá hoạt động của Ban điều hành trong việc điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty.

Giao dịch của Công ty với người có liên quan được kiểm soát chặt chẽ. Khi tiến hành giao dịch với những người có liên quan, Công ty ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của công ty và gây tổn hại cho lợi ích của công ty, tiến hành

các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của công ty hoặc kiểm soát các kênh mua, bán hàng hoá của công ty hay lũng đoạn giá cả.

Công ty chú trọng công tác công bố thông tin, công khai hóa mọi hoạt động của mình để nhà đầu tư, cổ đông thực hiện quyền kiểm tra, giám sát.

Kiểm soát tuân thủ

Công tác kiểm soát tuân thủ tại Công ty được thực hiện thông qua sự giám sát của Ban Kiểm soát đối với HĐQT, Ban điều hành; của HĐQT đối với Ban điều hành. Ở tầm quản lý hoạt động hàng ngày, Ban điều hành có bộ phận Kiểm soát nội bộ, Pháp chế để thực hiện công tác kiểm soát tuân thủ trong Công ty.

Kiểm soát tuân thủ được xem là công tác quan trọng của Công ty. Một số biện pháp được thực hiện nhằm phòng ngừa rủi ro tuân thủ bao gồm:

- ▶ Thiết kế quy trình, bộ máy vận hành có sự kiểm tra chéo lẫn nhau giữa các cá nhân, bộ phận
- ▶ Nâng cao ý thức tuân thủ của nhân viên
- ▶ Thiết lập hệ thống kiểm tra, giám sát nội bộ
- ▶ Áp dụng kỷ luật nghiêm khắc đối với các trường hợp vi phạm quy định của Công ty

Tại SSI, quy trình nghiệp vụ và bộ máy hoạt động được thiết kế với mục đích có sự kiểm tra chéo lẫn nhau để tăng cường kiểm tra, giám sát nội bộ, hạn chế sự lạm quyền và sớm phát hiện các sai phạm có thể xảy ra.

Bộ phận Kiểm soát nội bộ được tổ chức tại Hội sở, thực hiện

chức năng kiểm soát các bộ phận trong Công ty nhằm đảm bảo hoạt động của nhân viên và bộ phận tuân thủ nghiêm túc mọi quy định của pháp luật có liên quan và các quy chế và quy trình nghiệp vụ. Các nội dung kiểm soát cụ thể hàng ngày chủ yếu bao gồm Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật, điều lệ công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng quản trị, các quy chế, quy trình nghiệp vụ, quy trình quản trị rủi ro của công ty, của các bộ phận có liên quan và của người hành nghề chứng khoán trong công ty; Giám sát thực thi các quy định nội bộ, các hoạt động tiềm ẩn xung đột lợi ích trong nội bộ công ty, đặc biệt đối với các hoạt động kinh doanh của bản thân công ty và các giao dịch cá nhân của nhân viên công ty; giám sát việc thực thi trách nhiệm của cán bộ, nhân viên trong công ty, thực thi trách nhiệm của đối tác đối với các hoạt động đã ủy quyền. Báo cáo kết quả kiểm soát được gửi cho trưởng bộ phận để ghi nhận ý kiến của bộ phận được kiểm soát, sau đó, Báo cáo kiểm soát được gửi cho Ban Tổng Giám đốc, các Giám đốc khối có liên quan và trưởng bộ phận được kiểm soát.

Bộ phận Pháp chế của Công ty thực hiện chức năng tư vấn pháp luật và kiểm tra, giám sát việc ban hành các sản phẩm, quy trình, quy chế nội bộ cũng như các giao dịch của Công ty đối với bên thứ ba đúng pháp luật và hạn chế rủi ro pháp lý cho Công ty. Bộ phận Pháp chế cũng có trách nhiệm cập nhật các văn bản pháp quy mới ban hành cho Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các bộ phận có liên quan, nghiên cứu sự ảnh hưởng của các văn bản pháp luật trong giai đoạn dự thảo sắp được ban hành đến các hoạt động của Công ty để có sự

chuẩn bị thích hợp.

Hệ thống quản trị rủi ro

SSI xây dựng hệ thống quản trị rủi ro hoàn chỉnh bao gồm nhân sự, quy trình quản trị rủi ro và các công cụ hỗ trợ quản trị rủi ro nhằm hướng đến mục tiêu giảm bớt một số dạng biến động không ổn định về dòng tiền và lợi nhuận của công ty được tạo ra do bất ổn của lãi suất, tỷ giá, giá cả hàng hoá và giá chứng khoán hoặc các bất ổn khác trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

Quy chế quản trị rủi ro phân định trách nhiệm của các bộ phận trong hệ thống quản trị rủi ro của Công ty từ HĐQT, Tiểu ban Quản trị rủi ro thuộc HĐQT, Ban điều hành, Bộ phận quản trị rủi ro trực thuộc Ban điều hành và các cá nhân, bộ phận khác trong cơ cấu tổ chức.

Hệ thống quản trị xác định cách thức xử lý đối với các rủi ro trọng yếu có thể ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm rủi ro hoạt động, rủi ro thị trường, rủi ro thanh toán, rủi ro thanh khoản, rủi ro tuân thủ và rủi ro giao dịch với người có liên quan, rủi ro về quản trị nguồn nhân lực, rủi ro về công nghệ thông tin.

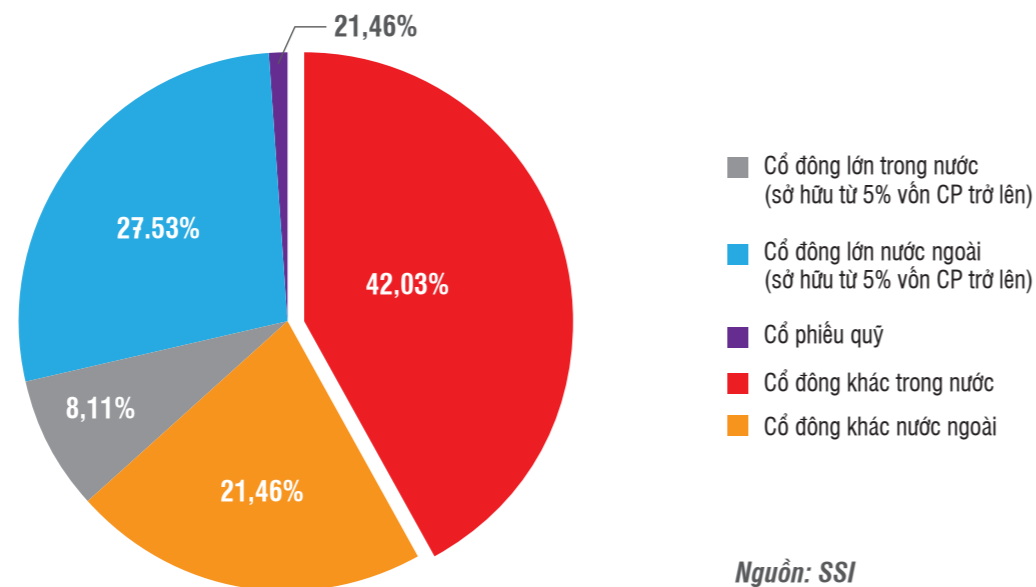
Chính sách quản trị rủi ro được xây dựng bằng văn bản, đảm bảo mọi nhân viên và bộ phận trong công ty được tiếp cận, nắm vững, hiểu rõ trách nhiệm của mình trong công tác quản trị rủi ro của công ty.

Với chính sách hoạt động thận trọng và chú trọng quản trị rủi ro được duy trì xuyên suốt, trong thời gian từ khi thành lập cho đến nay, Công ty chưa gặp phải thiệt hại đáng kể do rủi ro phát sinh.

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

Quan hệ nhà đầu tư

› Cơ cấu nhà đầu tư



STT	Đối tượng	Số lượng Cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước	-	-	-	-	-
2	Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI	-	-	-	-	-
	- Trong nước	-	-	-	-	-
	- Nước ngoài	-	-	-	-	-
3	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn CP trở lên)	126,110,876	35.64%	3	3	-
	- Trong nước	28,705,036	8.11%	1	1	-
	- Nước ngoài	97,405,840	27.53%	2	2	-
4	Công đoàn Công ty	-	-	-	-	-
	- Trong nước	-	-	-	-	-
	- Nước ngoài	-	-	-	-	-
5	Cổ phiếu quỹ	3,046,908	0.86%	-	-	-
6	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)	-	-	-	-	-
7	Cổ đông khác	224,637,158	63.50%	19,266	176	176
	- Trong nước	148,711,766	42.03%	17,505	99	99
	- Nước ngoài	75,925,392	21.46%	1,761	77	1,684
TỔNG CỘNG		353,794,942	100.00%	19,269	179	19,090
Trong đó: - Trong nước		180,463,710	51.01%	17,506	100	17,406
- Nước ngoài		173,331,232	48.99%	1,763	79	1,684

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

› Chính sách chi trả cổ tức

Công ty duy trì chính sách chi trả cổ tức ổn định hàng năm theo hướng đáp ứng một phần nhu cầu sinh lợi từ nguồn vốn đầu tư của cổ đông và duy trì nguồn vốn tích lũy cho sự phát triển của Công ty về lâu dài. Trong vòng 03 năm gần nhất, mức cổ tức chi trả hàng năm là 1.000 đồng/cổ phiếu. Đến 31/12/2013, nguồn vốn tích lũy từ lợi nhuận để lại và thặng dư vốn cổ phần dùng cho hoạt động kinh doanh của Công ty đạt 1.458 tỷ đồng (Nguồn: Báo cáo tài chính riêng năm 2013 đã kiểm toán). Nguồn vốn này là nguồn lực lớn của Công ty giúp Công ty giảm lãi vay ngân hàng, giảm chi phí tài chính và vượt qua khó khăn khi thị trường trầm lắng.

› Cơ chế trao đổi thông tin với cổ đông & nhà đầu tư

Công ty chủ động đưa thông tin đến nhà đầu tư qua website chính thức tại địa chỉ www.ssi.com.vn và qua kênh công bố thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, nơi công ty niêm yết cổ phiếu và kênh công bố thông tin tại UBCKNN.

Thông tin được công bố bao gồm các thông tin định kỳ về báo cáo tài chính mỗi quý, báo cáo bán niên và cả năm tài chính, báo cáo tỉ lệ an toàn tài chính.

Các thông tin công bố bất thường là những thông tin quan trọng có thể ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty, ảnh hưởng đến đánh giá của nhà đầu tư về Công ty được quy định tại Quy chế công bố thông tin. Công ty đảm bảo đưa thông tin đến nhà đầu tư một cách chính xác và kịp thời.

Ở chiều ngược lại, cổ đông và nhà đầu tư có thể yêu cầu công ty cung cấp những thông tin được phép công bố ra công chúng. Công ty công bố chi tiết về Người phụ trách công bố thông tin và bộ phận Quan hệ nhà đầu tư cũng như các kênh liên lạc trực tiếp, thông qua website, email để tạo điều kiện tối đa cho cổ đông và nhà đầu tư giao tiếp với Công ty.

Hàng năm, Công ty chủ động tiếp xúc với nhà đầu tư trong nước và nước ngoài thông qua các buổi hội thảo, giới thiệu cơ hội đầu tư tại thị trường chứng khoán.

4. GẮN KẾT HOẠT ĐỘNG CỦA CẢ BỘ MÁY VÌ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Phát triển bền vững luôn là mục tiêu ưu tiên tại SSI, chúng tôi trân trọng những giá trị bền vững trường tồn cùng thời gian cũng như sự phát triển chung của xã hội, môi trường và cộng đồng. Để đạt được những giá trị đó, gắn kết hoạt động của cả

bộ máy toàn tâm toàn ý vì mục tiêu phát triển bền vững là hoạt động xuyên suốt được SSI chú trọng triển khai và đã đạt được những thành tựu nhất định.

› **Chế độ lương thưởng nhân viên:** Đây là chính sách chủ chốt trong việc gắn kết đội ngũ. Với chính sách công bằng, và cạnh tranh chúng tôi thu hút và đãi ngộ công bằng đôi với những đóng góp của nhân viên. Chúng tôi động viên và ghi nhận những giá trị, kết quả lao động của nhân viên bằng chính sách thưởng linh hoạt. Ban lãnh đạo SSI cam kết và đảm bảo chế độ chi trả lương thưởng hợp lý cân bằng quyền lợi của nhân viên, cổ đông.

› **Chế độ phúc lợi:** Bên cạnh chế độ lương thưởng hài hòa, chế độ phúc lợi là 1 chính sách quan trọng trong việc động viên và gắn kết bộ máy. Tại SSI nhân viên được cung cấp 1 chế độ phúc lợi toàn diện với đồng phục, phương tiện đi lại an toàn tiện dụng, các công cụ làm việc, liên lạc hiện đại. Bên cạnh đó, cân bằng cuộc sống cá nhân và công việc, tạo điều kiện cho nhân viên luôn là vấn đề được các cấp lãnh đạo chú ý thực hiện. Nhân viên tại SSI được khuyến khích làm việc hiệu quả, nghỉ ngơi hợp lý và tham gia các hoạt động thể dục thể thao các hoạt động xã hội, hoạt động tập thể để cân bằng giữa công việc và cuộc sống tạo niềm vui và yêu thích trong công việc và nâng cao tinh gắn bó đoàn kết trong đội ngũ. Các câu lạc bộ nhiếp ảnh, yoga, bóng đá, phong trào văn hóa văn nghệ tại SSI luôn hoạt động rất sôi nổi. Ngoài ra hoạt động xây dựng đội ngũ và văn hóa doanh nghiệp cũng được SSI chú trọng để tạo nên một tập thể đoàn kết thống nhất vì mục tiêu chung của toàn công ty thông qua các hoạt động từ thiện hướng tới trẻ em vùng cao và bà con nông dân các huyện miền núi, các vùng kinh tế khó khăn. Bên cạnh đó, giờ làm việc linh hoạt tạo điều kiện tối đa cho các nhân viên nữ đang chăm con nhỏ cũng là một trong những chính sách nhân văn tại SSI để nhân viên yên tâm công tác và gắn bó với công ty.

› **Thay đổi nhân công:** Gắn kết bộ máy, vận hành ổn định nhưng linh hoạt cũng là yếu tố mà SSI luôn hướng tới. Với chính sách luân chuyển cán bộ trao cơ hội và thử thách để mỗi cá nhân phát huy tiềm năng, SSI đã có được những nhà quản lý giỏi ở độ tuổi rất trẻ, với sức bật rất tốt trên thị trường tài chính. Nhờ có chính sách linh hoạt, lộ trình nghề nghiệp cho mọi nhân viên ở SSI luôn rộng mở và công bằng cho mọi cá nhân và tập thể có khát khao, có khả năng và có đam mê trong công việc.

► Phát triển năng lực lãnh đạo, xây dựng đội ngũ kế thừa:

SSI luôn chú trọng tới công tác đào tạo đội ngũ. Ngoài các khóa đào tạo thường xuyên về chứng chỉ hành nghề chứng khoán theo yêu cầu của UBCKNN, SSI tiếp tục nghiên cứu và triển khai các chương trình đào tạo cho từng phân khúc đối tượng nhằm đáp ứng nhu cầu công việc cũng như phát triển nhân viên. Các chương trình phát triển năng lực lãnh đạo cho các cấp quản lý được nghiên cứu để triển khai trong nội bộ nhằm hỗ trợ cho lãnh đạo các cấp những kiến thức và kỹ năng lãnh đạo hiệu quả nhất. Không những thế, SSI xác định đóng vai trò là một “chiếc nôi” để đào tạo từ những nhân sự trẻ, nhiệt huyết và có năng lực trở thành những nhà lãnh đạo trẻ, dám nghĩ, dám làm và chuyên nghiệp. Chính vì vậy, việc xây dựng đội ngũ kế thừa được Ban lãnh đạo SSI dành nhiều tâm huyết, sẵn sàng chia sẻ và đào tạo nhằm xây dựng một SSI phát triển bền vững hơn trong tương lai.

► Sức khỏe nhân viên: SSI luôn nỗ lực vì mục tiêu phát triển bền vững và để phát triển bền vững không thể không nhắc tới chính sách khuyến khích và đảm bảo sức khỏe cho nhân

viên. Chính sách bảo hiểm, chăm sóc sức khỏe với gói quyền lợi hết sức cạnh tranh trên thị trường đảm bảo cho nhân viên sẽ yên tâm công tác và gắn bó với công ty. Hằng năm công ty đều tổ chức khám bệnh định kỳ cho toàn bộ nhân viên tại các bệnh viện hàng đầu nhằm phòng ngừa và phát hiện sớm và chữa trị kịp thời các bệnh (nếu có) cho nhân viên. Cùng với các hoạt động thể dục thể thao sôi nổi nhân viên SSI luôn được khuyến khích luyện tập duy trì và nâng cao sức khỏe. SSI luôn tích cực tham gia phong trào thể dục thể thao trong ngành.

► An toàn lao động: Ý thức rõ vai trò của an toàn lao động, ban lãnh đạo SSI luôn chú ý đầu tư bố trí môi trường làm việc thân thiện và an toàn. Hệ thống phòng cháy chữa cháy, phương tiện làm việc, phương tiện đi lại luôn được kiểm soát để đảm bảo an toàn cho người lao động tại công ty và trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Với các chính sách linh hoạt và kết quả đạt được như trên chúng tôi tin tưởng rằng với sự nỗ lực không ngừng, bộ máy SSI sẽ luôn vận hành ổn định và phát triển bền vững nhờ gắn kết của toàn bộ đội ngũ nhân viên và các phòng ban.



Với tôn chỉ hoạt động “Chúng tôi tình nguyện thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, chung sức vì sự phát triển của cộng đồng”, sự phát triển của SSI trong suốt 14 năm qua là sự kết hợp hài hòa giữa lợi ích của cổ đông, khách hàng, xã hội và cộng đồng. Trong suốt hơn 14 năm phát triển, SSI đã chủ động đầu tư, xây dựng các chương trình phát triển giáo dục và thể chất cho thế hệ trẻ, cũng như chung tay cùng cộng đồng để góp phần xây dựng một xã hội tốt đẹp hơn.

ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC

Chất lượng nguồn nhân lực luôn là yếu tố then chốt thúc đẩy sự thành công, sự phát triển của một quốc gia. Luôn nhận thức rõ quốc sách hàng đầu này, trong suốt quá trình phát triển của mình, SSI đã có sự đầu tư hệ thống, xuyên suốt với nhiều dự án tài trợ cho thế hệ trẻ - học sinh, sinh viên trên toàn đất nước Việt Nam. SSI đã mang sự giúp đỡ, hỗ trợ đến với không chỉ các em nhỏ ở những vùng xa xôi, khó khăn, không có điều kiện học tập, đến với những em sinh viên đang tìm kiếm định hướng phát triển cho tương lai, mà còn cả thế hệ nhân sự đang tìm đến sự phát triển chuyên nghiệp trong thị trường tài chính.

► Chương trình Thực tập sinh 2013: với hơn 600 hồ sơ đăng ký, 350 hồ sơ tham gia thi tuyển và 36 bạn sinh viên được nhận vào thực tập tại nhiều bộ phận tại SSI trong 3 tháng. Tham gia chương trình, các em sinh viên đã có cơ hội tiếp cận trực tiếp với những kiến thức chuyên môn trong nhiều lĩnh vực, học hỏi cách giải quyết các vấn đề, tình huống phát sinh; tiếp xúc với văn hóa doanh nghiệp, trải nghiệm bản thân trong môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động.

► Chương trình “Tặng quà năm học mới” tại tỉnh Tiền Giang: với sự đóng góp của cán bộ nhân viên SSI, chương trình đã đem đến 5.000 cuốn vở, 240 bộ đồ dùng học tập cá nhân, 60 bộ đồ chơi học tập thông minh để dùng cho toàn bộ năm học 2013 tại Trường Tiểu học & Mẫu giáo Thạnh Tân (huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang) và Trường Tiểu học Nhị Thành B (huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang)

► Tài trợ học bổng cho sinh viên có thành tích xuất sắc khoa Ngân hàng – Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh: Với 10 suất học bổng tài trợ cho các em sinh viên xuất sắc nhất, SSI mong đây sẽ là sự khích lệ để các em sinh viên cố gắng phấn đấu học tập, đạt được những thành tích và có hành trang tốt trước khi bước sang con đường mới.

► Tài trợ hội thảo “Career Talk” do CFA Institute tổ chức tại TP. HCM: Với sự tham gia của những nhân sự có bề dày kinh nghiệm của SSI, hội thảo đã giúp các sinh viên khỏi ngành kinh tế tại Thành phố Hồ Chí Minh và ứng cử viên của chương trình CFA có một cái nhìn tổng quan về các cơ hội nghề nghiệp trong ngành tài chính, ngân hàng tại Việt Nam.

XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO, CHUNG TAY KHẮC PHỤC CÁC KHÓ KHĂN

Đi cùng với chiến dịch xóa đói giảm nghèo của Chính phủ, SSI đã có một quá trình đóng góp lâu dài và bền vững theo định hướng này. Năm 2013 chính là năm SSI đã có sự đầu tư tỉ trọng lớn vào các hoạt động để giúp hỗ trợ được phần nào các khu vực còn nhiều khó khăn của đất nước.



- › **Tài trợ thiết bị chống nóng cho 3 bệnh viện tại Hà Nội mùa nắng nóng với số tiền hơn 400.000.000 VNĐ:** SSI đã tài trợ cho 3 Bệnh viện lớn của Hà Nội là Bệnh Viện Bạch Mai, Bệnh viện Nhi TW và Bệnh viện K2 - cơ sở Tam Hiệp - 3 bệnh viện tuyến đầu và thường xuyên phải tiếp đón khối lượng bệnh nhân khổng lồ và luôn trong tình trạng quá tải các thiết bị chống nóng (quạt các loại, mái chống nóng, ...) để phần nào giúp người dân đỡ vất vả hơn khi đi khám/chữa bệnh
- › **Trao tặng 100 con bò laisind (tương đương 2.200.000.000 VNĐ) tại xã Vĩnh Thạch, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị:** SSI đã tài trợ 100 con bò cho 50 hộ nông dân nghèo và cận nghèo để giúp người dân nơi đây sinh kế.

- › **Đóng góp 2.000.000.000 VNĐ cho Quỹ hỗ trợ ngư dân tại tỉnh Quảng Nam - Quảng Ngãi:** với đóng góp này, SSI mong muốn có thể phần nào hỗ trợ ngư dân ra khơi đánh bắt cá và cũng là để bám biển canh giữ vùng biển vùng trời của Tổ quốc
- › **Chương trình “Cùng đồng hành khắc phục hậu quả của cơn bão Nari tại miền Trung” cùng các Công ty liên kết của SSI (CTCP Giống cây trồng TW (NSC), CTCP Đầu tư phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông Elcom (ELC), CTCP Pan Pacific (PAN) và Công ty NDH Việt Nam):** Sự ảnh hưởng của cơn bão Nari tới khu vực Miền Trung đã làm cho cuộc sống của người dân tại đây gặp rất nhiều khó khăn trong việc ổn định lại

đời sống. Xuất phát từ lý do đó, SSI đã có hai chuyến từ thiện và tài trợ tại Hà Tĩnh và Quảng Trị.

- Tại Hà Tĩnh, SSI đã trao tặng nhiều suất quà bao gồm sách vở, đồ dùng học tập, đồ dùng sinh hoạt, đồ dùng giảng dạy cho trường học và các em học sinh có hoàn cảnh gia đình khó khăn tại trường Tiểu học Sơn Châu, trường Tiểu học Hương Xuân – hai công trình trường học kiêm nơi tránh lũ do SSI tài trợ xây dựng năm 2011 với mong muốn phần nào giảm bớt những khó khăn mà cơn bão Nari để lại.
- Tại Quảng Trị, SSI đã trao tặng 3.000 con gà giống và 40

con lợn giống để hỗ trợ những người dân nơi đây ổn định đời sống và phát triển sinh kế.

- › **Tham gia cùng chương trình “Tuần lễ hướng về Miền Trung” do HNX, Báo Đầu tư và VSD tổ chức tại Quảng Bình:** đoàn cứu trợ đã trao 300 suất quà cho bà con xã Quảng Sơn, huyện Quảng Trạch và xã Liên Trạch, huyện Bố Trạch để có thể giúp người dân tại đây sớm ổn định lại cuộc sống.





BÁO CÁO TÀI CHÍNH

106	Thông tin chung
108	Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc
109	Báo cáo kiểm toán độc lập
112	Bảng cân đối kế toán hợp nhất
116	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
117	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
118	Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất
120	Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy phép thành lập công ty cổ phần số 3041/GP-UB, do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 12 năm 1999 và được cấp giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 056679, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu vào ngày 30 tháng 12 năm 1999. Công ty được cấp Giấy phép hoạt động Kinh doanh chứng khoán số 03/GPHĐKD, do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 5 tháng 4 năm 2000 và các giấy phép điều chỉnh tiếp theo.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) từ ngày 15 tháng 12 năm 2006 và đã chuyển sang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 29 tháng 10 năm 2007.

Công ty có trụ sở chính đặt tại 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty cũng đồng thời có các chi nhánh đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Vũng Tàu, Hải Phòng và Nha Trang.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và Tên	Chức danh	Ngày được bầu/ bổ nhiệm/ từ nhiệm
Ông Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch	Được bầu lại ngày 28 tháng 4 năm 2010
Ông Nguyễn Hồng Nam	Ủy viên	Được bầu lại ngày 24 tháng 4 năm 2009
Ông Ngô Văn Điểm	Ủy viên	Được bầu lại ngày 20 tháng 4 năm 2012
Ông Alistair Marshall Bulloch	Ủy viên	Được ĐHĐCĐ phê chuẩn ngày 28 tháng 4 năm 2011
Bà Đàm Bích Thủy	Ủy viên	Được bầu ngày 24 tháng 4 năm 2009 Từ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2013
Ông Bùi Quang Nghiêm	Ủy viên	Được bầu ngày 24 tháng 4 năm 2009
Ông Masami Tada	Ủy viên	Được bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2012 Từ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2013
Bà Phan Thị Thanh Bình	Ủy viên	Được bầu ngày 25 tháng 4 năm 2013
Ông Tetsuo Akuzawa	Ủy viên	Được bầu ngày 25 tháng 4 năm 2013

THÔNG TIN CHUNG

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và Tên	Chức danh	Ngày được bầu/ bổ nhiệm/ từ nhiệm
Ông Nguyễn Văn Khải	Trưởng ban	Được bầu lại ngày 28 tháng 4 năm 2011
Ông Đặng Phong Lưu	Thành viên	Được bầu lại ngày 28 tháng 4 năm 2010
Bà Hồ Thị Hương Trà	Thành viên	Được bầu lại ngày 20 tháng 4 năm 2012

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và Tên	Chức danh	Ngày được bầu/ bổ nhiệm/ từ nhiệm
Ông Nguyễn Duy Hưng	Tổng Giám Đốc	Bổ nhiệm ngày 5 tháng 3 năm 2007
Ông Nguyễn Hồng Nam	Phó Tổng Giám Đốc	Tái bổ nhiệm ngày 5 tháng 9 năm 2003

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Duy Hưng, chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất của Công ty và các công ty con trong kỳ tương ứng. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty và công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam, các chính sách kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Ông Nguyễn Duy Hưng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 05 tháng 4 năm 2014

Số tham chiếu: 60755007/10052013

Kính gửi: **Các cổ đông**
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (“Công ty”) và các công ty con được lập ngày 05 tháng 4 năm 2014 và được trình bày từ trang 6 đến trang 66 bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con theo Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các chính sách kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các chính sách kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Ernst & Young Vietnam Co., Ltd.

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Nguyễn Xuân Đại
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0452-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 05 tháng 4 năm 2014

Võ Xuân Minh
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0923-2013-004-1

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Mã Số	Tài sản	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		4.467.395.844.501	4.837.002.006.608
110	I. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN	4	1.838.619.478.462	1.947.090.450.986
111	1. Tiền		1.437.619.478.462	806.860.450.986
112	2. Các khoản tương đương tiền		401.000.000.000	1.140.230.000.000
120	II. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN		1.560.974.883.699	2.097.809.872.532
121	1. Đầu tư ngắn hạn	6.1	1.693.567.623.260	2.292.163.797.759
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	6.3	(132.592.739.561)	(194.353.925.227)
130	III. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN		1.063.757.995.727	784.596.795.412
131	1. Phải thu của khách hàng	7	914.256.741.795	500.024.123.162
132	2. Trả trước cho người bán	7	8.066.208.100	4.092.973.299
135	3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	7	1.446.438.742	7.317.649.764
138	4. Các khoản phải thu khác	7	140.899.107.090	339.346.884.820
139	5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	8	(910.500.000)	(66.184.835.633)
150	IV. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC	9	4.043.486.613	7.504.887.678
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		2.420.803.153	5.092.189.783
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		54.592.720	119.318.128
154	3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước		-	464.966.248
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		1.568.090.740	1.828.413.519
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		3.237.677.670.239	3.143.873.895.267
220	I. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH		135.295.186.898	145.252.092.780
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	19.578.812.231	24.094.347.697
222	<i>Nguyên giá</i>		79.165.295.599	96.015.355.706
223	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		(59.586.483.368)	(71.921.008.009)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	115.716.374.667	121.157.745.083
228	<i>Nguyên giá</i>		156.735.350.526	156.277.513.279
229	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		(41.018.975.859)	(35.119.768.196)
240	II. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ	12	260.803.573.480	269.347.115.777
241	1. Nguyên giá		283.612.736.520	283.612.736.520
242	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(22.809.163.040)	(14.265.620.743)
250	III. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN		2.766.722.057.584	2.646.569.834.634
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	13	1.349.760.867.243	1.216.460.435.248
253	2. Đầu tư chứng khoán dài hạn	6.2	1.046.043.291.514	1.056.730.351.972
254	<i>Chứng khoán sẵn sàng để bán</i>		1.046.043.291.514	1.056.730.351.972
255	<i>Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>		-	-
258	3. Đầu tư dài hạn khác	6.2	538.617.000.000	548.616.990.000
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	6.3	(167.699.101.173)	(175.237.942.586)
260	IV. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC		74.856.852.277	82.704.852.076
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	481.906.824	8.861.760.393
262	2. Tài sản thuế TNDN hoãn lại	30.2	50.719.770.447	52.687.916.677
263	3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	15	17.482.911.796	14.982.911.796
268	4. Tài sản dài hạn khác		6.172.263.210	6.172.263.210
270	TỔNG TÀI SẢN		7.705.073.514.740	7.980.875.901.875

Mã Số	Nguồn vốn	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		2.379.901.087.847	2.705.603.684.581
310	I. Nợ ngắn hạn		2.353.917.131.753	2.677.707.415.060
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	16	358.961.041.321	357.728.021.077
312	2. Phải trả người bán		1.440.928.363	10.237.833.415
313	3. Người mua trả tiền trước	17	150.871.433.750	99.049.773.750
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	35.762.708.305	18.718.850.445
315	5. Phải trả người lao động	19	19.911.720.419	53.077.997
316	6. Chi phí phải trả	20	8.429.411.455	9.183.790.553
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	21	539.245.630.861	1.189.788.103.107
320	8. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	22	1.137.144.645.197	911.725.652.287
321	9. Phải trả hộ cổ tức và lãi trái phiếu	23	11.152.796.929	4.474.923.850
322	10. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán		605.427.160	605.427.160
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	24	89.950.440.876	75.065.576.088
328	12. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		440.947.117	1.076.385.332
330	II. Nợ dài hạn		25.983.956.094	27.896.269.521
333	1. Phải trả dài hạn khác		682.499.184	743.715.145
335	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	30.2	25.301.456.910	27.152.554.376
400	B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	25	5.242.182.121.978	5.191.573.047.865
410	I. Vốn chủ sở hữu		5.242.182.121.978	5.191.573.047.865
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		3.537.949.420.000	3.526.117.420.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		344.944.356.378	340.921.476.378
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		(5.358.122.972)	(2.605.677.770)
414	4. Cổ phiếu quỹ		(89.246.317.760)	(89.246.186.000)
418	5. Quỹ dự phòng tài chính và dự trữ pháp định		335.813.119.252	289.383.181.436
420	6. Lợi nhuận còn lại chưa phân phối		1.118.079.667.080	1.127.002.833.821
500	C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	31	82.990.304.915	83.699.169.429
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		7.705.073.514.740	7.980.875.901.875

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Mã Số	Chỉ tiêu	Ngày 31 tháng 12 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
001	1. Tài sản cố định thuê ngoài	-	-
002	2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	-	-
003	3. Tài sản nhận ký cược	-	-
004	4. Nợ khó đòi đã xử lý	-	-
005	5. Ngoại tệ các loại	-	-
006	6. Chứng khoán lưu ký	12.849.119.240.000	13.269.603.970.000
	Trong đó		
007	6.1. Chứng khoán giao dịch	11.254.258.750.000	11.763.352.280.000
008	6.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	816.277.140.000	1.271.769.300.000
009	6.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	8.975.656.080.000	8.854.342.330.000
010	6.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	1.462.325.530.000	1.637.240.650.000
011	6.1.4. Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	-	-
012	6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	174.383.220.000	179.044.560.000
013	6.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	-	300.000.000
014	6.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	173.838.220.000	173.199.560.000
015	6.2.3. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	545.000.000	5.545.000.000
016	6.2.4. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác	865.812.190.000	646.344.340.000
017	6.3. Chứng khoán cầm cố	-	-
018	6.3.1. Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	-	-
019	6.3.2. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	865.812.190.000	646.344.340.000
020	6.3.3. Chứng khoán cầm cố của khách hàng nước ngoài	-	-
021	6.3.4. Chứng khoán cầm cố của tổ chức khác	-	-
022	6.4. Chứng khoán tạm giữ	-	-
027	6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	545.665.500.000	169.698.350.000
028	6.5.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	1.340.000.000	-
029	6.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	530.836.300.000	164.999.950.000
030	6.5.3. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	13.489.200.000	4.698.400.000
031	6.5.4. Chứng khoán chờ thanh toán của tổ chức khác	-	-
032	6.6. Chứng khoán phong tỏa chờ rút	-	-
037	6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	8.999.580.000	511.164.440.000
038	6.7.1. Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	1.570.000	-
039	6.7.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	8.718.520.000	506.797.630.000
040	6.7.3. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	279.490.000	4.366.810.000
041	6.7.4. Chứng khoán chờ giao dịch của tổ chức khác	-	-
042	6.8. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	-	-
047	6.9. Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	-	-

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Mã Số	Chỉ tiêu	Ngày 31 tháng 12 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
050	7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	860.405.510.000	839.705.300.000
	Trong đó:		
051	7.1. Chứng khoán giao dịch	761.941.870.000	794.415.700.000
052	7.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	9.481.650.000	9.482.930.000
053	7.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	683.658.700.000	757.037.570.000
054	7.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	68.801.520.000	27.895.200.000
055	7.1.4. Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	-	-
056	7.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	64.922.200.000	7.995.000.000
057	7.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	1.000.000.000	1.000.000.000
058	7.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	63.922.200.000	6.995.000.000
059	7.2.3. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	-	-
060	7.2.4. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác	-	-
061	7.3. Chứng khoán cầm cố	32.580.440.000	32.580.440.000
066	7.4. Chứng khoán tạm giữ	-	-
071	7.5. Chứng khoán chờ thanh toán	961.000.000	4.714.160.000
072	7.5.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	-	-
073	7.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	961.000.000	4.714.160.000
074	7.5.3. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	-	-
075	7.5.4. Chứng khoán chờ thanh toán của tổ chức khác	-	-
076	7.6. Chứng khoán phong tỏa chờ rút	-	-
081	7.7. Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	-	-
082	8. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	-	-
083	9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	-	-
084	10. Chứng khoán nhận ủy thác đầu giá	-	-
TỔNG CỘNG TÀI KHOẢN NGOẠI BẢNG		13.709.524.750.000	13.709.524.750.000

Người lập

Bà Hoàng Thị Minh Thủy
Kê toán Trưởng

Người phê duyệt

Bà Nguyễn Thị Thanh Hà
Giám đốc Tài chính

Người phê duyệt



Ông Nguyễn Duy Hưng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 05 tháng 4 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Mã Số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
01	1. Doanh thu	26	726.943.829.636	849.294.221.184
	Trong đó:			
01.1	- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		138.279.714.570	105.807.913.215
01.2	- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		196.308.973.064	276.558.485.135
01.4	- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán		181.607.894	29.061.000
	- Doanh thu quản lý danh mục đầu tư cho người ủy thác đầu tư		2.775.150.246	15.519.110.635
01.5	- Doanh thu hoạt động tư vấn		28.691.792.508	79.784.442.039
01.6	- Doanh thu lưu ký chứng khoán		5.345.687.143	5.191.757.059
01.8	- Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản		9.479.145.425	12.559.455.663
01.9	- Doanh thu khác		345.881.758.786	353.843.996.437
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	26		-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	26	726.943.829.636	849.294.221.184
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	27	(386.476.250.295)	(454.524.349.042)
	Trong đó:			
	- Chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh chứng khoán		(464.593.566.434)	(515.275.929.215)
	- Hoàn nhập dự phòng chứng khoán		78.117.316.139	60.751.580.173
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		340.467.579.341	394.769.872.142
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	(12.022.643.097)	(17.991.632.074)
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		328.444.936.244	376.778.240.068
31	8. Thu nhập khác	29	63.070.461.122	5.079.281.085
32	9. Chi phí khác	29	(72.287.364)	(658.800.233)
40	10. Lợi nhuận khác	29	62.998.173.758	4.420.480.852
41	11. Lãi từ các công ty liên kết	13	114.391.074.176	106.059.910.285
50	12. Tổng lợi nhuận kê toán trước thuế		505.834.184.178	487.258.631.205
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.1	(88.381.199.859)	(82.563.882.162)
52	14. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	30.2	(117.048.764)	60.797.688.748
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		417.335.935.555	465.492.437.791
61	16. Lãi/(lỗ) thuộc về cổ đông thiểu số	31	(708.864.514)	1.193.059.630
62	17. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ		418.044.800.069	464.299.378.161
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	33	1.192	1.328

Người lập

Bà Hoàng Thị Minh Thủy
Kê toán TrưởngThành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 05 tháng 4 năm 2014

Người phê duyệt

Bà Nguyễn Thị Thanh Hà
Giám đốc Tài chính

Người phê duyệt

Ông Nguyễn Duy Hưng
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Mã Số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN			
01	1. Tổng lợi nhuận kê toán trước thuế		505.834.184.178	487.258.631.205
	2. Điều chỉnh cho các khoản		(337.070.786.158)	(186.276.678.368)
02	Khấu hao tài sản cố định		24.148.560.895	31.480.522.455
03	Các khoản lập dự phòng		(134.574.362.714)	(52.970.213.048)
04	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		-	-
05	Lãi/ lỗ hoạt động đầu tư		(230.291.915.143)	(180.262.164.937)
06	Chi phí lãi vay		3.646.930.804	15.475.177.162
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		168.763.398.020	300.981.952.837
09	Tăng các khoản phải thu		(305.057.521.380)	(643.562.725.297)
10	(Tăng)/giảm tồn kho, chứng khoán ngắn hạn		570.764.811.773	(1.126.606.349.530)
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		(359.874.053.017)	993.114.171.579
12	Giảm chi phí trả trước		12.574.451.705	11.019.110.497
13	Tiền lãi vay đã trả		(4.051.745.344)	(15.014.599.976)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	30.1	(70.972.390.889)	(70.752.205.322)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	267.588.322
16	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(13.998.097.900)	(15.242.385.350)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(1.851.147.034)	(565.795.442.240)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(11.464.174.263)	(9.977.559.007)
22	Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		1.827.272.727	1.709.357.843
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(136.091.832.573)	-
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		171.056.682.055	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(482.456.941.346)	(487.685.265.609)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		523.402.012.827	844.012.051.172
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		159.840.811.599	204.773.302.343
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		226.113.831.026	552.831.886.742
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	25.1	15.854.880.000	-
	Nhận góp vốn từ cổ đông thiểu số		-	6.000.000.000
32	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(131.760)	(654.900.000)
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		3.455.160.948.549	3.493.177.999.828
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(3.453.927.928.305)	(3.135.449.978.751)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(349.821.425.000)	(348.783.926.140)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính		(332.733.656.516)	14.289.194.937
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(108.470.972.524)	1.325.639.439
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		1.947.090.450.986	1.945.764.811.547
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	1.838.619.478.462	1.947.090.450.986

Người lập

Bà Hoàng Thị Minh Thủy
Kê toán Trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, Ngày 05 tháng 4 năm 2014

Người phê duyệt

Bà Nguyễn Thị Thanh Hà
Giám đốc Tài chính

Người phê duyệt

Ông Nguyễn Duy Hưng
Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG
VỐN CHỦ SỞ HỮU HỢP NHẤT**
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

B05 - CTCK

B05 - CTCK

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/ giảm				Số dư cuối năm	
		Ngày 01/01/2012	Ngày 01/01/2013	Năm 2012		Năm 2013		Ngày 31/12/2012	Ngày 31/12/2013
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	25	3.526.117.420.000	3.526.117.420.000	-	-	11.832.000.000	-	3.526.117.420.000	3.537.949.420.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		340.921.476.378	340.921.476.378	-	-	4.022.880.000	-	340.921.476.378	344.944.356.378
3. Vốn khác của chủ sở hữu		383.614.879	(2.605.677.770)	-	(2.989.292.649)	-	(2.752.445.202)	(2.605.677.770)	(5.358.122.972)
4. Cổ phiếu quỹ		(88.591.286.000)	(89.246.186.000)	(654.900.000)	-	(131.760)	-	(89.246.186.000)	(89.246.317.760)
5. Quỹ dự phòng tài chính và dự trữ pháp định		289.383.181.436	289.383.181.436	-	-	46.429.937.816	-	289.383.181.436	335.813.119.252
6. Lợi nhuận chưa phân phối		1.012.450.891.924	1.127.002.833.821	464.299.378.161	(349.747.436.264)	418.044.800.069	(426.967.966.810)	1.127.002.833.821	1.118.079.667.080
TỔNG CỘNG	27	5.080.665.298.617	5.191.573.047.865	463.644.478.161	(352.736.728.913)	480.329.486.125	(429.720.412.012)	5.191.573.047.865	5.242.182.121.978

Người lập



Bà Hoàng Thị Minh Thủy
Kê toán Trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 05 tháng 4 năm 2014

Người phê duyệt



Bà Nguyễn Thị Thanh Hà
Giám đốc Tài chính

Người phê duyệt



Ông Nguyễn Duy Hưng
Tổng Giám đốc

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy phép thành lập công ty cổ phần số 3041/GP-UB, do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 12 năm 1999 và được cấp giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 056679, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu vào ngày 30 tháng 12 năm 1999. Công ty được cấp Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 03/GPHĐKD, do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 5 tháng 4 năm 2000 và các giấy phép điều chỉnh tiếp theo.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) từ ngày 15 tháng 12 năm 2006 và đã chuyển sang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 29 tháng 10 năm 2007.

Công ty có trụ sở chính đặt tại 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty cũng đồng thời có các chi nhánh đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Vũng Tàu, Hải Phòng và Nha Trang.

Vốn Điều lệ

Vốn điều lệ ban đầu của Công ty theo giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 056679 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 30 tháng 12 năm 1999 là 6.000.000.000 đồng Việt Nam. Vốn điều lệ của Công ty đã được bổ sung trong từng thời kỳ theo các giấy phép điều chỉnh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, tổng vốn điều lệ của Công ty là 3.537.949.420.000 đồng Việt Nam theo giấy phép điều chỉnh gần nhất số 09/GPĐC-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2013.

Mạng lưới hoạt động

Công ty có trụ sở chính tại 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty có một (01) trụ sở chính, một (01) chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, hai (02) chi nhánh và một (01) phòng giao dịch tại Hà Nội, một (01) chi nhánh tại Hải Phòng, một (01) chi nhánh tại Vũng Tàu và một (01) chi nhánh tại Nha Trang.

Nhân viên

Tổng số nhân viên đang làm việc cho Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 434 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 389 người).

Công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty có hai (02) công ty con sở hữu trực tiếp như sau:

Tên công ty	Được thành lập theo	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ	% Sở hữu
Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM)	Giấy phép thành lập và hoạt động số 19/UBCK-GP ngày 3 tháng 8 năm 2007	Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	30 tỷ đồng Việt Nam	100%
Quỹ Đầu tư Thành viên SSI (SSI IMF)	Thông báo về việc xác nhận thành lập quỹ thành viên số 130/TB-UBCK ngày 27 tháng 7 năm 2010	Đầu tư vào chứng khoán hoặc các dạng tài sản đầu tư khác, kể cả bất động sản	390 tỷ đồng Việt Nam	80%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty có một (01) công ty con sở hữu gián tiếp như sau:

Tên công ty	Được thành lập theo	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ	% Sở hữu
Công ty Quốc tế SSI	Số đăng ký SRV 090813396-4724807 ngày 27 tháng 8 năm 2009 tại bang Delaware, Mỹ. Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 249/B-KH-ĐTRNN do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 03 tháng 7 năm 2009; và Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 249/B-KH-ĐTRNN-ĐC1 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 31 tháng 8 năm 2010.	Đầu tư vào kinh doanh bất động sản, văn phòng tại Mỹ.	18,5 triệu đô la Mỹ	100%

Công ty liên kết

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty có mười (10) công ty liên kết sở hữu gián tiếp như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013 VÀ CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC CÙNG NGÀY

B09 - CTCK

Tên công ty	Được thành lập theo	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình (PAN)	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0301472704 ngày 03 tháng 10 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp (đăng ký thay đổi lần thứ 09). Thời điểm đầu, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003790 ngày 31 tháng 8 năm 2005. Là doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.	Dịch vụ vệ sinh nhà cửa; Mua bán thiết bị vệ sinh công nghiệp; Dịch vụ sửa chữa nhà; Dịch vụ chống mối mọt, diệt côn trùng; Dịch vụ trang trí nhà cửa, phong cảnh, vườn cảnh, non bộ, công viên, vườn thú; Kinh doanh bất động sản; Dịch vụ quản lý nhà cao tầng, căn hộ; Dịch vụ hỗ trợ tài chính.	200.500.000.000
Công ty Cổ phần Hùng Vương (HVG)	Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5303000053 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tiền Giang cấp ngày 15 tháng 1 năm 2007 và theo các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Là doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.	Nuôi trồng, chế biến thủy sản xuất khẩu; Sản xuất thức ăn thủy sản, gia súc, gia cầm; Kinh doanh kho lạnh, kinh doanh địa ốc	1.199.999.930.000
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh (GIL)	Tiền thân là doanh nghiệp nhà nước thành lập năm 1982 trực thuộc UBND Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 134/2000/QĐ-TTg của Chính phủ ban hành ngày 24/11/2000 về việc chuyển Công ty Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu Bình Thạnh thành Công ty Cổ phần Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu Bình Thạnh. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000253 cấp ngày 29/12/2000 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi số 0302181666 ngày 16/02/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Là doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.	Sản xuất, chế biến và xuất khẩu hàng nông, lâm, thủy hải sản, thủ công mỹ nghệ, may mặc... Nhập khẩu máy móc, thiết bị, nguyên liệu, vật tư... Dịch vụ thương mại và cầm đồ; Xây dựng, trang trí nội thất, san lấp mặt bằng, kinh doanh địa ốc; Hợp tác đầu tư lĩnh vực nhà hàng, khách sạn, du lịch.	139.245.880.000
Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An (LAF)	Là công ty được chuyển từ Xí nghiệp Chế biến hàng xuất khẩu Long An theo quyết định số 4206/QĐUB ngày 01/07/1995 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Long An. Là doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; Đầu tư gia công, sản xuất, chế biến, kinh doanh, xuất nhập khẩu và dịch vụ đại lý, môi giới trong ngành hàng: nông sản, thủy sản, lương thực.v.v.; Dịch vụ cho thuê kho bãi, cầu cảng, cao ốc văn phòng; Đầu tư tài chính, đại lý chứng khoán.	147.280.190.000

B09 - CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013 VÀ CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC CÙNG NGÀY

Tên công ty	Được thành lập theo	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Giồng cây trồng Trung ương (NSC)	Được chuyển đổi từ Công ty Giồng cây trồng Trung ương I theo Quyết định số 5029/QĐ/BNN-TCCB ngày 10 tháng 11 năm 2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103003628 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 06 tháng 02 năm 2004 và sửa đổi bổ sung theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Là doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	Trồng trọt, kinh doanh giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng; Xuất nhập khẩu trực tiếp về giống cây trồng và vật tư phục vụ sản xuất giống cây trồng; Gia công, chế biến, đóng gói, bảo quản giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng; Kinh doanh bất động sản.	100.298.380.000
Công ty Cổ phần Giồng cây trồng Miền Nam (SSC)	Công ty Cổ phần Giồng Cây Trồng Miền Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103001067 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 6 năm 2002 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh. Là doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.	Nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu giống cây trồng các loại; Sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu nông sản, vật tư nông nghiệp; Sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật; Thiết kế, chế tạo, lắp đặt, xuất nhập khẩu các loại máy móc, thiết bị chế biến hạt giống và nông sản.	149.923.670.000
Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông (ELC)	Ngày 15/12/1995, Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Công nghệ điện tử - viễn thông, tiền thân của Elcom hiện nay, được thành lập với hoạt động chủ yếu là nghiên cứu công nghệ ứng dụng trong lĩnh vực viễn thông. Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển công nghệ điện tử - viễn thông được thành lập theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 0103002552 Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18/07/2003. Là doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.	Sản xuất, lắp ráp các sản phẩm điện tử - tin học; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Các dịch vụ khoa học kỹ thuật; Lắp ráp, bảo dưỡng các thiết bị viễn thông, tổng đài điện thoại thuê bao dung lượng nhỏ, thiết bị phụ trợ, nguồn điện, lắp đặt các thiết bị truyền dẫn cho các tuyến Viba và mạng cáp thông tin; Sản xuất phần mềm máy tính, chuyển giao công nghệ thông tin, lắp đặt các hệ thống, dây chuyền công nghệ cao; Tư vấn các hệ thống thông tin, hệ thống tự động hóa và các hệ thống điện tử - viễn thông; Cung cấp và khai thác cơ sở dữ liệu, dịch vụ lưu trữ và xử lý dữ liệu; Dịch vụ cho thuê máy móc, thiết bị điện, điện tử, viễn thông, thiết bị khoa học; Dịch vụ quảng cáo; Đại lý cung cấp dịch vụ bưu chính viễn thông; Đại lý kinh doanh dịch vụ internet; Dịch vụ thông tin giải trí với phát thanh, truyền hình, báo chí; Đầu tư phát triển chăn nuôi, trồng trọt và khu du lịch sinh thái; Mua bán, sản xuất các thiết bị báo cháy, thiết bị báo trộm...	373.399.090.000

Tên công ty	Được thành lập theo	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ
Công ty CP Kho vận Giao nhận Ngoại thương Thành phố Hồ Chí Minh (Transimex-Saigon) (TMS)	Công ty cổ phần Kho vận Giao nhận Ngoại thương Thành phố Hồ Chí Minh (Transimex-Saigon) là doanh nghiệp nhà nước, được thành lập từ năm 1983. Từ ngày 01/01/2000, Công ty chuyển sang Công ty cổ phần theo Quyết định số 989/QĐTTg ngày 26/10/1999 của Thủ tướng Chính phủ và theo giấy đăng ký kinh doanh số 056651 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TPHCM cấp ngày 03 tháng 12 năm 1999. Là doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	Đại lý giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu đường biển, đường hàng không và đường bộ; Đại lý hàng hải và môi giới tàu biển, dịch vụ thủ tục hải quan; Kinh doanh kho bãi, kho ngoại quan, kho thu gom đóng gói hàng lẻ CFS, điểm thông quan nội địa ICD; Kinh doanh vận chuyển hàng hoá xuất nhập khẩu và công cộng bằng đường bộ.	230.738.240.000
Công ty Cổ phần Bibica (BBC)	Công ty Cổ phần Bibica được thành lập tại Việt Nam và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 4103010755 ngày 16 tháng 01 năm 1999 - số Đăng ký kinh doanh gốc: 059167, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp (đăng ký thay đổi lần 2 ngày 05 tháng 7 năm 2008). Là doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.	Sản xuất, mua bán các sản phẩm: đường, bánh, kẹo, nha, rượu (thức uống có cồn), bột dinh dưỡng, sữa và các sản phẩm từ sữa, sữa đậu nành, nước giải khát, bột giải khát; Kinh doanh bất động sản (thực hiện theo Khoản 1 Điều 10 Luật kinh doanh bất động sản).	154.207.820.000
Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam (VFG)	Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước là Công ty Khử trùng Việt Nam - trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn theo Quyết định số 70/QĐ-TTg ngày 03 tháng 5 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0302327629, đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và đăng ký thay đổi lần 18 ngày 22 tháng 2 năm 2013. Là doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.	Sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói: thuốc bảo vệ thực vật, vật tư bảo vệ thực vật, vật tư khử trùng; Cung cấp dịch vụ khử trùng, diệt sinh vật gây hại nông lâm sản và các vật thể khác; Mua bán thuốc bảo vệ thực vật, vật tư bảo vệ thực vật, vật tư khử trùng; Mua bán vật tư, hoá chất phục vụ cho sản xuất nông nghiệp (trừ hoá chất có tính độc hại mạnh); Bán buôn phân bón; Dịch vụ xử lý, bảo dưỡng, vệ sinh môi trường trong nhà máy, kho tàng, văn phòng cơ quan; Dịch vụ chống môi mọt; Dịch vụ trừ môi cho các công trình xây dựng; Cho thuê văn phòng, kho bãi; Giám định hàng hoá; Nhân và chăm sóc giống cây nông nghiệp; Bán buôn bắp giống và các loại hạt ngũ cốc khác.	132.827.530.000

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VNĐ”) phù hợp với chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính, Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- › Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- › Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- › Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- › Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- › Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Các báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ của Công ty là đồng Việt Nam (VNĐ).

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (công ty mẹ) và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất cho các giao dịch tương tự.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa công ty mẹ và công ty con hoặc giữa các công ty con, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích cổ đông thiểu số là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty mẹ và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập các báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng nhất quán với với các chính sách đã được sử dụng để lập các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến nghiệp vụ sau:

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư có hiệu lực từ ngày 10 tháng 6 năm 2013. Theo quy định của Thông tư này, tài sản cố định phải đồng thời thỏa mãn cả ba tiêu chuẩn dưới đây:

- ▶ Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó;
- ▶ Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên;
- ▶ Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) trở lên.

Theo đó, kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013, Công ty đã ngừng trích khấu hao cho các tài sản có giá trị từ 10.000.000 đồng đến dưới 30.000.000 đồng, đồng thời ghi nhận giá trị còn lại của các tài sản này vào chi phí theo đúng quy định hiện hành.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan phát luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào “Chi phí quản lý” trong kỳ.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.6 Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	6 năm
Máy móc thiết bị	3 năm
Phương tiện vận chuyển	6 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5 năm
Phần mềm	3 năm
Quyền sử dụng đất vô thời hạn	không khấu hao
Tài sản cố định vô hình khác	2 năm

3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và khấu trừ bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản.

3.8 Thuê tài sản

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.9 Đầu tư chứng khoán và dự phòng giảm giá chứng khoán

Thông tư 95/2008/TT-BTC cho phép các công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc hoặc giá trị hợp lý. Theo đó, Công ty đã lựa chọn phương pháp giá gốc để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

Các chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư dài hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Các chứng khoán này được ghi nhận tiếp theo giá gốc trừ khoản lãi dồn tích trước ngày mua thực nhận, nếu có.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá khớp lệnh đóng cửa tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Giá trị thị trường của các chứng khoán vốn chưa niêm yết được xác định trên cơ sở giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) đối với các Công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết, hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán, giá yết trên các tạp chí đầu tư chứng khoán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

3.10 Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là các công ty mà trong đó nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của nhà đầu tư. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu từ 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc. Trường hợp khi mua khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá mua khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được tương ứng với phần sở hữu của Công ty trong công ty liên kết tại ngày mua được gọi là lợi thế thương mại. Lợi thế thương mại âm được kết chuyển ngay và lợi thế thương mại dương phân bổ trong vòng không quá 10 năm vào khoản mục Lãi từ công ty liên kết trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Trong quá trình xác định giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết, Công ty áp dụng các nguyên tắc và giả định sau:

- ▶ Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn;
- ▶ Giá trị hợp lý của các khoản phải thu được xác định dựa trên đánh giá về khả năng thu hồi, theo đó, Công ty ước tính giá trị hợp lý xấp xỉ giá trị ghi sổ trừ đi số dư các khoản dự phòng đã trích lập;

- ▶ Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính được xác định theo giá thị trường;
- ▶ Giá trị hợp lý của tài sản cố định được xấp xỉ bằng nguyên giá trừ khấu hao lũy kế
- ▶ Giá trị hợp lý các khoản mục bị ngoại trừ trên báo cáo kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty liên kết được xác định bằng không (0);
- ▶ Giá trị hợp lý của các khoản mục tài sản và nợ khác không trọng yếu được xác định xấp xỉ bằng giá trị ghi sổ.

Sau ngày ghi nhận ban đầu, khoản đầu tư được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư và được phân bổ trong khoảng thời gian ba (03) năm. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức được nhận từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Các báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo của Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

3.11 Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được ghi nhận là tài sản/ chi phí chờ phân bổ và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là tài sản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại được ghi nhận là doanh thu/ khoản phải trả chờ phân bổ và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng bán lại.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến lãi trái phiếu chuyển đổi, hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.14 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Các nghiệp vụ mua và bán lại chứng khoán

Doanh thu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo thời hạn của hợp đồng mua và bán lại chứng khoán theo phương pháp đường thẳng.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) ngoại trừ lãi dồn tích trước ngày mua (được ghi giảm giá vốn chứng khoán) hoặc khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tài sản thuê thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuê thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuê thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuê thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuê thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3.17 Phân chia lợi nhuận và trích lập các quỹ

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam sẽ phân chia theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư 11/2000/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 1 tháng 2 năm 2000 và Thông tư số 210/2012/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 30 tháng 11 năm 2012 như sau:

	Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
Quỹ Dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ Dự trữ bắt buộc	5%	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 (VNĐ)	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 (VNĐ)
Tiền mặt	177.407.311	157.236.602
Tiền gửi ngân hàng	1.437.442.071.151	806.703.214.384
Trong đó:		
▶ Tiền gửi ngân hàng	217.248.860.047	111.471.419.671
▶ Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán (tiền ký quỹ của nhà đầu tư)	1.220.193.211.104	695.231.794.713
Các khoản tương đương tiền	401.000.000.000	1.140.230.000.000
▶ Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng	401.000.000.000	1.140.230.000.000
	1.838.619.478.462	1.947.090.450.986

5. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm (Đơn vị)	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm (VNĐ)
Của Công ty chứng khoán	74.619.926	7.031.999.603.990
▶ Cổ phiếu	32.179.746	757.271.346.284
▶ Trái phiếu	42.440.180	6.274.728.257.706
▶ Chứng khoán khác (chứng chỉ quỹ đầu tư)	-	-
Của nhà đầu tư	4.093.712.156	83.033.291.325.310
▶ Cổ phiếu	3.934.427.854	67.721.650.731.900
▶ Trái phiếu	140.274.042	15.163.445.245.292
▶ Chứng khoán khác (chứng chỉ quỹ đầu tư)	19.010.260	148.195.348.118
	4.168.332.082	90.065.290.929.300

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

6.1 Đầu tư ngắn hạn

Tình hình đầu tư tài chính ngắn hạn của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Chi tiêu	Số lượng cổ phiếu	Giá trị theo sổ kế toán (VNĐ)	So với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường (VNĐ)
			Tăng (VNĐ)	Giảm (VNĐ)	
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013					
Chứng khoán thương mại	32.529.777	644.567.623.260	59.733.078.493	(132.592.739.561)	571.707.962.192
Cổ phiếu niêm yết	12.725.665	379.014.488.551	59.725.104.428	(68.633.045.426)	370.106.547.553
Cổ phiếu chưa niêm yết	19.804.112	265.553.134.709	7.974.065	(63.959.694.135)	201.601.414.639
▶ Phần xác định được giá trị thị trường (*)	19.804.112	265.553.134.709	7.974.065	(63.959.694.135)	201.601.414.639
▶ Phần không xác định được giá trị thị trường	-	-	-	-	-
Đầu tư ngắn hạn khác	-	1.049.000.000.000	-	-	1.049.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng (**)	-	1.049.000.000.000	-	-	1.049.000.000.000
	32.529.777	1.693.567.623.260	59.733.078.493	(132.592.739.561)	1.620.707.962.192
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012					
Chứng khoán thương mại	34.662.506	589.163.797.759	20.836.630.523	194.353.925.227)	415.646.503.055
Cổ phiếu niêm yết	30.793.624	477.229.343.888	20.836.630.523	(147.309.314.209)	350.756.660.202
Cổ phiếu chưa niêm yết	3.743.882	99.434.453.871	-	(47.044.611.018)	52.389.842.853
▶ Phần xác định được giá trị thị trường (*)	3.673.382	92.384.453.871	-	(47.044.611.018)	45.339.842.853
▶ Phần không xác định được giá trị thị trường	70.500	7.050.000.000	-	-	7.050.000.000
Trái phiếu	125.000	12.500.000.000	-	-	12.500.000.000
▶ Phần xác định được giá trị thị trường	-	-	-	-	-
▶ Phần không xác định được giá trị thị trường	125.000	12.500.000.000	-	-	12.500.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác	-	1.703.000.000.000	-	-	1.703.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng (**)	-	1.703.000.000.000	-	-	1.703.000.000.000
	34.662.506	2.292.163.797.759	20.836.630.523	(194.353.925.227)	2.118.646.503.055

(*): Giá trị thị trường của các chứng khoán này được xác định theo giá trị tài sản ròng/giá trị sổ sách của đơn vị phát hành, giá yết trên các tạp chí đầu tư chứng khoán hoặc xác định dựa trên đánh giá của Công ty về khả năng thu hồi của chứng khoán đầu tư.

(**): Trong số các khoản tiền gửi tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, có 883 tỷ tiền gửi kỳ hạn một năm tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) đã được dùng để đảm bảo cho các khoản vay thấu chi.

Trong số các khoản tiền gửi tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, có 100 tỷ tiền gửi kỳ hạn một tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) và 850 tỷ tiền gửi kỳ hạn một năm tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) đã được dùng để đảm bảo cho các khoản vay thấu chi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013 VÀ CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC CÙNG NGÀY

B09 - CTCK

6.2 Đầu tư chứng khoán dài hạn

Tình hình đầu tư chứng khoán dài hạn của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Chi tiêu	Số lượng cổ phiếu	Giá trị theo sổ kế toán (VNĐ)	So với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường (VNĐ)
			Tăng (VNĐ)	Giảm (VNĐ)	
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013					
Chứng khoán sẵn sàng để bán	21.527.766	1.046.043.291.514	41.966.475.692	(29.094.601.173)	1.058.915.166.033
Cổ phiếu niêm yết	11.497.527	334.490.654.112	41.966.475.692	(1.267.440.783)	375.189.689.021
Cổ phiếu chưa niêm yết (*)	3.850.215	78.263.507.174	-	(27.827.160.390)	50.436.346.784
Trái phiếu (**)	6.180.024	633.289.130.228	-	-	633.289.130.228
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-	-
Đầu tư dài hạn khác	11.766.999	538.617.000.000	-	(138.604.500.000)	400.012.500.000
Phần xác định được giá trị thị trường (*)	11.766.999	538.617.000.000	-	(138.604.500.000)	400.012.500.000
▶ Công ty CP Đầu tư Đường Mặt Trời (***)	1.499.999	15.000.000.000	-	-	15.000.000.000
▶ Công ty CP Cao su Hoàng Anh Gia Lai	10.267.000	523.617.000.000	-	(138.604.500.000)	385.012.500.000
Phần không xác định được giá trị thị trường	-	-	-	-	-
	33.294.765	41.966.475.692	41.966.475.692	(167.699.101.173)	1.458.927.666.033
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012					
Chứng khoán sẵn sàng để bán	24.290.220	1.056.730.351.972	3.641.009.204	(82.059.042.586)	978.312.318.590
Cổ phiếu niêm yết	10.234.553	258.115.910.455	1.852.009.204	(53.348.175.958)	206.619.743.701
Cổ phiếu chưa niêm yết (*)	7.750.632	131.989.207.174	1.789.000.000	(28.710.866.628)	105.067.340.546
Trái phiếu (**)	6.305.035	666.625.234.343	-	-	666.625.234.343
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-	-
Đầu tư dài hạn khác	12.666.999	548.616.990.000	-	(93.178.900.000)	455.438.090.000
Phần xác định được giá trị thị trường (*)	12.666.999	548.616.990.000	-	(93.178.900.000)	455.438.090.000
▶ Công ty Xi măng Vissai Miền Trung	900.000	10.000.000.000	-	(775.900.000)	9.224.100.000
▶ Công ty CP Đầu tư Bất động sản SSI (***)	1.499.999	14.999.990.000	-	-	14.999.990.000
▶ Công ty CP Cao su Hoàng Anh Gia Lai	10.267.000	523.617.000.000	-	(92.403.000.000)	431.214.000.000
Phần không xác định được giá trị thị trường	-	-	-	-	-
	36.957.219	1.605.347.341.972	3.641.009.204	(175.237.942.586)	1.433.750.408.590

(*): Giá trị thị trường của các chứng khoán này được xác định theo giá trị tài sản ròng/giá trị sổ sách của đơn vị phát hành, giá yết trên các tạp chí đầu tư chứng khoán.

(**): Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty có 5.180.000 trái phiếu, tương đương với tổng giá trị theo sổ kế toán là 509.147.270.259 VNĐ được bán theo các hợp đồng bán và cam kết mua lại chứng khoán. Giá trị trái phiếu được bán theo các hợp đồng bán và cam kết mua lại chứng khoán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 20.132.645.562 VNĐ, tương đương 200.000 trái phiếu. Xem thêm tại Thuyết minh 36.5 - Các khoản đảm bảo.

(***): Công ty Cổ phần Đầu tư Đường Mặt Trời, tiền thân là Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản SSI.

B09 - CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013 VÀ CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC CÙNG NGÀY

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện các khoản góp vốn của Công ty vào các đơn vị nhận đầu tư với mục tiêu nắm giữ dài hạn. Chi tiết các đơn vị mà Công ty thực hiện góp vốn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

- ▶ Ngày 16 tháng 12 năm 2011, Công ty tham gia góp vốn vào Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai. Theo hợp đồng góp vốn, phần góp vốn của Công ty chiếm 2,62% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai. Các ngành sản xuất kinh doanh chính của công ty này bao gồm: trồng cây cao su; trồng cây lâu năm khác; trồng rừng và chăm sóc rừng; bán buôn cao su; sản xuất và mua bán giống cây trồng; dịch vụ trồng trọt; sản xuất phân bón và hợp chất nitơ; mua bán thiết bị máy công nghiệp, khai khoáng, lâm nghiệp và xây dựng; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; mua, bán nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa); khai thác đá; mua, bán, ký gửi hàng hóa; mua, bán, xuất khẩu mù cao su có nguồn gốc hợp pháp, sản xuất, chế biến từ mù cao su; khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón; khai thác và thu gom than bùn; khai thác quặng sắt, sản xuất kim loại màu và kim loại quý; sản xuất sắt thép gang.
- ▶ Năm 2007, Công ty cũng thực hiện góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản SSI, nay là Công ty Cổ phần Đầu tư Đường Mặt Trời, với tư cách là cổ đông sáng lập. Hoạt động chính của Công ty bao gồm: kinh doanh nhà; đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư, cao ốc văn phòng; dịch vụ quản lý, cho thuê mặt bằng, văn phòng, tư vấn môi giới đầu tư bất động sản, hỗ trợ hoạt động tài chính, môi giới thương mại.

6.3 Dự phòng giảm giá chứng khoán

Dự phòng giảm giá chứng khoán ngắn hạn

Chứng khoán	Số lượng	Giá trị ghi sổ (VNĐ)	Giảm so với giá thị trường (VNĐ)	Tổng giá trị thị trường (VNĐ)
Cổ phiếu niêm yết				
BHV	6.054	253.765.058	(222.284.258)	(31.480.800)
DAC	66	3.137.007	(2.688.207)	448.800
VHL	39	1.571.509	(538.009)	1.033.500
NSP	418.273	4.182.730.000	(3.513.493.200)	669.236.800
SVC	1.952.219	40.760.040.803	(11.476.755.803)	29.283.285.000
VNM	20.012	2.823.677.707	(122.057.708)	2.701.619.999
TMT	2.499.534	65.792.945.173	(53.295.228.241)	12.497.716.932
	4.896.197	113.817.867.257	(68.633.045.426)	45.184.821.831
Cổ phiếu chưa niêm yết				
Công ty CP Công nghệ mới kim tự tháp Việt Nam	260.118	4.284.711.000	(1.943.649.000)	(2.341.062.000)
Công ty CP Phân lân nung chảy Văn Điển	2.608.912	65.182.927.878	(44.311.631.878)	20.871.296.000
Công ty CP Dược phẩm Viễn Đông	2.866	117.720.576	(107.689.576)	10.031.000
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Delta AGF	200.000	2.000.000.000	(2.000.000.000)	-
Công ty CP Bất Động Sản Đại Nam (*)	70.500	7.050.000.000	(7.050.000.000)	-
Công ty CP E Den	199.650	4.650.000.000	(3.252.450.000)	1.397.550.000
Công ty CP Xây dựng Công nghiệp Descon	226.120	6.131.898.718	(3.983.758.718)	2.148.140.000
Quý đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam	2.470.000	21.648.504.963	(759.714.963)	20.888.790.000
Công ty Chăn nuôi Việt Nam	7.650.000	77.265.000.000	(550.800.000)	76.714.200.000
	13.688.166	188.330.763.135	(63.959.694.135)	124.371.069.000
	18.584.363	302.148.630.392	(132.592.739.561)	169.555.890.831

(*): Dự phòng giảm giá cho khoản đầu tư vào cổ phiếu Công ty Cổ phần Bất động sản Đại Nam được xác định dựa trên đánh giá của Công ty về khả năng thu hồi của chứng khoán đầu tư.

Dự phòng giảm giá chứng khoán dài hạn

Chứng khoán	Số lượng	Giá trị ghi sổ (VNĐ)	Giảm so với giá thị trường (VNĐ)	Tổng giá trị thị trường (VNĐ)
Cổ phiếu niêm yết				
PND	1.134.734	38.486.638.584	(1.267.440.783)	37.219.197.801
	1.134.734	38.486.638.584	(1.267.440.783)	37.219.197.801
Cổ phiếu chưa niêm yết				
Công ty CP Kinh Viglacera Đáp Cầu	800.000	15.200.000.000	(14.100.800.000)	1.099.200.000
Công ty CP Khu Du lịch Cát Bà	999.999	11.999.988.000	(3.683.996.316)	8.315.991.684
Công ty CP Xây dựng Công nghiệp Descon	398.470	11.324.672.774	(7.539.207.774)	3.785.465.000
Công ty CP Việt Tin	629.900	6.654.826.400	(1.483.977.300)	5.170.849.100
Công ty CP Đường Quảng Ngãi	321.846	11.801.020.000	(1.019.179.000)	10.781.841.00
	3.150.215	56.980.507.174	(27.827.160.390)	29.153.346.784
	4.284.949	95.467.145.758	(29.094.601.173)	66.372.544.585

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá khớp lệnh đóng cửa tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Giá trị thị trường của các chứng khoán vốn chưa niêm yết được xác định trên cơ sở giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) đối với các Công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết, hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán, giá yết trên các tạp chí đầu tư chứng khoán tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2013 đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

7. CÁC KHOẢN THU NGẮN HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 (VNĐ)	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 (VNĐ)
Phải thu của khách hàng	914.256.741.795	500.024.123.162
▶ Phải thu các khoản ứng trước tiền bán chứng khoán cho người đầu tư	260.694.246.604	203.554.006.741
▶ Phải thu khách hàng về nghiệp vụ giao dịch ký quỹ	647.585.181.717	185.273.928.623
▶ Phải thu từ các hợp đồng góp vốn hợp tác đầu tư chứng khoán (phát sinh trước ngày 30/8/2011)	-	1.300.000.000
▶ Phải thu từ trái phiếu Vinashin	-	60.000.000.000
▶ Phải thu từ thanh lý quỹ SSIVF	-	14.593.307.741
▶ Phải thu phí tư vấn	1.701.845.703	34.703.719.489
▶ Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư, quản lý quỹ	611.388.380	96.212.146
▶ Phải thu khác	3.664.079.391	502.948.422
Ứng trước cho người bán	8.066.208.100	4.092.973.299
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	1.446.438.742	7.317.649.764
Phải thu khác	140.899.107.090	339.346.884.820
▶ Lãi tiền gửi	4.519.633.260	19.567.552.410
▶ Phải thu tổ chức phát hành chứng khoán (trái tức, cổ tức)	48.191.823.117	44.600.956.072
▶ Phải thu hợp đồng môi giới trái phiếu (*)	85.300.000.000	272.100.000.000
Phải thu lãi hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán	-	150.944.442
Phải thu khác	2.887.650.713	2.927.431.896
	1.064.668.495.727	850.781.631.045

(*): Phải thu hợp đồng môi giới trái phiếu là các khoản phải thu theo các hợp đồng môi giới mua gom trái phiếu, theo đó Công ty sẽ đặt cọc cho khách hàng một số tiền để khách hàng mua trái phiếu theo yêu cầu của Công ty. Trong trường hợp không mua được trái phiếu, khách hàng sẽ phải hoàn trả lại tiền đặt cọc kèm theo một khoản phạt do không thực hiện được hợp đồng. Lãi phạt cho các hợp đồng này từ 7% đến 15%/năm. Xem thêm tại Thuyết minh số 29 - Thu nhập khác, chi phí khác.

8. TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 (VNĐ)	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 (VNĐ)
Khoản phải thu từ trái phiếu Vinashin đã đáo hạn	-	(51.000.000.000)
Lãi trái phiếu Vinashin	-	(5.934.246.575)
Khoản phải thu từ thanh lý quỹ SSIVF	-	(8.817.289.058)
Khác	(910.500.000)	(8.817.289.058)
	(910.500.000)	(66.184.835.633)

9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 (VNĐ)	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 (VNĐ)
Tạm ứng cho nhân viên	1.001.096.595	1.286.108.519
Chi phí trả trước ngắn hạn	2.420.492.298	5.092.189.783
Cầm cổ, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	567.305.000	542.305.000
Thuê TNDN được khấu trừ của công ty con	-	464.966.248
Thuê Giá trị gia tăng được khấu trừ	54.592.720	119.318.128
	4.043.486.613	7.504.887.678

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc (VNĐ)	Máy móc Thiết bị (VNĐ)	Phương tiện vận chuyển (VNĐ)	Thiết bị, dụng cụ quản lý (VNĐ)	Tổng cộng (VNĐ)
Nguyên giá					
Ngày 31/12/2012	2.609.391.520	78.273.378.386	13.168.207.403	1.964.378.397	96.015.355.706
Tăng trong kỳ	-	853.289.500	5.837.043.400	17.600.000	6.707.932.900
▶ Mua mới	-	853.289.500	5.837.043.400	17.600.000	6.707.932.900
Giảm trong kỳ	-	(18.138.268.852)	(4.500.989.400)	(918.734.755)	(23.557.993.007)
▶ Bán thanh lý	-	(239.900.601)	(4.483.694.400)	-	(4.723.595.001)
▶ Phân loại lại (*)	-	(17.898.368.251)	(17.295.000)	(918.734.755)	(18.834.398.006)
Ngày 31/12/2013	2.609.391.520	60.988.399.034	14.504.261.403	1.063.243.642	79.165.295.599
Hao mòn lũy kế					
Ngày 31/12/2012	1.753.649.765	58.501.766.148	9.914.015.713	1.751.576.383	71.921.008.009
Tăng trong kỳ	449.269.148	7.831.244.633	1.319.753.735	68.103.901	9.668.371.417
▶ Khấu hao	449.269.148	7.831.244.633	1.319.753.735	68.103.901	9.668.371.417
Giảm trong kỳ	-	(16.749.419.867)	(4.460.900.882)	(792.575.309)	(22.002.896.058)
▶ Bán thanh lý	-	(237.940.601)	(4.444.566.725)	-	(4.682.507.326)
▶ Phân loại lại (*)	-	(16.511.479.266)	(16.334.157)	(792.575.309)	(17.320.388.732)
Ngày 31/12/2013	2.202.918.913	49.583.590.914	6.772.868.566	1.027.104.975	59.586.483.368
Giá trị còn lại					
Ngày 31/12/2012	855.741.755	19.771.612.238	3.254.191.690	212.802.014	24.094.347.697
Ngày 31/12/2013	406.472.607	11.404.808.120	7.731.392.837	36.138.667	19.578.812.231

(*): Phân loại lại từ tài sản cố định sang chi phí trả trước theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 về Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Quyết định số 1173/QĐ-BTC ngày 21 tháng 5 năm 2013 về việc đính chính Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm (VNĐ)	Quyền sử dụng đất vô thời hạn (VNĐ)	Tài sản cố định vô hình khác (VNĐ)	Tổng cộng (VNĐ)
Nguyên giá				
Ngày 31/12/2012	44.949.378.591	109.671.558.000	1.656.576.688	156.277.513.279
Tăng trong kỳ	504.479.000	-	-	504.479.000
▶ Mua mới	504.479.000	-	-	504.479.000
Giảm trong kỳ	(46.641.753)	-	-	(46.641.753)
▶ Phân loại lại (*)	(46.641.753)	-	-	(46.641.753)
Ngày 31/12/2013	45.407.215.838	109.671.558.000	1.656.576.688	156.735.350.526
Hao mòn lũy kế				
Ngày 31/12/2012	33.524.372.300	-	1.595.395.896	35.119.768.196
Tăng trong kỳ	5.895.326.289	-	41.320.892	5.936.647.181
▶ Khấu hao	5.895.326.289	-	41.320.892	5.936.647.181
Giảm trong kỳ	(37.439.518)	-	-	(37.439.518)
▶ Phân loại lại (*)	(37.439.518)	-	-	(37.439.518)
Ngày 31/12/2013	39.382.259.071	-	1.636.716.788	41.018.975.859
Giá trị còn lại				
Ngày 31/12/2012	11.425.006.291	109.671.558.000	61.180.792	121.157.745.083
Ngày 31/12/2013	6.024.956.767	109.671.558.000	19.859.900	115.716.374.667

(*): Phân loại lại từ tài sản cố định sang chi phí trả trước theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 về Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Quyết định số 1173/QĐ-BTC ngày 21 tháng 5 năm 2013 về việc đính chính Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà và đất (VNĐ)
Nguyên giá	
Ngày 31/12/2012	283.612.736.520
Tăng trong năm	-
Giảm trong năm	-
Ngày 31/12/2013	283.612.736.520
Hao mòn lũy kế	
Ngày 31/12/2012	14.265.620.743
Tăng trong năm	8.543.542.297
▶ Khấu hao	8.543.542.297
Giảm trong năm	-
Ngày 31/12/2013	22.809.163.040
Giá trị còn lại	
Ngày 31/12/2012	269.347.115.777
Ngày 31/12/2013	260.803.573.480

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013 VÀ CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC CÙNG NGÀY

B09 - CTCK

Bắt động sản đầu tư bao gồm 6 (sáu) tòa nhà tại Mỹ mà Công ty Quốc tế SSI đã mua với mục đích cho thuê. Tại ngày 31/12/2011, nguyên giá của các toà nhà được ghi nhận là 13.769.423,66 USD, tương đương 282.497.013.600 đồng. Trong năm 2012, Công ty Quốc tế SSI đã điều chỉnh nguyên giá của các tòa nhà cho phù hợp với thực tế phát sinh; theo đó, nguyên giá mới là 13.824.781,70 USD, tương đương 283.612.736.520 đồng. Trong đó, giá trị đất là 2.544.423,18 USD, tương đương 52.065.180.034 đồng, và giá trị nhà là 11.280.358,52 USD, tương đương 231.547.556.486 đồng. Doanh thu từ hoạt động cho thuê tòa nhà trong năm 2013 là 8.762.460.881 đồng.

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

	% sở hữu của Công ty (%)	% biểu quyết của Công ty (%)	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 (VNĐ)	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 (VNĐ)
CTCP Hùng Vương	20,00%	20,01%	453.519.495.731	446.226.979.256
CTCP Xuyên Thái Bình	20,00%	20,22%	105.018.117.045	66.343.313.982
CTCP Sản xuất Kinh doanh XNK Bình Thạnh	25,65%	25,69%	88.966.776.847	80.423.308.230
CTCP Giồng cây trồng Trung ương	19,95%	20,00%	74.963.163.726	71.161.019.957
CTCP Giồng cây trồng Miền Nam	20,08%	20,13%	83.214.486.850	89.591.299.013
CTCP Chê biên Hàng xuất khẩu Long An	20,00%	20,02%	34.414.250.564	35.042.388.806
CT CP Đầu tư PTCN Điện tử - Viễn thông	20,01%	20,01%	173.966.308.277	200.600.757.738
CTCP Transimex-Saigon	20,00%	20,00%	126.916.483.591	114.887.252.451
CTCP Bibica	20,00%	20,00%	97.046.443.515	-
CTCP Khử trùng Việt Nam	20,04%	20,06%	111.735.341.097	-
CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre	-	-	-	112.184.115.815
			1.349.760.867.243	1.216.460.435.248

Tình hình biến động các khoản đầu tư vào công ty liên kết của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 và 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

	Năm nay (VNĐ)	Năm trước (VNĐ)
Số dư đầu năm	1.216.460.435.248	1.084.449.892.080
Mua trong năm	199.047.246.544	602.703.664.053
Thanh lý công ty liên kết trong năm	(111.288.030.642)	(492.759.712.518)
Lãi/ (lỗ) từ công ty liên kết ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trong năm	114.391.074.176	106.059.910.285
Bất lợi thương mại phát sinh trong năm	58.856.312.295	21.033.876.120
Lợi thế thương mại đã phân bổ trong năm	(57.036.455.340)	(32.135.113.076)
Phần chia sê lãi/(lỗ) trong năm	112.571.217.221	117.161.147.241
Cổ tức thực nhận	(66.179.761.600)	(81.004.026.000)
Vốn khác	(2.670.096.483)	(2.989.292.652)
Số dư cuối kỳ	1.349.760.867.243	1.216.460.435.248

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 (VNĐ)	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 (VNĐ)
Chi phí tư vấn trả trước	172.237.860	6.898.276.376
Chi phí cải tạo văn phòng và công cụ dụng cụ	309.668.964	1.963.484.017
	481.906.824	8.861.760.393

B09 - CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013 VÀ CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC CÙNG NGÀY

15. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 (VNĐ)	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 (VNĐ)
Tiền nộp ban đầu và bổ sung hàng năm	13.401.458.145	12.513.859.767
Tiền lãi phân bổ hàng năm	4.081.453.651	2.469.052.029
	17.482.911.796	14.982.911.796

16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 (VNĐ)	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 (VNĐ)
Vay ngắn hạn	-	90.000.000.000
Vay thấu chi ngân hàng	358.961.041.321	267.728.021.077
	358.961.041.321	357.728.021.077

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 (VNĐ)	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 (VNĐ)
Ứng trước phí tư vấn của khách hàng	4.862.033.750	4.040.373.750
Ứng trước trước tiền mua chứng khoán của khách hàng	146.009.400.000	95.009.400.000
	150.871.433.750	99.049.773.750

Khoản ứng trước tiền mua chứng khoán của khách hàng dùng để mua cổ phiếu chưa niêm yết. Do chưa hoàn tất thủ tục sang tên vì vậy cổ phiếu này vẫn được ghi nhận trên danh mục đầu tư dài hạn của Công ty.

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 (VNĐ)	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 (VNĐ)
Thuế Giá trị Gia tăng	222.307.832	4.040.373.750
Thuế Thu nhập Doanh nghiệp	26.987.387.074	95.009.400.000
Thuế Thu nhập Cá nhân	6.952.728.724	5.269.593.349
Thuế khác	1.600.284.675	9.111.512.048
	35.762.708.305	18.718.850.445

Bảng tổng hợp tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 được trình bày dưới đây:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013 VÀ CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC CÙNG NGÀY

B09 - CTCK

STT		Ngày 31 tháng 12 năm 2012 (VNĐ)	Số phải nộp trong năm (VNĐ)	Số đã nộp trong năm (VNĐ)	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 (VNĐ)
I	Thuế	18.253.884.197	152.336.555.399	(134.827.731.291)	35.762.708.305
1	Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	5.269.593.349	1.309.219.360	(6.356.504.877)	222.307.832
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	8.646.545.800	89.313.232.163	(70.972.390.889)	26.987.387.074
3	Các loại thuế khác	4.337.745.048	61.714.103.876	(57.498.835.525)	8.553.013.399
	> Thuế thu nhập cá nhân	3.079.650.025	16.535.090.230	(17.046.963.513)	2.567.776.742
	> Thuế thu nhập cá nhân nộp hộ nhà đầu tư	409.429.587	29.560.237.069	(25.584.714.674)	4.384.951.982
	> Thuế môn bài	-	12.000.000	(12.000.000)	-
	> Thuế khác	848.665.436	15.606.776.577	(14.855.157.338)	1.600.284.675
II	Các khoản phải nộp khác	-	10.000.000	(10.000.000)	-
		18.253.884.197	152.346.555.399	(134.837.731.291)	35.762.708.305

Số dư thuế thu nhập doanh nghiệp tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 tại Bảng tổng hợp tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách nhà nước của Công ty là 8.646.545.800 đồng, bao gồm số thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả của Công ty mẹ với số tiền là 9.111.512.048 đồng (Thuyết minh số 18) và số thuế thu nhập doanh nghiệp trả trước của công ty con với số tiền là 464.966.248 đồng (Thuyết minh số 9).

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 (VNĐ)	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 (VNĐ)
Phải trả nhân viên	2.911.720.419	53.077.997
Dự phòng quỹ tiền lương	17.000.000.000	-
	19.911.720.419	53.077.997

Số dư thuế thu nhập doanh nghiệp tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 tại Bảng tổng hợp tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách nhà nước của Công ty là 8.646.545.800 đồng, bao gồm số thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả của Công ty mẹ với số tiền là 9.111.512.048 đồng (Thuyết minh số 18) và số thuế thu nhập doanh nghiệp trả trước của công ty con với số tiền là 464.966.248 đồng (Thuyết minh số 9).

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 (VNĐ)	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 (VNĐ)
Chi phí lãi vay phải trả	100.306.793	594.967.678
Chi phí phải trả Sở Giao dịch Chứng khoán và Trung tâm lưu ký Chứng khoán	3.209.600.655	2.160.248.269
Phí phải trả cho Ngân hàng lưu ký	22.806.100	23.350.000
Chi phí lãi hợp đồng mua và bán lại chứng khoán, hợp tác kinh doanh phải trả	1.325.286.667	793.804.982
Phải trả hợp đồng đặt cọc trái phiếu	153.056.592	2.267.577.777
Phải trả chi phí đào tạo, hội thảo, tư vấn	600.000.000	425.000.000
Phí dịch vụ	637.196.818	881.658.000
Phí hoa hồng phải trả cho đối tác	1.524.651.663	741.039.893
Các khoản khác	856.506.167	1.296.143.954
	8.429.411.455	9.183.790.553

B09 - CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013 VÀ CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC CÙNG NGÀY

21. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 (VNĐ)	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 (VNĐ)
Phải trả hợp đồng bán và cam kết mua lại chứng khoán (*)	414.006.180.000	17.690.685.976
Phải trả hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	48.914.282.437
Phải trả cho khách hàng nước ngoài	50.767.329.469	1.065.450.092
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn của nhà đầu tư (**)	72.074.263.864	1.114.504.309.449
Các khoản khác	2.397.857.528	7.613.375.153
	539.245.630.861	1.189.788.103.107

(*): Khoản phải trả theo các cam kết bán và mua lại chứng khoán là khoản tiền Công ty nhận được khi bán các chứng khoán theo thỏa thuận bán và cam kết mua lại với khách hàng. (Thuyết minh số 36.5).

(**): Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn của nhà đầu tư bao gồm các khoản đặt cọc theo các hợp đồng môi giới mua chứng khoán. Công ty nhận tiền đặt cọc của khách hàng để thực hiện việc tìm mua chứng khoán theo yêu cầu của khách hàng. Trong trường hợp Công ty không tìm mua được chứng khoán trong thời gian hiệu lực của hợp đồng, Công ty sẽ phải hoàn trả tiền cọc cho khách hàng kèm theo một khoản lãi suất theo thỏa thuận. Lãi suất áp dụng cho các hợp đồng này từ 3,2% đến 10%/năm.

22. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 (VNĐ)	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 (VNĐ)
Phải trả về thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	94.665.215.100	238.080.145.000
Phải trả Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh	7.575.285.755	1.424.024.800
Phải trả người đầu tư về giao dịch chứng khoán	1.034.904.144.342	672.221.482.487
> Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư tại trụ sở chính	558.121.744.944	430.170.380.600
> Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư tại Chi nhánh Hà Nội	303.757.236.449	144.166.669.044
> Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư của các chi nhánh và phòng giao dịch khác	173.025.162.949	97.884.432.843
	1.137.144.645.197	911.725.652.287

23. PHẢI TRẢ CỔ TỨC VÀ LÃI TRÁI PHIẾU

	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 (VNĐ)	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 (VNĐ)
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	6.282.349.629	521.820.784
Phải trả cổ tức cho cổ đông và lãi trái phiếu SSI	4.870.447.300	3.953.103.066
	11.152.796.929	4.474.923.850

24. QUỸ KHEN THƯỞNG VÀ PHÚC LỢI

	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 (VNĐ)	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 (VNĐ)
Số dư đầu kỳ	75.065.576.088	90.064.800.637
Trích lập quỹ trong kỳ	28.857.962.690	-
Sử dụng trong kỳ	(13.973.097.902)	(14.999.224.549)
	11.152.796.929	4.474.923.850

Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi sử dụng chủ yếu cho mục đích thưởng và trả thù lao cho Ban Điều hành và nhân viên. Ngoài ra, Quỹ được sử dụng cho các mục đích phúc lợi khác.

25. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**25.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm 2013 như sau:

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (VNĐ)	Thặng dư vốn cổ phần (VNĐ)	Vốn khác của chủ sở hữu (VNĐ)	Cổ phiếu Quý (VNĐ)	Quý dự trữ pháp định và dự phòng tài chính (VNĐ)	Lợi nhuận chưa phân phối (VNĐ)	Tổng Cộng (VNĐ)
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	3.526.117.420.000	340.921.476.378	(2.605.677.770)	(89.246.186.000)	289.383.181.436	1.127.002.833.821	5.191.573.047.865
Tăng vốn	11.832.000.000	4.022.880.000	-	-	-	-	15.854.880.000
Trích quỹ dự trữ pháp định và dự phòng tài chính	-	-	-	-	46.429.937.816	(46.429.937.816)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao HĐQT	-	-	-	-	-	(28.857.962.690)	(28.857.962.690)
Cổ tức phải trả cổ đông năm 2012	-	-	-	-	-	(350.748.034.000)	(350.748.034.000)
Điều chỉnh thuế TNDN theo quyết toán thuế năm 2012	-	-	-	-	-	(932.032.304)	(932.032.304)
Chênh lệch phát sinh do công ty liên kết mua cổ phiếu quỹ	-	-	(2.752.445.202)	-	-	-	(2.752.445.202)
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	(131.760)	-	-	(131.760)
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	-	-	-	-	-	418.044.800.069	418.044.800.069
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	3.537.949.420.000	344.944.356.378	(5.358.122.972)	(89.246.317.760)	335.813.119.252	1.118.079.667.080	5.242.182.121.978

Ngày 28 tháng 01 năm 2013, Công ty đã hoàn tất việc phát hành 1.183.200 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động theo Nghị quyết số 01/2011/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 4 năm 2011 và Nghị quyết số 01/2012/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 4 năm 2012 của Đại hội đồng Cổ đông. Theo đó, Vốn đầu tư của chủ sở hữu và Thặng dư vốn cổ phần trong kỳ tăng lên tương ứng là 11.832.000.000 đồng và 4.022.880.000 đồng. Công ty đã nhận được Quyết định chấp thuận tăng vốn điều lệ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước vào ngày 01 tháng 3 năm 2013 ghi nhận mức vốn điều lệ mới là 3.537.949.420.000 đồng và đã cập nhật Điều lệ với số vốn mới.

Trong năm, Công ty đã mua tám (08) cổ phiếu SSI lẻ theo yêu cầu của nhà đầu tư.

Tình hình biến động nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (VNĐ)	Thặng dư vốn cổ phần (VNĐ)	Vốn khác của chủ sở hữu (VNĐ)	Cổ phiếu Quý (VNĐ)	Quý dự trữ pháp định và dự phòng tài chính (VNĐ)	Lợi nhuận chưa phân phối (VNĐ)	Tổng Cộng (VNĐ)
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	3.526.117.420.000	340.921.476.378	383.614.879	(88.591.286.000)	289.383.181.436	1.012.450.891.924	5.080.665.298.616
Điều chỉnh thuế TNDN phải nộp theo quyết toán thuế năm 2010	-	-	-	-	-	(182.594.264)	(182.594.264)
Trích cổ tức theo Nghị Quyết số 01/2012/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/4/2012	-	-	-	-	-	(349.564.842.000)	(349.564.842.000)
Khoản chênh lệch phát sinh do công ty liên kết mua bán cổ phiếu quỹ	-	-	(2.989.292.649)	-	-	-	(2.989.292.649)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	464.299.378.161	464.299.378.161
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	(654.900.000)	-	-	(654.900.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	3.526.117.420.000	340.921.476.378	(2.605.677.770)	(89.246.186.000)	289.383.181.436	1.127.002.833.821	5.191.573.047.865

Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận cho Công ty Cổ phần Chứng Khoán Sài Gòn mua lại 3.000.000 Cổ phiếu SSI làm cổ phiếu quỹ theo Công văn số 2235/2010/SGDHCM-NY ngày 01 tháng 12 năm 2010 và theo công văn số 434/2012/SGDHCM-NY ngày 14 tháng 3 năm 2012 cho phép Công ty mua lại cổ phiếu của cán bộ nhân viên theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty và sửa lỗi giao dịch tổng cộng là 46.900 cổ phiếu. Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2012 tổng cộng số lượng cổ phiếu quỹ là 3.046.900 cổ phiếu.

25.2 Thông tin bổ sung cho Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu

Chi tiêu	Ghi chú
1 - Phần cổ tức đã được đề xuất, hoặc được công bố sau ngày lập Bảng cân đối kế toán nhưng trước khi báo cáo tài chính được phép phát hành	Không có
2 - Giá trị cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận	Không có
3 - Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu	Không có

25.3 Cổ phiếu

	Ngày 31 tháng 12 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	353.794.942	352.611.742
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	353.794.942	352.611.742
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	353.794.942	352.611.742
Cổ phiếu phổ thông	353.794.942	352.611.742
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và chưa được góp vốn đầy đủ	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	(3.046.908)	(3.046.900)
Cổ phiếu quỹ do công ty nắm giữ	(3.046.908)	(3.046.900)
Cổ phiếu phổ thông	(3.046.908)	(3.046.900)
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu quỹ do công ty con của Công ty nắm giữ	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	350.748.034	349.564.842
Cổ phiếu phổ thông	350.748.034	349.564.842
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

26. DOANH THU

	Năm nay (VNĐ)	Năm Trước (VNĐ)
Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	726.943.829.636	849.294.221.184
Doanh thu môi giới chứng khoán cho người đầu tư	138.279.714.570	105.807.913.215
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	196.308.973.064	276.558.485.135
> Cổ tức	43.891.053.050	65.757.337.279
> Trái tức	67.976.928.764	72.002.225.568
> Lãi bán cổ phiếu, trái phiếu	42.543.244.951	85.917.525.175
> Doanh thu tự doanh từ ủy thác danh mục tại SSIAM	37.813.266.299	50.465.311.002
> Doanh thu hoạt động đầu tư khác	4.084.480.000	2.416.086.111
Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	181.607.894	29.061.000
Doanh thu quản lý danh mục đầu tư cho người ủy thác đầu tư	2.775.150.246	15.519.110.635
Doanh thu hoạt động tư vấn	28.691.792.508	79.784.442.039
Doanh thu lưu ký chứng khoán cho người đầu tư	5.345.687.143	5.191.757.059
Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	9.479.145.425	12.559.455.663
Doanh thu khác	345.881.758.786	353.843.996.438
> Thu lãi tiền gửi	276.264.791.950	297.101.205.062
> Doanh thu hoạt động giao dịch ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán	65.863.466.188	53.155.079.622
> Doanh thu khác	3.753.500.648	3.587.711.754
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	726.943.829.636	849.294.221.184

27. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm nay (VNĐ)	Năm Trước (VNĐ)
Chi phí môi giới, lưu ký chứng khoán	35.830.707.043	28.851.815.162
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	30.072.695.998	124.144.793.033
Hoàn nhập dự phòng hoạt động kinh doanh chứng khoán	(78.117.316.139)	(60.751.580.173)
Chi phí vốn kinh doanh chứng khoán	135.650.432.249	123.110.036.639
> Chi phí lãi vay	3.646.930.804	5.326.313.668
> Chi phí trả lãi kinh doanh chứng khoán cho nhà đầu tư	12.046.951.445	14.981.599.452
> Chi phí vốn khác	119.956.550.000	102.802.123.519
Chi phí hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư tài chính, tư vấn khác	-	940.350.000
Chi phí trực tiếp khác về kinh doanh chứng khoán	263.039.731.144	238.228.934.381
> Chi phí nhân viên	150.753.550.608	118.250.738.862
▪ Chi phí lương	116.820.159.027	97.759.739.693
▪ Chi phí bảo hiểm theo lương	7.377.361.939	7.044.155.778
▪ Chi phí đào tạo nhân viên khác	9.556.029.642	13.446.843.391
▪ Chi phí dự phòng quỹ lương	17.000.000.000	-
> Chi phí vật liệu, văn phòng phẩm	3.672.788.368	2.762.294.400
> Chi phí khấu hao và phân bổ	24.324.974.648	33.254.687.924
> Chi phí dịch vụ mua ngoài	53.249.256.996	54.439.248.999
> Chi phí thuê văn phòng	26.681.982.491	27.447.845.880
> Chi phí khác	4.357.178.033	2.074.118.316
386.476.250.295	454.524.349.042	

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay (VNĐ)	Năm Trước (VNĐ)
Chi phí nhân viên	10.631.003.097	9.131.007.751
Chi phí khấu hao và phân bổ	334.425.000	334.425.000
Chi phí dự phòng	477.200.000	7.781.367.123
Chi phí dịch vụ mua ngoài	580.015.000	744.832.200
	12.022.643.097	17.991.632.074

29. THU NHẬP KHÁC, CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay (VNĐ)	Năm Trước (VNĐ)
Thu nhập khác		
Lãi nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	1.827.272.727	1.709.721.479
Thu nhập từ lãi phạt thực hiện hợp đồng (*)	53.579.402.777	3.146.645.861
Thu nợ trái phiếu Vinashin đã dự phòng các năm trước	3.000.000.000	-
Thu nhập từ hoàn nhập dự phòng trợ cấp thôi việc	2.748.203.696	-
Thu nhập khác	1.915.581.922	222.913.745
	63.070.461.122	5.079.281.085
Chi phí khác		
Lỗ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	(41.087.694)	(651.003.553)
Chi phí khác	(31.199.670)	(7.796.680)
	(72.287.364)	(658.800.233)
	62.998.173.758	4.420.480.852

(*): Đây là khoản thu nhập từ lãi phạt thực hiện hợp đồng môi giới mua gom trái phiếu. Theo hợp đồng này, Công ty sẽ đặt cọc cho khách hàng một số tiền để khách hàng mua trái phiếu theo yêu cầu của Công ty. Trong trường hợp không mua được trái phiếu, khách hàng sẽ phải hoàn trả lại tiền đặt cọc kèm theo một khoản phạt do không thực hiện được hợp đồng. Xem thêm tại Thuyết minh số 7 – Các khoản phải thu ngắn hạn.

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho Công ty và các công ty con là 25% lợi nhuận chịu thuế. Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế, được kê khai và quyết toán thuế riêng biệt. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

30.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 và 31 tháng 12 năm 2012 được trình bày dưới đây:

	Năm nay (VNĐ)	Năm Trước (VNĐ)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	505.834.184.178	487.258.631.205
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận theo kế toán	(167.373.973.383)	(163.143.237.565)
Các khoản điều chỉnh tăng	234.664.251.388	210.987.995.176
› Chi phí dự phòng chứng khoán chưa niêm yết kỳ này	230.391.354.525	177.751.666.705
› Chi phí dự phòng trái phiếu Vinashin	-	33.000.000.000
› Các chi phí không hợp lý	4.119.840.271	236.328.471
› Chi phí khấu trừ thuế năm sau	153.056.592	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(402.038.224.771)	(374.131.232.741)
› Lỗ năm trước chuyển sang	-	(90.322.087.228)
› Lợi nhuận trước thuế từ công ty con	(10.305.886.449)	(19.707.573.843)
› Lợi nhuận từ công ty liên kết (*)	(114.391.074.176)	(106.059.910.284)
› Cổ tức không chịu thuế	(41.107.955.050)	(65.072.337.279)
› Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán chưa niêm yết năm trước	(177.751.666.705)	(45.025.264.646)
› Hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư vào công ty liên kết cho mục đích hợp nhất	(21.686.410.041)	71.892.050.758
› Hủy lỗ do thanh lý cổ phiếu công ty liên kết trên báo cáo tài chính riêng	(2.584.946.387)	(119.836.110.219)
› Hoàn nhập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	(1.210.285.963)	-
› Dự phòng phải thu khó đòi – Trái phiếu Vinashin	(33.000.000.000)	-
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	338.460.210.795	324.115.393.640
Thuế TNDN phải trả ước tính kỳ hiện hành của Công ty mẹ	84.615.052.699	81.028.848.410
Thuế TNDN phải trả của công ty con	3.766.147.160	1.535.033.752
Chi phí thuế TNDN hiện hành	88.381.199.859	82.563.882.162
Thuế TNDN phải trả đầu năm	8.646.545.800	(3.347.725.304)
Điều chỉnh tăng thuế TNDN theo quyết toán thuế	932.032.304	182.594.264
Thuế TNDN đã trả trong năm	(70.972.390.889)	(70.752.205.322)
	26.987.387.074	8.646.545.800

(*): Ghi nhận theo phương pháp kế toán vốn chủ sở hữu (không bao gồm phần thực nhận).

30.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Biến động của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 và 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013 VÀ CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC CÙNG NGÀY

B09 - CTCK

	Năm nay (VNĐ)	Năm Trước (VNĐ)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Số dư đầu năm	52.687.916.677	8.330.545.610
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do tăng chi phí dự phòng chứng khoán chưa niêm yết không được khấu trừ thuế trong năm	6.248.181.319	39.410.567.543
Thuế hoãn lại của công ty con	-	(3.000.624.998)
Thuế TNDN hoãn lại tăng/(giảm) do chuyển dự phòng phải thu trái phiếu Vinashin đã trích kỳ trước sang tính thuế TNDN hiện hành theo Thông tư 228/2009/TT-BTC	(8.250.000.000)	8.250.000.000
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do hoàn nhập dự phòng trợ cấp mất việc làm năm 2008	-	(302.571.479)
Thuế hoãn lại liên quan đến các chi phí khấu trừ thuế năm sau	33.672.451	-
Số dư cuối năm	50.719.770.447	52.687.916.677

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả

Biên động của thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 và 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

	Năm nay (VNĐ)	Năm Trước (VNĐ)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Số dư đầu năm	27.152.554.376	43.592.871.995
Thuế từ lợi nhuận trong năm của công ty con	(1.745.259.730)	1.410.687.832
Thuế từ hoàn nhập dự phòng của công ty liên kết trong năm	(105.837.736)	(17.851.005.451)
Số dư cuối năm	25.301.456.910	27.152.554.376

Chi phí (thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Công ty đã ghi nhận chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập hoãn lại vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 và 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

	Năm nay (VNĐ)	Năm Trước (VNĐ)
Thuế từ lãi chưa thực hiện của Quỹ Đầu tư Thành viên SSI	(1.745.259.730)	1.410.687.768
Thuế hoãn lại phát sinh do hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư vào công ty liên kết cho mục đích hợp nhất	(105.837.736)	(17.851.005.451)
Thuế hoãn lại phát sinh do tăng/giảm chi phí dự phòng chứng khoán chưa niêm yết không được khấu trừ thuế	(6.248.181.319)	(36.409.942.544)
Thuế hoãn lại phát sinh do tăng chi phí dự phòng Trái phiếu Vinashin	8.250.000.000	(8.250.000.000)
Thuế hoãn lại phát sinh do hoàn nhập dự phòng trợ cấp mất việc làm năm 2008	-	302.571.479
Thuế hoãn lại liên quan đến các chi phí khấu trừ thuế năm sau	(33.672.451)	-
	117.048.764	(60.797.688.748)

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh liên quan đến các khoản dự phòng giảm giá chứng khoán chưa niêm yết tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2013 chuyển sang khấu trừ thuế trong các năm tiếp theo với mức thuế suất áp dụng từ năm 2014 là 22%.

B09 - CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013 VÀ CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC CÙNG NGÀY

31. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

	Năm nay (VNĐ)	Năm Trước (VNĐ)
Số dư đầu năm	83.699.169.429	76.506.109.799
Vốn góp của cổ đông thiểu số tăng trong năm	-	6.000.000.000
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế của cổ đông thiểu số	(708.864.514)	1.193.059.630
Số dư cuối năm	82.990.304.915	83.699.169.429

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH NDH Việt Nam	Chủ tịch Hội đồng quản trị SSI cũng là chủ đầu tư vốn vào công ty TNHH
Công ty TNHH Tư vấn và Đầu tư NDH Việt Nam	Chủ tịch Hội đồng quản trị SSI cũng là chủ đầu tư vốn vào công ty TNHH
Công ty CP Đầu tư Đường Mặt Trời (*)	Công ty nhận vốn đầu tư và Chủ tịch HĐQT là em trai của Chủ tịch Hội đồng Quản trị SSI
Ngân hàng ANZ	Cổ đông chiến lược
Daiwa Securities Group Inc	Cổ đông chiến lược
Công ty CP Xuyên Thái Bình	Công ty có đồng chủ tịch Hội đồng quản trị, công ty liên kết
Công ty CP Thủy sản Hùng Vương	Công ty liên kết
Công ty CP Sản xuất - Kinh doanh - Xuất nhập khẩu Bình Thạnh	Công ty liên kết
Công ty CP Giồng cây trồng Trung ương	Công ty liên kết
Công ty CP Giồng cây trồng Miền Nam	Công ty liên kết
Công ty CP Chế biến hàng xuất khẩu Long An	Công ty liên kết
Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Bibica	Công ty liên kết
Công ty CP Khử trùng Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty CP Kho vận Giao nhận Ngoại thương TP HCM (Transimex-Saigon)	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần XNK Thủy sản Bến Tre	Công ty con của Công ty CP Xuyên Thái Bình

(*): Công ty Cổ phần Đầu tư Đường Mặt Trời, tiền thân là Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản SSI.

Số dư các khoản phải thu/(phải trả) và các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

Công ty liên quan	Giao dịch	Phải thu/ (phải trả)				Doanh thu/ chi phí (VNĐ)
		Số đầu năm (VNĐ)	Tăng trong năm (VNĐ)	Giảm trong năm (VNĐ)	Số cuối năm (VNĐ)	
Công ty CP Đầu tư Đường Mặt Trời	Góp vốn đầu tư	14.999.990.000	15.000.000.000	(14.999.990.000)	15.000.000.000	-
	Đặt cọc môi giới mua bán trái phiếu	272.100.000.000	1.340.000.000.000	(1.526.800.000.000)	85.300.000.000	-
	Lãi đặt cọc môi giới mua bán TP		52.973.402.776	(52.973.402.776)	-	52.973.402.776
	Cổ tức (15%)	-	2.249.998.500	(2.249.998.500)	-	2.249.998.500
	Phí dịch vụ	-	500.756.341	(500.756.341)	-	500.756.341
	Phí tư vấn đầu tư chứng khoán		3.000.000.000	(3.000.000.000)	-	3.000.000.000
	Hợp tác kinh doanh	(35.255.470.023)		35.255.470.023	-	-
	Lãi hợp tác kinh doanh	(429.029.173)	(294.043.761)	723.072.934		(294.043.761)
	Đặt cọc môi giới chứng khoán	-	(1.358.855.243.879)	1.357.555.243.879	(1.300.000.000)	-
	Lãi tiền đặt cọc môi giới chứng khoán	-	(988.118.771)	988.118.771	-	(988.118.771)
Tiền thuê mặt bằng	-	(8.376.894.166)	8.376.894.166	-	(8.376.894.166)	
Công ty TNHH NDH	Phí giao dịch chứng khoán	-	552.055.452	(552.055.452)	-	552.055.452
	Trả cổ tức bằng tiền	-	(28.705.036.000)	28.705.036.000	-	-
Ngân hàng ANZ Việt Nam	Tiền gửi của nhà đầu tư	455.315.961	901.216.521	(1.293.345.084)	63.187.398	-
	Tiền gửi của công ty	364.590.425	21.450.541.112	(20.701.751.817)	1.113.379.720	-
	Trả cổ tức bằng tiền	-	(61.934.420.000)	61.934.420.000	-	-
Công ty TNHH Tư vấn và Đầu tư NDH Việt Nam	Hợp tác kinh doanh	(518.584.378)	-	518.584.378	-	-
	Lãi hợp tác kinh doanh	(3.290.423)	(212.285)	3.502.708	-	(212.285)
	Nhận đặt cọc môi giới chứng khoán	-	(634.582.391)	634.582.391	-	-
	Lãi nhận đặt cọc môi giới chứng khoán	-	(25.411.179)	25.411.179	-	(25.411.179)
Công ty CP Xuyên Thái Bình	Góp vốn đầu tư theo phương pháp vốn chủ	66.343.313.982	45.702.737.284	(7.027.934.221)	105.018.117.045	-
	Phí giao dịch chứng khoán	-	436.894.950	(436.894.950)	-	436.894.950
	Phí hợp đồng tư vấn	-	3.201.700.000	(3.201.700.000)	-	3.201.700.000
	Ứng trước tiền mua chứng khoán	(50.100.000.000)	-	-	(50.100.000.000)	-
	Chi phí thuê kho và dịch vụ	-	(1.149.134.370)	1.149.134.370	-	(1.149.134.370)
	Nhận đặt cọc môi giới chứng khoán	-	(108.000.000.000)	108.000.000.000	-	-
	Doanh thu tư vấn nhận trước	-	(30.000.000)	-	(30.000.000)	-
	Lãi nhận đặt cọc phải trả	-	(1.159.799.867)	1.159.799.867	-	(1.159.799.867)
Công ty Cổ phần XNK Thủy sản Bến Tre	Góp vốn đầu tư theo phương pháp vốn chủ	99.238.259.746	840.912.690	(100.079.172.436)	-	-
	Phí giao dịch chứng khoán	-	26.560.847	(26.560.847)	-	26.560.847
	Cổ tức nhận được	-	1.641.180.000	(1.641.180.000)	-	1.641.180.000
	Khách hàng ứng trước phí tư vấn	-	(50.000.000)	50.000.000	-	(50.000.000)
	Nhận cọc môi giới mua bán chứng khoán	-	(18.800.000.000)	18.800.000.000	-	-
	Lãi nhận cọc môi giới mua bán chứng khoán	-	(35.292.326)	35.292.326	-	(35.292.326)
Công ty Cổ phần Hùng Vương	Góp vốn đầu tư theo phương pháp vốn chủ	445.144.762.326	38.043.417.353	(30.784.665.066)	452.403.514.613	-
	Phí giao dịch chứng khoán	-	300.715.000	(300.715.000)	-	300.715.000
	Ứng trước tiền mua chứng khoán	(30.000.000.000)	(6.825.000.000)	36.825.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Sản xuất - Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh	Góp vốn đầu tư theo phương pháp vốn chủ	76.694.531.249	16.251.160.063	(6.050.457.183)	86.895.234.129	-
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương	Góp vốn đầu tư theo phương pháp vốn chủ	53.011.669.524	17.621.576.071	(6.019.269.000)	64.613.976.594	-
	Phí tư vấn ứng trước	-	(50.000.000)		(50.000.000)	-
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	Góp vốn đầu tư theo phương pháp vốn chủ	53.753.712.881	17.709.527.870	(6.011.544.000)	65.451.696.751	-
Công ty Cổ phần chế biến hàng xuất khẩu Long An	Góp vốn đầu tư theo phương pháp vốn chủ	16.245.094.201	6.890.779.602	-	23.135.873.803	-

Công ty liên quan	Giao dịch	Phải thu/ (phải trả)				Doanh thu/ chi phí (VNĐ)
		Số đầu năm (VNĐ)	Tăng trong năm (VNĐ)	Giảm trong năm (VNĐ)	Số cuối năm (VNĐ)	
Công ty Cổ phần Kho vận Giao nhận Ngoại thương Thành phố Hồ Chí Minh (Transimex-Saigon)	Góp vốn đầu tư theo phương pháp vốn chủ	114.887.252.451	19.413.260.740	(7.384.029.600)	126.916.483.591	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông	Góp vốn đầu tư theo phương pháp vốn chủ	134.507.941.634	9.448.053.821	(14.238.241.757)	129.717.753.698	-
	Phí tư vấn ứng trước	-	2.865.168.043	-	2.865.168.043	-
Công ty Cổ phần Bibica	Góp vốn đầu tư theo phương pháp vốn chủ	-	102.598.214.113	(5.551.770.600)	97.046.443.513	-
Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam	Góp vốn đầu tư theo phương pháp vốn chủ	-	120.584.006.044	(8.848.664.947)	111.735.341.097	-
Daiwa Securities Group Inc	Trả cổ tức bằng tiền	-	(35.471.420.000)	35.471.420.000	-	-
Cá nhân, tổ chức liên quan khác	Nhận cọc môi giới mua bán chứng khoán	-	(2.005.055.404)	-	(2.005.055.404)	-
	Lãi nhận cọc môi giới mua bán chứng khoán	-	(5.380.104)	5.321.478	(58.626)	(5.380.104)
	Trả cổ tức bằng tiền	-	(20.999.688.000)	20.999.688.000	-	-

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong năm là 10.726.583.119 đồng (bao gồm thuế thu nhập cá nhân và các khoản bảo hiểm bắt buộc).

33. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Công ty chưa tính và trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu do chưa có hướng dẫn chi tiết của Bộ Tài chính.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản:

	Năm nay (VNĐ)	Năm Trước (VNĐ)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông - VNĐ	418.044.800.069	464.299.378.161
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	350.654.030	349.577.749
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu - VNĐ	1.192	1.328

34. THÔNG TIN BÁO CÁO CÁC BỘ PHẬN

Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty liên quan	Môi giới và dịch vụ khách hàng (VNĐ)	Tự doanh (VNĐ)	Kinh doanh nguồn vốn (VNĐ)	Quản lý danh mục (VNĐ)	Ngân hàng đầu tư và bộ phận khác (VNĐ)	Tổng cộng (VNĐ)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013						
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh chứng khoán	209.583.052.246	310.700.047.240	335.063.151.027	2.775.150.247	38.352.545.871	896.473.946.631
2. Các chi phí trực tiếp	48.147.054.326	(48.044.620.136)	136.312.553.199	2.821.013.823	1.594.761.156	140.830.762.368
3. Khấu hao và các chi phí phân bổ	157.166.596.669	23.819.910.967	14.032.167.598	28.139.465.970	26.650.858.881	249.809.000.085
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế	4.269.401.251	334.924.756.409	184.718.430.230	(28.185.329.546)	10.106.925.834	505.834.184.178
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013						
1. Tài sản bộ phận	2.148.704.875.977	3.588.953.766.358	1.539.819.633.260	611.388.380	791.345.703	7.278.881.009.678
2. Tài sản phân bổ	111.081.511.393	8.614.484.557	2.266.969.620	12.241.635.949	11.788.242.025	145.992.843.544
3. Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	280.199.661.518
Tổng tài sản	2.259.786.387.370	3.597.568.250.915	1.542.086.602.880	12.853.024.329	12.579.587.728	7.705.073.514.740
1. Nợ phải trả bộ phận	1.196.890.689.061	150.395.182.035	847.352.065.429	-	5.985.480.267	2.200.623.416.792
2. Nợ phân bổ	83.590.774.898	6.482.549.890	1.705.934.182	9.212.044.581	8.870.857.744	109.862.161.295
3. Nợ không phân bổ	-	-	-	-	-	69.415.509.760
Tổng công nợ	1.280.481.463.959	156.877.731.925	849.057.999.611	9.212.044.581	14.856.338.011	2.379.901.087.847

Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực địa lý

Hoạt động của Công ty diễn ra chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam.

Công ty có một (01) công ty con hoạt động tại Mỹ là Công ty Quốc tế SSI ("SSI IC") hoạt động trong lĩnh vực đầu tư vào kinh doanh bất động sản, văn phòng tại Mỹ. Tuy nhiên, doanh thu, chi phí từ hoạt động kinh doanh cũng như tổng tài sản của SSI IC chiếm tỷ trọng rất thấp so với tổng doanh thu, chi phí và tổng tài sản của toàn Công ty (khoảng 2% đến 4%). Do đó, Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý trên Thuyết minh các Báo cáo tài chính hợp nhất

35. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

35.1 Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các khoản tiền thuê này được xác định trên cơ sở giá thuê trên hợp đồng hiệu lực vào ngày 31 tháng 12 năm 2013. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 (VNĐ)	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 (VNĐ)
Đến 1 năm	23.732.515.495	23.197.788.906
Trên 1 - 5 năm	41.218.171.176	50.011.018.221
Trên 5 năm	632.125.080	-

35.2 Nghiệp vụ ký quỹ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và 31 tháng 12 năm 2012, giá trị vốn mà Công ty đã cam kết cung cấp cho các nhà đầu tư trong khuôn khổ nghiệp vụ ký quỹ như sau:

Chi nhánh	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 (VNĐ)	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 (VNĐ)
Trụ sở chính (TP Hồ Chí Minh)	111.735.551.347	12.098.963.670
Chi nhánh Hà Nội	49.822.308.927	8.338.774.355
Hải Phòng	3.989.188.759	831.983.430
Nguyễn Công Trứ (TP Hồ Chí Minh)	33.859.702.278	2.595.861.130
Nha Trang	2.560.475.079	278.041.702
Vũng Tàu	4.936.037.314	204.588.404
Mỹ Đình	15.511.554.578	347.365.970
	222.414.818.282	24.695.578.661

36. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là hỗ trợ tài chính cho hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản hợp tác kinh doanh, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi kỳ hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty còn nắm giữ các khoản đầu tư ngắn hạn và đầu tư chứng khoán sẵn sàng để bán. Công ty không nắm giữ hoặc phát hành các công cụ tài chính phái sinh.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty có hệ thống kiểm soát mức cân đối có thể chấp nhận được giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc theo dõi liên tục quy trình quản lý rủi ro của Công ty nhằm đảm bảo mức cân đối phù hợp giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thông nhất các chính sách quản lý những rủi ro này như tổng hợp dưới đây.

36.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư ngắn hạn và đầu tư chứng khoán sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy cảm như trình bày dưới đây liên quan đến trạng thái của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Các phân tích độ nhạy cảm này được lập trên cơ sở giá trị nợ thuần, tỷ suất giữa lãi suất cố định với lãi suất thả nổi của các khoản nợ và tỷ lệ các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ đều cố định.

Khi tính toán phân tích độ nhạy cảm, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng bảng cân đối kế toán có liên quan đến chứng khoán nợ sẵn sàng để bán; độ nhạy cảm của các khoản mục trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tương ứng là sự ảnh hưởng của những thay đổi giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Giả định này dựa trên các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản hợp tác kinh doanh, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, và các khoản nợ phải trả tài chính. Những khoản đầu tư này phần lớn là ngắn hạn, và không được nắm giữ với mục đích đầu cơ. Nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Độ nhạy lãi suất

Phân tích về mức độ nhạy cảm với lãi suất không được thực hiện cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 do mức độ rủi ro lãi suất của Công ty rất nhỏ và các khoản nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái. Rủi ro về thay đổi tỷ giá ngoại tệ của Công ty chủ yếu liên quan đến các hoạt động của Công ty khi doanh thu hoặc chi phí có gốc tiền tệ khác so với đồng tiền kế toán của Công ty.

Độ nhạy ngoại tệ

Tại ngày báo cáo, Công ty Quốc Tế SSI sở hữu 5.172.834,07 đô la Mỹ, tương đương 108.991.613.856 đồng Việt Nam. Sự tăng (hoặc giảm) 10% của tỷ giá liên ngân hàng có thể làm tổng tài sản của Công ty tăng (hoặc giảm) 10.899.161.386 đồng, và làm tăng (hoặc giảm) lợi nhuận của Công ty lên một khoản tương ứng.

Công ty cũng đang nắm giữ 2.413.355 đô la Mỹ, tương đương 50.767.329.469 đồng Việt Nam, của một số nhà đầu tư nước ngoài. Khoản tiền này được phân loại vào khoản mục Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty. Sự tăng (hoặc giảm) 10% của tỷ giá quy đổi có thể làm tổng tài sản và tổng công nợ của Công ty giảm (hoặc tăng) đồng thời số tiền là 5.076.732.947 đồng. Lợi nhuận của Công ty không bị ảnh hưởng.

Rủi ro về giá cổ phần

Chứng khoán vốn niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ chịu ảnh hưởng của rủi ro giá thị trường phát sinh do tình trạng không chắc chắn về giá trị trong tương lai của các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại ngày báo cáo, giá trị hợp lý của chứng khoán vốn niêm yết là 745.296.237.046 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 557.376.403.902 đồng). Sự tăng (hoặc giảm) 10% của chỉ số chứng khoán có thể làm tăng (hoặc giảm) một tỷ lệ tương ứng trên doanh thu từ hoạt động đầu tư của Công ty, tùy thuộc vào mức độ trọng yếu và kéo dài của sự suy giảm, và tùy thuộc vào trạng thái nắm giữ của danh mục đối với những cổ phiếu có ảnh hưởng đáng kể tới chỉ số của thị trường.

36.2 Rủi ro giá hàng hóa

Công ty không có rủi ro về thay đổi giá hàng hóa.

36.3 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Đầu tư chứng khoán nợ

Rủi ro tín dụng liên quan đến đầu tư chứng khoán nợ dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty về đầu tư chứng khoán. Tại mỗi kỳ lập báo cáo tài chính, Công ty đánh giá rủi ro tín dụng đối với các chứng khoán nợ trên cơ sở thông tin về tình hình thị trường và khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Các khoản phải thu khách hàng của Công ty thuộc một số lượng lớn khách hàng đa dạng và có tài sản bảo đảm đối ứng, do đó ít có rủi ro tập trung về tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng lớn tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng từ số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận kế toán và bộ phận Nguồn vốn theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các thành phần trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ. Công ty đánh giá rủi ro tập trung về tín dụng liên quan đến tiền gửi ngân hàng ở mức thấp.

36.4 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời gian đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Không kỳ hạn	Đến 3 tháng	Từ 3 - 12 tháng	Từ 1 - 5 năm	Tổng cộng
Ngày 31 tháng 12 năm 2013					
Vay và nợ phải trả	358.961.041.321	-	-	-	358.961.041.321
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	1.034.904.144.342	102.240.500.855	-	-	1.137.144.645.197
Chi phí phải trả	7.755.624	7.821.655.831	600.000.000	-	8.429.411.455
Các khoản phải trả, phải nộp khác	51.439.217.880	487.806.412.981	-	-	539.245.630.861
Ngày 31 tháng 12 năm 2012	1.445.312.159.167	597.868.569.667	600.000.000	-	2.043.780.728.834
Vay và nợ phải trả	267.728.021.077	90.000.000.000	-	-	357.728.021.077
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	672.221.482.487	239.504.169.800	-	-	911.725.652.287
Chi phí phải trả	562.422.714	8.131.136.939	490.230.900	-	9.183.790.553
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.624.449.596	1.185.163.653.511	-	-	1.189.788.103.107
	945.136.375.874	1.522.798.960.250	490.230.900	-	2.468.425.567.024

Công ty đã đánh giá mức độ rủi ro tập trung thông qua khả năng các khoản nợ được tái tài trợ hoặc được tái tục với chủ nợ hiện tại, khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán là tiền gửi của nhà đầu tư được quản lý tách biệt khỏi tiền gửi công ty và đối ứng bằng số dư tiền luôn luôn sẵn có tại ngân hàng.

36.5 Các khoản đảm bảo

Tại ngày báo cáo, Công ty đang tham gia các hợp đồng bán và cam kết mua lại chứng khoán có kỳ hạn 3 tháng. Tài sản của Công ty được dùng để giao dịch trong các hợp đồng này là các trái phiếu phát hành bởi tổ chức tín dụng với tổng giá trị theo sổ kế toán là 509.147.270.259 đồng, giá trị bán 414.006.180.000 đồng và giá trị mua lại là 418.917.660.000 đồng.

Công ty có giữ các khoản chứng khoán như tài sản cầm cố của khách hàng cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012.

37. THUYẾT MINH BỔ SUNG THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ 210/2009/TT-BTC

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính (“Thông tư 210”) có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011. Thông tư 210 đã đưa ra các định nghĩa về công cụ tài chính, bao gồm tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, công cụ tài chính phái sinh và công cụ vốn chủ sở hữu cũng như quy định cách thức phân loại, trình bày và thuyết minh các loại công cụ này.

Do Thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, các khái niệm dưới đây theo Thông tư 210 chỉ áp dụng đối với việc lập Thuyết minh này. Các khoản mục tài sản và nợ của Công ty vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam, các chính sách kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định có liên quan đến việc lập và trình bày các báo cáo tài chính kèm theo.

Tài sản tài chính

Các tài sản tài chính của Công ty theo phạm vi của Thông tư 210/2009/TT-BTC bao gồm tiền mặt, các khoản tiền gửi tại các tổ chức tín dụng, các khoản chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư, các phải thu và các tài sản theo các hợp đồng phái sinh tiền tệ.

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất, thành một trong các loại sau:

- ▶ Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:
 - Là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
 - Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
 - ▶ Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:
 - Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà đơn vị có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

➤ Các khoản cho vay và phải thu:

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- Các khoản mà đơn vị có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được đơn vị xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản được đơn vị xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

➤ Tài sản sẵn sàng để bán:

Là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;
- Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty theo phạm vi của Thông tư 210/2009/TT-BTC bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả và các khoản nợ phải trả theo các hợp đồng phái sinh tiền tệ.

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất, được phân loại một cách phù hợp thành:

➤ Các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, đơn vị xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

➤ Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Bù trừ các tài sản và nợ phải trả tài chính

- Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Xác định giá trị hợp lý của công cụ tài chính

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu được Công ty đánh giá dựa trên các thông tin như tình hình thị trường và khả năng trả nợ vay của từng khách hàng. Trên cơ sở đánh giá này, Công ty ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.
- Giá trị hợp lý của chứng khoán niêm yết được xác định dựa trên giá công bố, nếu có, trên các thị trường có giao dịch.
- Giá trị hợp lý của công cụ chưa được niêm yết được xác định dựa trên báo giá hoặc giá trị tài sản ròng/giá trị sổ sách của đơn vị phát hành, giá yết trên các tạp chí đầu tư chứng khoán. Trường hợp không có đủ nguồn thông tin uy tín và đáng tin cậy để xác định giá trị thị trường, giá trị hợp lý của công cụ chưa niêm yết được phản ánh theo giá gốc.

Bảng so sánh giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính của Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính như sau:

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2013		Ngày 31 tháng 12 năm 2012		Ngày 31 tháng 12 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	1.693.567.623.260	(132.592.739.561)	2.292.163.797.759	(194.353.925.227)	1.620.707.962.192	2.118.646.503.055
Chứng khoán thương mại	644.567.623.260	(132.592.739.561)	589.163.797.759	(194.353.925.227)	571.707.962.192	415.646.503.055
Cổ phiếu niêm yết	379.014.488.551	(68.633.045.426)	477.229.343.888	(147.309.314.209)	370.106.547.553	350.756.660.202
Cổ phiếu chưa niêm yết	265.553.134.709	(63.959.694.135)	99.434.453.871	(47.044.611.018)	201.601.414.639	52.389.842.853
Trái phiếu (*)	-	-	12.500.000.000	-	-	12.500.000.000
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	1.049.000.000.000	-	1.703.000.000.000	-	1.049.000.000.000	1.703.000.000.000
Tiền gửi ngắn hạn	1.049.000.000.000	-	1.703.000.000.000	-	1.049.000.000.000	1.703.000.000.000
Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác	1.056.602.287.627	(910.500.000)	846.688.657.747	(66.184.835.634)	1.055.691.787.627	780.503.822.113
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	1.046.043.291.514	(29.094.601.173)	1.056.730.351.972	(82.059.042.586)	1.058.915.166.033	978.312.318.590
Chứng khoán sẵn sàng để bán	1.046.043.291.514	(29.094.601.173)	1.056.730.351.972	(82.059.042.586)	1.058.915.166.033	978.312.318.590
Cổ phiếu niêm yết	334.490.654.112	(1.267.440.783)	258.115.910.455	(53.348.175.958)	375.189.689.021	206.619.743.701
Cổ phiếu chưa niêm yết	78.263.507.174	(27.827.160.390)	131.989.207.174	(28.710.866.628)	50.436.346.784	105.067.340.546
Trái phiếu (*)	633.289.130.228	-	666.625.234.343	-	633.289.130.228	666.625.234.343
Đầu tư dài hạn khác	538.617.000.000	(138.604.500.000)	548.616.990.000	(93.178.900.000)	400.012.500.000	455.438.090.000
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.838.619.478.462	-	1.947.090.450.986	-	1.838.619.478.462	1.947.090.450.986
Tổng cộng	6.173.449.680.863	(301.202.340.734)	6.691.290.248.464	(435.776.703.447)	5.973.946.894.314	6.279.991.184.744
Nợ phải trả tài chính (*)						
Vay và nợ	358.961.041.321	-	357.728.021.077	-	358.961.041.321	357.728.021.077
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	1.137.144.645.197	-	911.725.652.287	-	1.137.144.645.197	911.725.652.287
Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	605.427.160	-	605.427.160	-	605.427.160	605.427.160
Chi phí phải trả	8.429.411.455	-	9.183.790.553	-	8.429.411.455	9.183.790.553
Các khoản phải trả, phải nộp khác	551.080.926.974	-	1.195.006.742.142	-	551.080.926.974	1.195.006.742.142
Tổng cộng	2.056.221.452.107	-	2.474.249.633.219	-	2.056.221.452.107	2.474.249.633.219

(*) Giá trị hợp lý của những khoản mục này được trình bày theo giá trị ghi sổ do không có đủ thông tin để xác định giá trị hợp lý.

38. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ngày 11 tháng 3 năm 2014, Công ty đã hoàn tất giao dịch bán 420.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Hùng Vương (Mã giao dịch: HVG) (tương đương 0,35% số cổ phiếu có quyền biểu quyết) theo phương thức khớp lệnh trên sàn, làm giảm tổng tỷ lệ sở hữu trực tiếp và gián tiếp của Công ty tại HVG còn 23.591.515 cổ phiếu (tương đương 19,66% số cổ phiếu có quyền biểu quyết). Do đó, Công ty Cổ phần Hùng Vương không còn là công ty liên kết của Công ty trên báo cáo tài chính hợp nhất sau ngày kết thúc kỳ kế toán.

Người lập



Bà Hoàng Thị Minh Thủy
Kê toán Trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 05 tháng 4 năm 2014

Người phê duyệt



Bà Nguyễn Thị Thanh Hà
Giám đốc Tài chính

Người phê duyệt



Ông Nguyễn Duy Hưng
Tổng Giám đốc

NHẬN XÉT CỦA KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Hoạt động kiểm toán nội bộ được xây dựng và hoạt động theo quyết định của Ban Tổng Giám đốc và trực thuộc khối Quản trị Kiểm soát của Công ty. Bộ phận kiểm toán nội bộ với đội ngũ nhân viên có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán kiểm toán, có các chứng chỉ hành nghề chứng khoán để thực hiện các chức năng và nhiệm vụ được giao. Kiểm toán nội bộ là bộ phận quan trọng trong Công ty, hoàn toàn độc lập với tất cả các bộ phận khác, là cánh tay phải của Ban Tổng Giám đốc trong việc kiểm tra hoạt động tài chính, kế toán của Công ty. Kiểm toán nội bộ là bộ phận chịu trách nhiệm xem xét lại một cách định kỳ các công việc của phòng kế toán, các số liệu của Báo cáo tài chính, báo cáo vốn khả dụng ... và tìm ra các sai sót trong quản lý kế toán, tài chính để kịp thời phản ánh với Ban Tổng Giám đốc nhằm đưa ra các kiến nghị chỉnh sửa kịp thời theo đúng các quy định hiện hành.

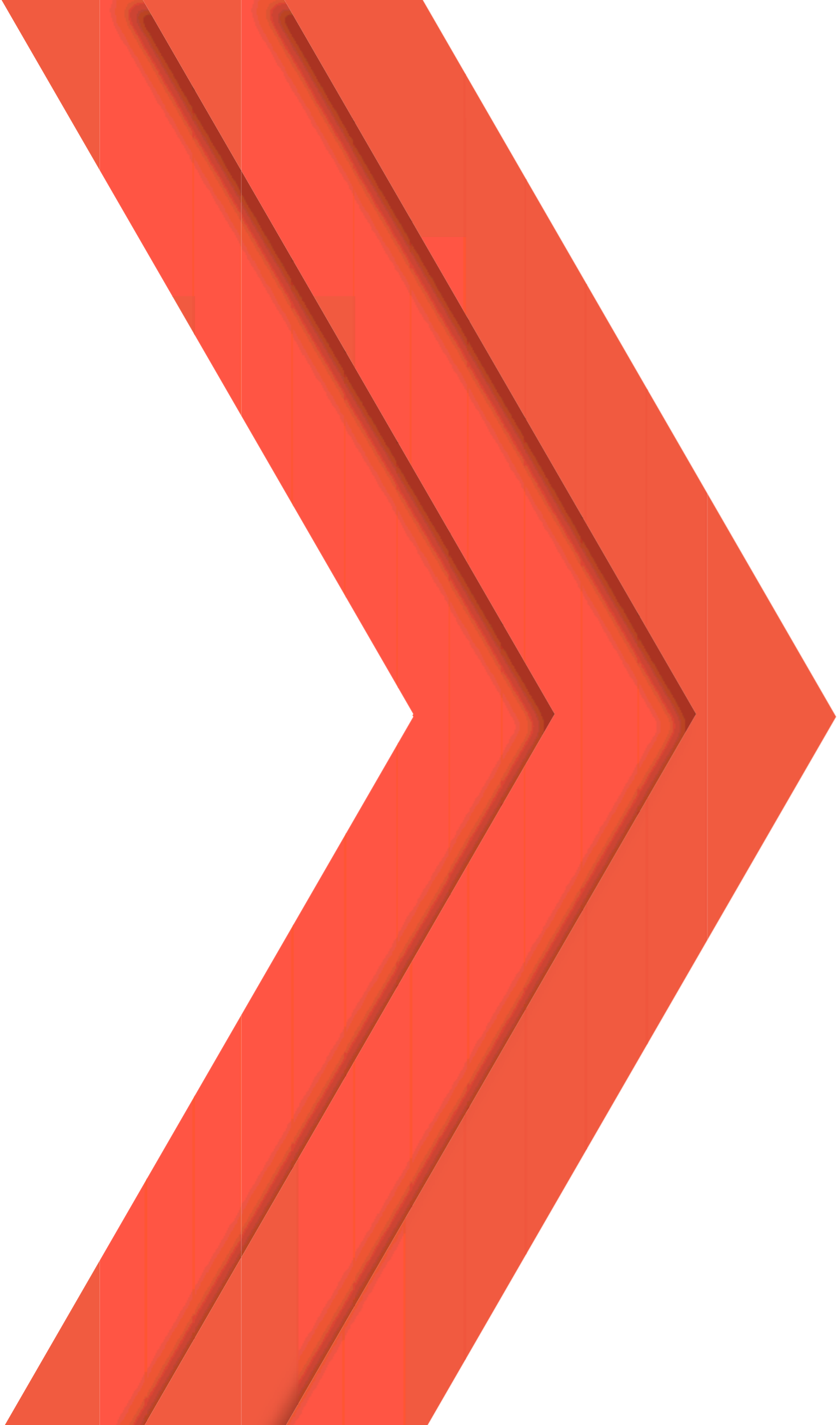
Nhận xét chung: Báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong năm 2013, và báo cáo tài tính đã tuân thủ đúng các quy định có liên quan hiện hành. Tỷ lệ vốn khả dụng và các chỉ tiêu an toàn tài chính của Công ty luôn được duy trì đúng theo quy định của Bộ Tài chính. Các sai sót trong công tác hạch toán kế toán đã được khắc phục, chỉnh sửa kịp thời theo các kiến nghị định kỳ của kiểm toán nội bộ.

Các nhận xét đặc biệt: Không có

TM Kiểm toán nội bộ SSI
Giám đốc



Trần Dương Anh Việt



 **THÔNG TIN
KHÁC**

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ / BAN KIỂM SOÁT

Thành viên và cơ cấu của HĐQT, BKS: Thông tin chi tiết về thành viên HĐQT, BKS được trình bày chi tiết tại mục Cơ Cấu Tổ Chức.

Số lượng thành viên HĐQT, BKS, Ban Tổng Giám Đốc và nhân viên Công ty đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

STT	Họ tên	Chức vụ	Số chứng chỉ QTCT	Ngày cấp
1	Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc	36 QTCT 21/QĐ-TTNC	12/11/2009
2	Nguyễn Hồng Nam	Phó Tổng Giám Đốc	22 QTCT 122/QĐ-TTNC	29/01/2010
3	Ngô Văn Điểm	Thành viên HĐQT	10 QTCT 53/QĐ-TTNC	07/05/2009
4	Bùi Quang Nghiêm	Thành viên HĐQT	29 QTCT 158/QĐ-TTNC	08/09/2009
5	Nguyễn Văn Khải	Trưởng BKS	22 QTCT 123/QĐ-TTNC	29/01/2010
6	Đặng Phong Lưu	Thành viên BKS	50 QTCT 248/QĐ-TTNC	19/9/2013
7	Hồ Thị Hương Trà	Thành viên BKS	18 QTCT 17/QĐ-TTNC	20/01/2010
8	Nguyễn Thị Thanh Hà	Giám Đốc Tài Chính	38 QTCT 21/QĐ-TTNC	12/11/2009
9	Nguyễn Kim Long	Giám Đốc Luật & KSNB	31 QTCT 96/QĐ-TTNC	30/06/2009
10	Hoàng Thị Minh Thủy	Kê toán trưởng	61 QTCT 96/QĐ-TTNC	30/06/2009
11	Trần Thị Thúy	Quyên Giám Đốc PGD Trần Bình Trọng	37 QTCT 21/QĐ-TTNC	12/11/2009

CÁC DỮ LIỆU THỐNG KÊ VỀ CỔ ĐÔNG

Cổ phiếu của Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn được niêm yết vào giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh với mã giao dịch SSI và được lưu ký tập trung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

Cổ phiếu: Đến ngày 31/12/2013, vốn điều lệ của SSI là 3.537.949.420.000 đồng được chia thành 353.794.942 cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng. Công ty không phát hành các loại cổ phần khác ngoài cổ phần phổ thông.

Giao dịch cổ phiếu quý trong năm: Số lượng cổ phiếu quý tại ngày 31/12/2013 là 3.046.908 cổ phiếu, tăng 08 cổ phiếu so với cuối năm 2012 do mua 08 cổ phiếu SSI sửa lỗi giao dịch.

Cơ cấu cổ đông: Cơ cấu cổ đông của công ty và tỉ lệ sở hữu của cổ đông nội bộ được trình bày tại Phụ lục 02 của bản Báo cáo thường niên này. Số liệu được cập nhật theo danh sách cổ đông chốt ngày 14/3/2014 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp.

Phụ lục 1: Giao dịch của cổ đông nội bộ/cổ đông lớn và người liên quan

› Giao dịch cổ phiếu:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thường...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Duy Hưng	CT HĐQT, TGD	186.000	0,053%	294.000	0,08%	Mua cổ phiếu phát hành cho nhân viên tháng 1/2013
2	Nguyễn Hồng Nam	Ủy viên HĐQT, Phó TGD, Người được ủy quyền công bố thông tin	15.747.968	4,466%	15.771.968	4,46%	Mua cổ phiếu phát hành cho nhân viên tháng 1/2013
3	Ngô Văn Điểm	Ủy viên HĐQT	40.000	0,011%	50.000	0,01%	Mua cổ phiếu phát hành cho nhân viên tháng 1/2013
4	Nguyễn Văn Khải	Trưởng BKS	115.012	0,033%	123.012	0,03%	Mua cổ phiếu phát hành cho nhân viên tháng 1/2013
5	Nguyễn Văn Khải	Trưởng BKS	123.012	0,03%	23.012	0,0066%	Đăng ký bán ngày 15/01/2014 Báo cáo kết quả giao dịch ngày 14/02/2014
6	Hồ Thị Hương Trà	Thành viên BKS	10.168	0,003%	14.968	0,00%	Mua cổ phiếu phát hành cho nhân viên tháng 1/2013
7	Đặng Phong Lưu	Thành viên BKS	16.840	0,005%	21.640	0,01%	Mua cổ phiếu phát hành cho nhân viên tháng 1/2013
8	Nguyễn Thị Thanh Hà	GD Tài chính	25.000	0,007%	39.000	0,01%	Mua cổ phiếu phát hành cho nhân viên tháng 1/2013
9	Hoàng Thị Minh Thủy	Kê toán trưởng	20.200	0,006%	0	0%	Đăng ký bán ngày 17/01/2013 Báo cáo kết quả giao dịch ngày 28/01/2013
10	Hoàng Thị Minh Thủy	Kê toán trưởng	-	0,000%	12.000	0,00%	Mua cổ phiếu phát hành cho nhân viên tháng 1/2013
11	Nguyễn Văn Hiến	Em ruột Trưởng BKS	14.000	0,004%	0	0%	Đăng ký bán ngày 14/6/2013 Báo cáo kết quả giao dịch ngày 10/7/2013

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG & QUẢN TRỊ CÔNG TY

› Các giao dịch khác: (các giao dịch của cổ đông nội bộ/cổ đông lớn và người liên quan với chính Công ty)

Bên liên quan	Mối quan hệ
Quý đầu tư thành viên SSI	Công ty con 80% sở hữu
Công ty TNHH Tư vấn và Đầu tư NDH Việt Nam	Chủ tịch HĐQT SSI cũng là chủ đầu tư vốn vào Công ty TNHH
Công ty TNHH NDH Việt Nam	Chủ tịch Hội đồng quản trị SSI cũng là chủ đầu tư vốn vào Công ty TNHH
Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI	Công ty con 100% sở hữu
Công ty Cổ phần Đầu Tư Đường Mặt Trời	Công ty nhận vốn đầu tư và có Chủ tịch HĐQT là em của Chủ tịch HĐQT SSI
Ngân Hàng ANZ	Cổ đông lớn và cổ đông chiến lược
Công ty CP Xuyên Thái Bình (PAN)	Chủ tịch HĐQT SSI cũng là chủ tịch HĐQT của PAN, Phó Tổng Giám đốc Công ty PAN là Trưởng Ban Kiểm soát của SSI

› Các khoản phải thu

Công ty liên quan	Số đầu năm phải thu	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm Phải thu
Quý đầu tư thành viên				
Góp vốn đầu tư	312.000.000.000	-	-	312.000.000.000
Công ty TNHH NDH Việt Nam				
Phí giao dịch chứng khoán	-	467.572.463	467.572.463	-
Phí ứng trước tiền bán chứng khoán	-	84.482.989	84.482.989	-
Công ty CP Đầu Tư Đường Mặt Trời				
Góp vốn đầu tư	14.999.990.000	15.000.000.000	14.999.990.000	15.000.000.000
Phí giao dịch chứng khoán	-	498.688.292	498.688.292	-
Phí ứng trước tiền bán chứng khoán	-	2.068.049	2.068.049	-
Đặt cọc môi giới mua bán trái phiếu	272.100.000.000	1.340.000.000.000	1.526.800.000.000	85.300.000.000
Lãi đặt cọc môi giới mua bán trái phiếu	-	52.973.402.776	52.973.402.776	-
Cổ tức	-	2.249.998.500	2.249.998.500	-
Phí tư vấn đầu tư chứng khoán	-	3.000.000.000	3.000.000.000	-
Công ty CP Xuyên Thái Bình				
Phí giao dịch chứng khoán	-	436.894.950	436.894.950	-
Phí hợp đồng tư vấn	-	3.201.700.000	3.201.700.000	-
Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI				
Góp vốn đầu tư	30.000.000.000	-	-	30.000.000.000
Phí giao dịch chứng khoán	-	1.881.438.518	1.881.438.518	-
Ủy thác danh mục đầu tư	1.548.626.503.469	279.094.635.916	181.000.000.000	1.646.721.139.385
Chuyển lợi nhuận về công ty mẹ	-	35.395.257.020	35.395.257.020	-
Thu nhập ròng từ danh mục ủy thác	119.080.079.071	106.822.723.811	17.242.090.983	208.660.711.899
Ngân Hàng ANZ				
Tiền gửi của nhà đầu tư	455.315.961	901.216.521	1.293.345.084	63.187.398

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG & QUẢN TRỊ CÔNG TY

› Các khoản phải trả

Công ty liên quan	Số đầu năm phải trả	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm Phải trả
Công ty CP Đầu Tư Đường Mặt Trời				
Hợp tác kinh doanh	35.255.470.023	-	35.255.470.023	-
Lãi hợp tác kinh doanh	429.029.173	294.043.761	723.072.934	-
Đặt cọc môi giới mua bán trái phiếu	-	1.358.855.243.879	1.357.555.243.879	1.300.000.000
Lãi tiền đặt cọc môi giới	-	988.118.771	988.118.771	-
Tiền thuê mặt bằng	-	6.885.417.916	6.885.417.916	-
Công ty TNHH Tư Vấn và đầu tư NDH Việt Nam				
Hợp tác kinh doanh	518.584.378	-	518.584.378	-
Lãi hợp tác kinh doanh	3.290.423	212.285	3.502.708	-
Nhận cọc môi giới chứng khoán	-	634.582.391	634.582.391	-
Lãi nhận cọc môi giới chứng khoán	-	25.411.179	25.411.179	-
Công ty CP Xuyên Thái Bình				
Ứng mua chứng khoán	50.100.000.000	-	-	50.100.000.000
Nhận cọc môi giới chứng khoán	-	108.000.000.000	108.000.000.000	-
Lãi nhận cọc môi giới chứng khoán	-	1.159.799.867	1.159.799.867	-
Ứng trước hợp đồng tư vấn	-	30.000.000	-	30.000.000
Chi phí thuê kho và dịch vụ	-	1.149.134.370	1.149.134.370	-
Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI				
Phí quản lý danh mục	1.309.625.784	19.582.923.633	17.242.090.983	3.650.458.434

Phụ lục 2: Cơ cấu vốn cổ đông và tỷ lệ sở hữu đến ngày 31/12/2013

(căn cứ danh sách cổ đông chốt ngày 14/3/2014 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp)

Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông (*)	
				Tổ chức	Cá nhân
Cổ đông Nhà nước	-	-	-	-	-
Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI	-	-	-	-	-
› Trong nước	-	-	-	-	-
› Nước ngoài	-	-	-	-	-
Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn CP trở lên)	126.110.876	35,64%	3	3	-
› Trong nước	28.705.036	8,11%	1	1	-
› Nước ngoài	97.405.840	27,53%	2	2	-
Công đoàn Công ty	-	-	-	-	-
› Trong nước	-	-	-	-	-
› Nước ngoài	-	-	-	-	-
Cổ phiếu quỹ	3.046.908	0,86%	-	-	-
Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)	-	-	-	-	-
Cổ đông khác	224.637.158	63,50%	19.266	176	19.090
› Trong nước	148.711.766	42,03%	17.505	99	17.406
› Nước ngoài	75.925.392	21,46%	1.761	77	1.684
TỔNG CỘNG	353.794.942	100,00%	19.269	179	19.090
Trong đó: - Trong nước	180.463.710	51,01%	17.506	100	17.406
- Nước ngoài	173.331.232	48,99%	1.763	79	1.684

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG & QUẢN TRỊ CÔNG TY

LOẠI HÌNH SỞ HỮU

Đối tượng	Số lượng CP hạn chế chuyển nhượng			Số lượng CP chuyển nhượng tự do	Tổng cộng	Tỉ lệ sở hữu (%)			
	2(**)						3	4 = 2+3	5
	(1)	(2)	(3)						
I. Cổ đông đặc biệt	-	-	-	113.860.348	113.860.348	32,18%			
Hội đồng quản trị	-	-	-	113.749.728	113.749.728	32,15%			
Ban Giám đốc	-	-	-	-	-	-			
Ban Kiểm soát	-	-	-	59.620	59.620	0,02%			
Giám đốc tài chính	-	-	-	39.000	39.000	0,01%			
Kế toán trưởng/ Trưởng phòng TCKT	-	-	-	12.000	12.000	0,00%			
Người được ủy quyền CBTT	-	-	-	-	-	-			
II. Cổ phiếu quỹ	-	-	-	3.046.908	3.046.908	0,86%			
III. Công đoàn Công ty	-	-	-	-	-	-			
IV. Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)	-	-	-	-	-	-			
V. Cổ đông khác	-	-	-	236.887.686	236.887.686	66,96%			
1. Trong nước	-	-	-	160.962.294	160.962.294	45,50%			
1.1 Cá nhân	-	-	-	118.973.964	118.973.964	33,63%			
1.2 Tổ chức	-	-	-	41.988.330	41.988.330	11,87%			
Trong đó Nhà nước:	-	-	-	-	-	-			
2. Nước ngoài	-	-	-	75.925.392	75.925.392	21,46%			
2.1 Cá nhân	-	-	-	10.051.322	10.051.322	2,84%			
2.2 Tổ chức	-	-	-	65.874.070	65.874.070	18,62%			
TỔNG CỘNG:	-	-	-	353.794.942	353.794.942	100,00%			

SỞ HỮU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Loại cổ đông	STT	Họ tên Bao gồm chức vụ (*)	Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng (*) (**)			Cổ phần chuyển nhượng tự do	Tổng cộng	Tỉ lệ sở hữu (%) (*)			
			(1)	(2)	(3)				3	4 = 2+3	5
HĐQT	1	Nguyễn Duy Hưng – Chủ Tịch HĐQT kiêm TGD	-	-	-	294.000	294.000	0,08%			
	2	Nguyễn Hồng Nam – TV HĐQT kiêm Phó TGD, Người Được Ủy Quyền CBTT	-	-	-	15.771.968	15.771.968	4,46%			
	3	Ngô Văn Điểm – TV HĐQT	-	-	-	50.000	50.000	0,01%			
	4	Bùi Quang Nghiêm – TV HĐQT	-	-	-	227.920	227.920	0,06%			
	5	Phan Thị Thanh Bình	-	-	-	-	-	-			
		Đại Diện Phần Vốn: Ngân Hàng Anz (Australia And New Zealand Banking Group Limited)	-	-	-	61.934.420	61.934.420	17,51%			

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG & QUẢN TRỊ CÔNG TY

Loại cổ đông	STT	Họ tên Bao gồm chức vụ (*)	Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng (*) (**)			Cổ phần chuyển nhượng tự do	Tổng cộng	Tỉ lệ sở hữu (%) (*)			
			(1)	(2)	(3)				3	4 = 2+3	5
HĐQT	6	Alistair Marshall Bulloch	-	-	-	-	-	-			
	7	Tetsuo Akuzawa	-	-	-	-	-	-			
		Đại Diện Phần Vốn: Daiwa Securities Group Incorporation	-	-	-	35.471.420	35.471.420	10,03%			
BGĐ	1	Nguyễn Duy Hưng Chủ Tịch HĐQT kiêm TGD	-	-	-	-	-	-			
	2	Nguyễn Hồng Nam TV HĐQT kiêm Phó TGD	-	-	-	-	-	-			
BKS	1	Nguyễn Văn Khải Trưởng BKS	-	-	-	23.012	23.012	0,01%			
	2	Đặng Phong Lưu TV BKS	-	-	-	21.640	21.640	0,01%			
	3	Hồ Thị Hương Trà TV BKS	-	-	-	14.968	14.968	0,00%			
GĐ Tài Chính	1	Nguyễn Thị Thanh Hà	-	-	-	39.000	39.000	0,01%			
KTT/ Trưởng phòng TCKT	1	Hoàng Thị Minh Thủy Kế Toán Trưởng	-	-	-	12.000	12.000	0,00%			
Người được Ủy Quyền CBTT	1	Nguyễn Hồng Nam	-	-	-	-	-	-			
Tổng Cộng			-	-	-	113.860.348	113.860.348	32,18			

Ghi chú số liệu căn cứ vào:

Ghi chú số liệu căn cứ vào:

- › Danh sách cổ đông chốt ngày 14/3/2014 của Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp;
- › Công bố thông tin giao dịch chứng khoán của cổ đông lớn và cổ đông nội bộ (nếu có).

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Thông Tin Doanh Nghiệp	
Tên doanh nghiệp:	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn
Tên tiếng Anh:	Saigon Securities Inc (SSI)
Đại diện theo pháp luật:	Ông Nguyễn Duy Hưng – Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc
Ngày thành lập:	30/12/1999
Vốn điều lệ (tại ngày 31/12/2013):	3.537.949.420.000 đồng
Trụ sở chính:	72 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
Tổng số nhân viên (tại ngày 31/12/2013):	408 trong đó có 158 người có chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán.

Thông Tin Cổ Phiếu	
Số lượng cổ phiếu phổ thông (tại thời điểm 31/12/2013):	353.794.942 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu quỹ (tại thời điểm 31/12/2013):	3.046.908 cổ phiếu
Sàn niêm yết:	Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM (HOSE)
Mã chứng khoán niêm yết:	SSI
Giá giao dịch (giá đóng cửa ngày 31/12/2013):	18.000 đồng/cổ phiếu
Chi trả cổ tức năm 2012 bằng tiền mặt	10% mệnh giá (1.000 đồng/cổ phiếu)
Ngày thực hiện	30/8/2013
Ngày giao dịch không hưởng quyền	23/7/2013
Ngày chốt danh sách cổ đông	25/7/2013
Tạm ứng cổ tức năm 2013	Không có tạm ứng cổ tức trong năm 2013
Tăng vốn điều lệ do phát hành cổ phiếu ESOP	11.832.000.000 đồng
Ngày kết thúc đợt phát hành	28/01/2013
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	1.183.200 cổ phiếu
Mệnh giá cổ phiếu	10.000 đồng/cổ phiếu
Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông
Niêm yết bổ sung	1.183.200 cổ phiếu
Ngày niêm yết bổ sung	12/3/2013
Ngày giao dịch bổ sung	18/3/2013

Thông Tin Liên Hệ	
Quan hệ cổ đông	Bộ phận Truyền Thông – Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn 1C Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam Tel. +84 (4) 39366321 Fax: +84 (4) 39366311 www.ssi.com.vn/InvestorRelations/ Email: pr@ssi.com.vn

PHÍA BẮC

Chi nhánh Hà Nội: 1C Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: +84 4 39366321, Fax: +84 4 39366311

Phòng Giao dịch Trần Bình Trọng: 25 Trần Bình Trọng, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: +84 4 39413383, Fax: +84 4 39413385

Chi nhánh Mỹ Đình: Tầng G, tòa nhà The Manor, Mỹ Đình, Mễ Trì, Từ Liêm, Hà Nội
Điện thoại: +84 4 37946699, Fax: +84 4 37946677

Chi nhánh Hải Phòng: 22 Lý Tự Trọng, Quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng
Điện thoại: +84 31 3569123, Fax: +84 31 3569130

Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI: 1C Ngô Quyền, Hà Nội
Điện thoại: +84 4 39366321, Fax: +84 4 39366337

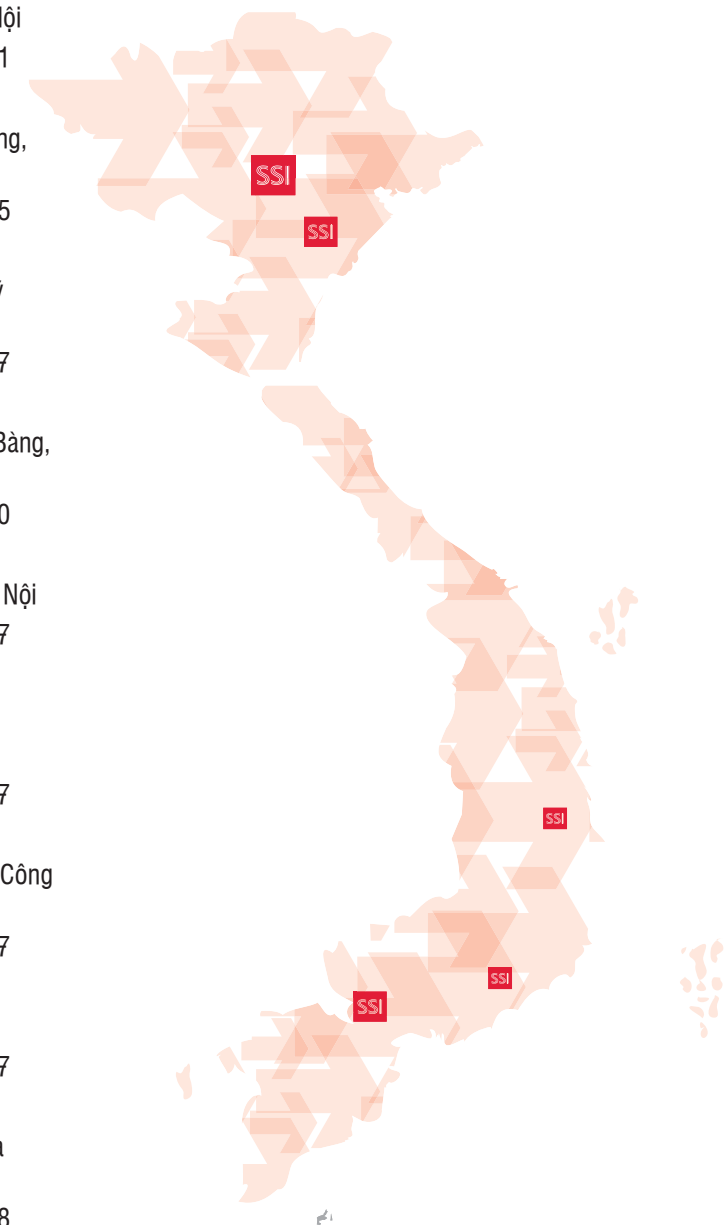
PHÍA NAM

Trụ sở chính: 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM
Điện thoại: +84 8 38242897, Fax: +84 8 38242997

Chi nhánh Nguyễn Công Trứ: 92-94-96-98 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. HCM
Điện thoại: +84 8 38218567; Fax: +84 8 38213867

Chi nhánh Vũng Tàu: 4 Lê Lợi, TP. Vũng Tàu
Điện thoại: +84 64 3521906; Fax: +84 64 3521907

Chi nhánh Nha Trang: 50 Lê Thanh Phương, TP. Nha Trang
Điện thoại: +84 58 3816969; Fax: +84 58 3816968





www.ssi.com.vn

Trụ sở chính: 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM

Điện thoại: +84 8 38242897 - Fax: +84 8 38242997

Ấn phẩm được thiết kế bởi Bộ phận Truyền Thông SSI